

BILLET
TRẦN
DỊCH
THUẬN
LÀ
AI

*Cuốn sách về
một cấm kỵ*



ALAN WATTS



NHÀ XUẤT BẢN
LAO ĐỘNG

Biết Ta Đích Thực Là Ai

Tác giả: Alan Watts

Dịch giả: Vân Nga

Công ty phát hành Nhã Nam

Nhà Xuất Bản Lao Động - 2015



ebook©vctvegroup

30/07/2019



VCTVEGROUP

- Scan: @Nhantinh, @V/C
- Pdf & Ocr: @tran ngoc anh
 - Soát lỗi:
 - Gói 1: @fanstin
 - Gói 2: @dtn94
 - Gói 3: @lequocthe
 - Gói 4: @kerry_13
- Soát tổng: @tiendungtmv
- Đóng gói: @Trúc Quỳnh Đặng

Tặng các con và các cháu

Joan, David, Elizabeth, Christopher

Tia, Mark, Richard, Lila, Diane

Ann, Myra, Michael

LỜI TỰA

Cuốn sách này khảo cứu một điều cấm kỵ không được thừa nhận nhưng đầy sức mạnh - việc chúng ta ngấm ngấm thông đồng để lờ đi vấn đề ta thực sự là ai, hay là cái gì. Tóm lại, thứ luận điểm coi cảm nhận phổ biến về bản thân như một bản ngã biệt lập bao kín trong chiếc túi da là một ảo tưởng, cả theo khoa học phương Tây lẫn các triết giáo thực nghiệm phương Đông - đặc biệt là triết phái Vệ Đà nguyên thủy, cội nguồn của Ấn Độ giáo. Ngộ nhận này là căn nguyên khiến con người lạm dụng công nghệ để chinh phục môi trường tự nhiên một cách tàn bạo, và rốt cuộc là hủy diệt tự nhiên.

Vì vậy chúng ta rất cần có một cảm thức về sự tồn tại của chính mình phù hợp với quy luật tự nhiên, và khắc phục được cảm giác vong thân trong vũ trụ. Để đạt mục đích này, tôi đã viện đến tri thức Vệ Đà, song trình bày theo một lối hoàn toàn hiện đại và Tây phương - nhờ vậy cuốn sách này không trở thành một giáo khoa thư hay cuốn tập vỡ lòng về triết phái Vệ Đà theo nghĩa thông thường. Đúng hơn, cuốn sách này là một cuộc hôn phối chéo giữa khoa học phương Tây và trực giác phương Đông.

Xin dành lời cảm ơn đặc biệt cho vợ tôi, Mary Jane, vì đã biên tập cẩn thận và nhận xét về bản thảo. Tôi cũng cảm ơn Quỹ Bollingen đã tài trợ cho dự án biên soạn cuốn sách này.

Alan Watts, *Sausalito, California*

Tháng 1/1966

MỘT THÔNG TIN NỘI BỘ

Một người trẻ tuổi nên biết những gì để được xem là “người hiểu biết”? Hay nói cách khác, liệu có thứ thông tin nội bộ, điều cấm kỵ đặc biệt, hay một chân tướng nào đó của cuộc đời và sự hiện hữu mà hầu hết các bậc cha mẹ và thầy cô hoặc không biết, hoặc không nói ra?

Ở Nhật từng có tập tục trao cho người trẻ sắp thành hôn “sách gối đầu giường”. Đó là một cuốn sách mộc bản nhỏ, thường tô màu, chỉ vẽ tường tận về giao hợp nam nữ. Tập tục ấy tồn tại, không chỉ vì như người Trung Hoa vẫn nói, “một bức tranh đáng giá vạn lời”, mà còn vì trao cuốn sách cho những đứa con đã trưởng thành của mình, các bậc cha mẹ đỡ cảm thấy ngượng ngùng khi phải đích thân giải thích những chuyện thầm kín. Nhưng ngày nay ở phương Tây, ta có thể kiếm được những thông tin như vậy ở bất kỳ sạp báo nào. Tình dục không còn là điều cấm kỵ nghiêm trọng nữa. Đôi khi thanh thiếu niên biết nhiều về tình dục còn hơn cả người lớn.

Nhưng nếu giờ đây tình dục không còn là cấm kỵ ghê gớm nữa, thì có điều gì là cấm kỵ? Bởi trong xã hội vẫn luôn tồn tại *điều gì đó* bị coi là cấm kỵ, bị giấu giếm, không được mọi người thừa nhận, hay người ta chỉ thoáng liếc nhìn, vì nhìn thẳng thì quá không ổn. Cấm kỵ lồng trong cấm kỵ, như những lớp vỏ hành. Vậy thì Cuốn Sách mà ông bố phải lén trao cho con trai, còn bà mẹ phải lén trao cho con gái, không bao giờ công khai thừa nhận là có nó, cuốn sách ấy phải nói về điều gì?

Trong một số cộng đồng có sự cấm kỵ nghiêm ngặt liên quan đến tôn giáo, thậm chí ở những cộng đồng mà người ta vẫn đi lễ nhà thờ hay đọc *Kinh Thánh*. Ở đó, tôn giáo là việc riêng của mỗi người. Bàn bạc hay tranh luận về tôn giáo là xấu, khiếm nhã, và sẽ là rất tệ, nếu ai đó tỏ ra quá sùng đạo. Nhưng một khi đã thâm nhập sâu vào hầu như bất kỳ một tôn giáo lớn nào, bạn sẽ bắt gặp sự im lặng này có ý nghĩa gì. Chắc chắn, Cuốn Sách mà tôi nghĩ đến không phải cuốn “thánh thư” *Kinh Thánh*, - kho trí tuệ, lịch sử, và ngụ ngôn vĩ đại của người xưa, vốn được xưng tụng là Lời Thiên đến mức có lẽ người ta nên giấu nó đi chừng một đôi thế kỷ, để về sau có thể nghe lại bằng đôi tai mới. Trong *Kinh Thánh* quả thật có những bí mật, và một số điều còn mang tính cách mạng, nhưng thấy đều bị vùi lấp dưới những câu chữ phức tạp, những biểu tượng và lối tư duy cổ xưa, đến mức giáo lý Cơ Đốc thành ra vô cùng khó diễn giải đối với con người thời nay. Thành ra, nếu không bằng lòng với việc đơn giản hóa giáo lý thành sống đời thánh thiện và noi gương Chúa Jesus, thì cũng chẳng hề có ai giải thích phải làm điều ấy thế nào. Để làm được điều ấy, người ta phải có khả năng đặc biệt Chúa ban, gọi là “ân điển”, nhưng tất cả những gì chúng ta thực sự biết về ân điển là một số người được ban, số khác thì không.

Các tôn giáo lớn, dù là Do Thái giáo, Cơ Đốc giáo, Hồi giáo, Ấn Độ giáo, hay Phật giáo - như ngày nay người ta vẫn thực hành - đều như những cái mỏ đã cạn, rất khó khai thác. Trừ vài ngoại lệ hiếm hoi, quan điểm của các tôn giáo nêu trên về con người và thế giới, những hình tượng, lễ thức và ý niệm về cuộc sống đạo hạnh xem ra không phù hợp với thế giới như chúng ta đang biết, hay với một xã hội đang đổi thay nhanh đến mức những điều ta vừa học ở trường đã thành lỗi thời ngay hôm ta tốt nghiệp.

Cuốn Sách tôi đang ấp ủ viết không mang tính tôn giáo theo nghĩa thông

thường, mà bàn đến nhiều vấn đề mà tôn giáo quan tâm - như vũ trụ và vị trí của con người trong đó, cái trung tâm kinh nghiệm bí ẩn mà ta gọi là “cái tôi”, những vấn đề về sự sống và tình yêu, khổ đau và cái chết, và câu hỏi liệu sự tồn tại có ý nghĩa chẳng, theo *bất kỳ* nghĩa nào của từ này. Vì ngày càng có nhiều người tin rằng, tồn tại thực chất chỉ là một cuộc chạy đua ác liệt không lối thoát: mọi sinh vật, bao gồm cả con người, chẳng qua chỉ là những cái ống nuốt các thứ vào đầu này rồi thải ra ở đầu kia, nhờ đó chúng có thể tồn tại, nhưng về lâu dài cũng sẽ vì vậy mà kiệt sức. Vậy nên, để vờ kịch vui nhộn tiếp diễn, những chiếc ống tìm cách tạo ra những chiếc ống mới. Ở đầu vào, chúng thậm chí phát triển đầu mỗi thần kinh gọi là não, kèm theo mắt và tai, nhờ đó chúng có thể dễ dàng tìm các thứ để nuốt hơn. Khi đã ăn đủ, chúng dùng cho hết năng lượng thừa bằng cách chuyển động theo nhiều dạng thức phức tạp, tạo đủ thứ tiếng ồn bằng cách hút đẩy không khí qua đầu vào, và còn kết thành bè nhóm để đánh nhau với các nhóm khác. Theo thời gian, những chiếc ống phát triển thêm các bộ phận đi kèm thừa thãi đến mức khó mà nhận ra chúng thực chất chỉ là những chiếc ống, và làm việc đó bằng nhiều cách đa dạng đến kinh ngạc. Giữa chúng hình thành một nguyên tắc mơ hồ là không được ăn những chiếc ống đồng dạng với mình, nhưng nhìn chung luôn tồn tại một cuộc cạnh tranh gay gắt để trở thành loại ống đứng đầu. Những điều này dường như vô nghĩa lạ lùng, thế nhưng, khi suy ngẫm sâu hơn, ta sẽ thấy chúng lạ lùng hơn là vô nghĩa. Thực vậy, chúng hết sức kỳ quặc.

Quả là một kiểu giác ngộ đặc biệt khi cảm thấy cái thông thường, lẽ tự nhiên của vạn vật, lại thật kỳ quặc - kỳ lạ và không thể tin được. Nhà văn người Anh G. K. Chesterton từng nói rằng sững sốt trước hình ảnh nữ thần tóc rắn hay sư tử đầu chim, những sinh vật vốn không tồn tại, là một chuyện;

nhưng sống sót trước một con tê giác hay hươu cao cổ, những sinh vật thực sự tồn tại mà trông cứ như thể không tồn tại, thì lại là điều hoàn toàn khác và ở tầm cao hơn. Cảm giác lạ lùng trước thế giới còn bao gồm mỗi bản khoản chung và mãnh liệt về ý nghĩa của vạn vật. Tại sao, trong tất cả mọi thế giới khả hữu, lại tồn tại một thế giới này với không-thời gian uốn cong một cách bí ẩn? Tại sao trong không gian lại hiện hữu hằng hà sa số những thiên hà tưởng chừng như không cần thiết, mà ở một nơi trong đó có ngàn vạn loài sinh vật ống khác nhau lao vào trò tranh giành ưu thế^[1] điên cuồng? Ở đâu ra vô số hình thái đa dạng mà chúng ta quan sát được trong thế giới không có gì không có này, từ cấu trúc tinh tế của những bông tuyết hay tế bào tạo cát cho tới vẻ lộng lẫy của loài thiên cầm hay chim công?

Ludwig Wittgenstein^[2] và các triết gia “logic” hiện đại khác đã cố gạt bỏ câu hỏi này, khẳng định rằng nó vô nghĩa và không cần đặt ra. Hầu hết các vấn đề triết học đều được giải quyết bằng cách bỏ qua, bằng cách tiến thẳng tới điểm mà tại đó, những câu hỏi như “Vì sao là vũ trụ này?” được nhìn nhận là loạn trí. Sự loạn trí này biểu hiện ở cách dùng sai lệch ngôn từ, tương tự như trong câu hỏi tuy *nghe có vẻ* hợp lý nhưng kỳ thực vô nghĩa là “Vũ trụ này ở đâu?”, vì mọi thứ đều ở bất kỳ đâu cũng phải thuộc nơi nào đó trong vũ trụ này. Vậy nên, nhiệm vụ của triết học là chữa trị cho người ta khỏi thói quen đặt những câu hỏi vô nghĩa như thế. Wittgenstein, như chúng ta sẽ thấy, thực ra cũng có phần đúng. Tuy vậy, bản khoản không phải một căn bệnh. Bản khoản, và biểu hiện của nó trong thi ca và nghệ thuật, là một trong những phẩm chất quan trọng nhất giúp phân biệt con người với những động vật khác, hay phân biệt người thông minh, tinh tế với kẻ ngu đần.

Vậy thì, liệu có tồn tại chẳng, trong bức tranh vũ trụ đáng kinh ngạc này, một chân tướng nào đó, một điều chưa bao giờ thực sự được các hệ thống tôn

giáo và triết học truyền thống tiết lộ dưới dạng Câu Trả Lời? Có đấy. Nó đã được nhắc đi nhắc lại, nhưng theo cách thức mà chúng ta ngày nay, trong nền văn minh này, không nghe thấy. Chúng ta không hình dung được chân tướng ấy có thể kéo theo những hệ quả nghiêm trọng và thậm chí có tác hại đến thế nào nếu được loan báo. Vấn đề là nó không chỉ là đòn bẩy gây ra những biến động trong đời sống chính trị và đạo đức, mà còn ảnh hưởng đến thế giới quan của chúng ta: cảm thức thông thường của chúng ta về sự vật sẽ bị đảo lộn từ trong ra ngoài, từ trên xuống dưới. Ngày nay, chúng ta vẫn chưa thể hình dung rõ ràng được những biến động trong chính trị và đạo đức đó có thể là gì. Bởi cho đến nay, cuộc cách mạng tâm thức này mới chỉ giới hạn ở một số ít cá nhân riêng biệt; theo tôi biết, nó chưa từng là phổ biến với các cộng đồng hay xã hội. Nên không có gì là lạ, khi nó thường được coi là quá nguy hiểm cho số đông. Vì vậy mà có cấm kỵ.

Nhưng thế giới đang ở trong tình trạng đặc biệt nguy hiểm, mà bệnh hiểm nghèo lại thường cần tới phương pháp chữa chạy mạo hiểm - như huyết thanh kháng dại của Pasteur. Chúng ta không thể cứ thế làm nổ tung hành tinh này bằng bom hạt nhân, tự thắt cổ mình vì nạn nhân mãn, tàn phá các nguồn tài nguyên thiên nhiên vì bảo tồn kém cỏi, hay hủy hoại đất đai cây cối với hóa chất và thuốc trừ sâu dùng không đúng cách. Mặc dù nền văn minh của chúng ta có thể đạt được những thành tựu lớn lao trong phát triển công nghệ, nhưng đồng thời cũng có rất nhiều người rơi vào tình trạng bất an, sợ hãi - phần nào bởi vì lối sống của chúng ta phải liên tục thay đổi. Tình huống này cũng giống như trong một trò chơi mà luật chơi mỗi lúc một khác nhưng người chơi không bao giờ hiểu cặn kẽ - một trò chơi ta không thể rút lui nếu không tự sát, và không bao giờ được quay lại luật chơi cũ.

Tuy nhiên, vấn đề con người và nền văn minh công nghệ thường được

nhìn nhận sai cách. Người ta cho rằng nhân loại đã tiến hóa lệch, phát triển sức mạnh công nghệ mà thiếu sự phát triển tương ứng về mặt đạo đức, hay như một số người nhận định, dù đạt được các thành tựu công nghệ như thế, nhưng chúng ta thiếu sự tiến bộ tương xứng trong giáo dục và tư duy hợp lý. Thực ra, vấn đề đặt ra ở đây căn bản hơn nhiều. Gốc vấn đề nằm ở cách chúng ta cảm thấy và nghĩ mình là con người, ở cảm giác của chúng ta về việc được sống, được là một hiện hữu cá nhân và có nhận dạng. Chúng ta khổ sở vì một ảo tưởng xuất phát từ cảm nhận sai lầm và méo mó về sự tồn tại của chính mình như những sinh vật sống. Phần lớn chúng ta có cảm giác “cái tôi” là một trung tâm cảm giác và hành động riêng biệt, tồn tại và bị giới hạn bởi thân xác - một trung tâm “đương đầu” với thế giới con người và sự vật “bên ngoài”, thông qua các giác quan để tiếp xúc với một thế giới xa lạ và kỳ quặc. Các lối tu từ hằng ngày của chúng ta phản ánh ảo tưởng này. “Tôi bước vào thế giới này.” “Anh phải *đối mặt* với hiện thực.” “Chinh phục thiên nhiên.”

Cảm giác về bản thân như là vị khách tạm cô lẻ trong thế giới này hoàn toàn trái ngược với tất cả những gì khoa học nói về con người (và tất cả các sinh vật sống khác). Chúng ta không “bước vào” thế giới này; chúng ta *từ nơi này mà ra*, như lá trên cây rụng xuống. Như đại dương có “sóng”, thế giới có “con người”. Mỗi cá nhân là một hiện thân của thế giới tự nhiên, một hành động độc nhất vô nhị của toàn vũ trụ. Hầu hết các cá nhân đều hiếm khi, thậm chí chưa bao giờ, trải nghiệm chân tướng này. Thậm chí có người biết điều trên là đúng về mặt lý thuyết nhưng vẫn không hiểu hay không cảm nhận được nó, mà tiếp tục ý thức mình là một “bản ngã” riêng biệt bên trong chiếc bao da.

Hậu quả đầu tiên của ảo tưởng này là chúng ta có thái độ khá thù địch đối

với thế giới “bên ngoài”. Chúng ta không ngừng “chinh phục” thiên nhiên, vũ trụ, núi non, hoang mạc, vi trùng và côn trùng thay vì học cách sống hợp tác và hài hòa với chúng. Ở Mỹ, biểu tượng vĩ đại cho cuộc chinh phục này là xe ủi đất và tên lửa - công cụ giúp san phẳng núi đồi dành chỗ cho những chiếc hộp nhỏ làm từ vật liệu xấu xí tồi tàn và những kiến trúc thẳng đứng hình dương vật khổng lồ như xé toạc bầu trời. (Mặc dù, chúng ta có các kiến trúc sư giỏi biết cách thiết kế nhà cửa hài hòa, không phá vỡ cảnh quan đồi núi, cũng như có các nhà thiên văn học hiểu rõ rằng Trái đất bay trong khoảng không vũ trụ, và rằng để nghiên cứu các thế giới khác thì trước hết chúng ta cần những thiết bị điện tử tinh nhạy, tương tự như đôi mắt, có thể đưa những vật thể ở xa xôi nhất vào tầm của não bộ^[3].) Thái độ thù địch của con người khi chinh phục thiên nhiên bỏ qua mối liên hệ tương thuộc giữa mọi sự vật và hiện tượng - không nhận thấy thế giới bên ngoài lớp da của chúng ta thực ra là sự mở rộng của nhục thân ta - và kết cục sẽ hủy diệt chính môi trường mà từ đó ta sinh ra và cả đời phụ thuộc vào nó.

Hậu quả thứ hai của việc cảm thấy chúng ta là những trí tuệ riêng biệt trong một thế giới xa lạ và hầu như ngu ngốc là chúng ta không có ý thức *chung*, không sao hiểu được cái thế giới mà chúng ta cùng thừa nhận. Quan hệ của chúng ta được xây dựng trên các ý kiến trái chiều, do đó những kẻ tuyên truyền to mồm hung hãn nhất (và bởi vậy mà thiếu nhạy cảm nhất) sẽ là người được quyết định. Mớ hỗn độn những ý kiến đối chọi được thống nhất bởi sức ép tuyên truyền là nguồn kiểm soát có thể nói tồi tệ nhất cho một nền công nghệ hùng mạnh.

Vì thế, ở cuối thế kỷ 20, chúng ta dường như cần đến bậc kỳ tài sáng tạo nên thứ tôn giáo mới, một triết lý về sự sống và một thế giới quan đáng tin cậy và được chấp nhận chung, để từ đó mỗi cá nhân có thể cảm thấy thế giới

nói chung và cuộc đời của chính anh ta nói riêng có ý nghĩa. Niềm hy vọng này, như lịch sử đã chứng minh nhiều lần, là chưa đủ. Các tôn giáo chia rẽ và hay sinh sự. Tôn giáo thực ra là một hình thức của trò chơi tranh giành ưu thế vì chúng dựa trên sự phân biệt “kẻ được cứu rỗi” với “kẻ bị nguyên rủa”, tin đồ chân chính với kẻ dị giáo, người có đạo và kẻ ngoại đạo. Ngay cả những người cấp tiến trong tôn giáo cũng chơi trò “chúng tôi vị tha hơn các người”. Chưa hết, là những hệ thống giáo điều, biểu tượng, và tiêu chuẩn hành vi, các tôn giáo đông cứng lại thành các thiết chế đòi hỏi phải có lòng trung thành, phải được bảo vệ và giữ “thanh khiết”, và vì mọi đức tin đều là niềm hy vọng nhiệt thành, là vỏ bọc che đậy sự hồ nghi cũng như bất ổn - nên các tôn giáo phải đi cải đạo để thu hút đông đảo tín đồ. Càng có thêm nhiều kẻ đồng tình thì nỗi bất an triền miên của chúng ta về vị thế của mình càng giảm bớt. Rốt cuộc dẫn đến chỗ người ta nguyện trở thành một tín đồ Cơ Đốc hay Phật tử, để tiếp nhận những thứ được đưa đến dưới hình thức tri thức mới. Những tư tưởng mới và khó hiểu được khôn khéo lồng thêm vào giáo lý truyền thống, dù không thích hợp, để tín đồ vẫn có thể khẳng định lập trường, “Đầu tiên và trước hết tôi là một môn đồ của Chúa Jesus/Mohammed/Đức Phật, hay bất cứ vị thánh nào.” Lời thề kiên tín đối với bất kỳ tôn giáo nào không chỉ là sự tự sát về mặt trí tuệ mà còn rành rành là phản đức tin vì nó đóng chặt tâm thức trước bất kỳ cái nhìn mới nào về thế giới. Đức tin, trên hết, là phi định kiến - là đặt niềm tin vào điều chưa biết.

Một tín đồ Nhân chứng Jehovah^[4] nhiệt thành từng cố thuyết phục tôi rằng nếu Chúa lòng lành thực yêu thương loài người, ngài hẳn sẽ ban cho họ một cuốn thánh thư xác tín, đáng tin cậy để chỉ dẫn đạo đức hành vi. Tôi đáp lại rằng không một vị Chúa từ tâm nào lại hủy hoại đầu óc con người bằng cách khiến họ trở nên chây ì đến độ chỉ biết phụ thuộc vào một cuốn sách có

mọi lời giải đáp, kiểu như *Kinh Thánh*. Vì việc sử dụng ngôn từ, và suy ra là sách, đều nhằm tới cái đích ở bên ngoài chúng, tới thế giới của đời sống và kinh nghiệm không chỉ giới hạn ở ngôn từ, hoặc kể cả tư tưởng. Cũng như tiền không phải là tài sản thực có thể tiêu thụ trực tiếp, sách vở không phải đời sống. Sùng bái kinh sách chẳng khác gì ăn tiền giấy.

Do vậy, Cuốn Sách tôi muốn lên trao các con mình có nội dung hoàn toàn không bị bó buộc. Cuốn Sách sẽ đẩy chúng trượt vào một địa hạt mới, không thuần túy của tư tưởng, mà của kinh nghiệm và cảm nhận. Cuốn Sách sẽ tựa như một liều thuốc tạm thời, không phải món ăn kiêng nhằm chán hăng ngày; một xuất phát điểm để bắt đầu hành trình, không phải khuôn vàng thước ngọc cho mọi thời điểm. Các con tôi sẽ đọc một lần rồi thôi, vì nếu sách mạch lạc rõ ràng, chúng sẽ không phải đọc đi đọc lại để tìm những ý nghĩa ẩn giấu hay lời giải thích cho những giáo điều mờ mịt.

Chúng ta không cần tôn giáo mới hay kinh thánh mới. Chúng ta cần một trải nghiệm mới - một cảm nhận mới về việc trở thành “tôi” nghĩa là gì. Chân tướng cuộc sống (dĩ nhiên, đó là cái nhìn bí mật và thâm sâu) chỉ ra rằng cảm nhận thông thường của ta về bản ngã chẳng qua chỉ là ảo tưởng, hay bất quá cũng chỉ là một vai tạm thời mà ta đang diễn hoặc bị dính mắc vào do sự ngằm chấp thuận của ta, cũng như người bị thôi miên về cơ bản đều do tự nguyện. Khắt khe nhất trong mọi điều cấm kỵ từng được biết đến là cấm kỵ ngăn ta biết ta đích thực là ai hay là gì phía sau chiếc mặt nạ bản ngã dường như tồn tại riêng biệt, độc lập và lẻ loi. Tôi không cho rằng cái Tự ngã hay Vô thức ban sơ của Freud^[5] là chân tướng đứng sau mặt nạ nhân cách. Freud, như ta sẽ thấy, vốn chịu ảnh hưởng từ trào lưu “giảm hóa luận” của thế kỷ 19, một nhu cầu lạ lùng nhằm hạ thấp văn hóa và trí tuệ con người bằng cách gọi đó là sản phẩm ngẫu nhiên, thứ yếu của những thế lực phi lý và mù

quáng. Thời đó họ còn cố hết sức chứng minh rằng nho có thể mọc từ bụi gai.

Như vẫn thường thấy, những gì chúng ta lấp liếm và bỏ qua lại hiển nhiên hơn cả. Cái khó ở đây là điều đó rõ ràng và căn bản *đến mức* không thể tìm nổi ngôn từ thích hợp để diễn đạt. Người Đức gọi đó là *Hintergedanke*, một hình dung ẩn sâu trong đáy tâm thức mà ta rất khó thừa nhận, thậm chí với chính mình, về sự tồn tại của nó. Cảm nhận về cái “tôi” như một trung tâm hiện hữu đơn độc và riêng biệt thực sự quá thuyết phục và hợp lẽ, quá nền tảng đối với lối suy nghĩ và phát ngôn của chúng ta, đối với luật lệ và các thiết chế xã hội, đến độ ta không thể nào cảm nghiệm cái tôi của mình là gì đó khác ngoài một tồn tại nhỏ bé trong toàn thể trật tự của vũ trụ này. Cái tôi tự thân dường như là tia sáng yếu ớt lóe lên một lần duy nhất trong vô tận thời gian - là một sinh thể hiếm hoi, phức tạp và hết sức mỏng manh bên lề tiến hóa sinh học, nơi con sóng sự sống vỡ thành từng giọt lấp lánh muôn màu rực sáng trong thoáng chốc để rồi tan đi vĩnh viễn. Với bối cảnh như vậy, ta coi mọi nỗ lực để nhận thức bản thân không chỉ trú ngụ trong một giọt duy nhất, mà nằm trong toàn bộ biển năng lượng dàn trải từ các thiên hà cho đến trường hạt nhân trong thân thể ta dường như là bất khả và phi lý. Ở cấp độ tồn tại này, cái “tôi” là một hiện hữu từ đã lâu; các hình thái của “tôi” là vô tận, và sự đến rồi đi của chúng chỉ đơn giản là những dao động hay xung động của một dòng năng lượng trường tồn.

Nhận thức được điều trên rất khó, vì tư duy khái niệm không nắm bắt được nó. Việc này tương tự như khi đôi mắt ta cố nhìn thẳng vào chính chúng, hay khi ai đó cố miêu tả màu sắc của tấm gương theo những màu phản chiếu trong gương. Cũng như bản thân khả năng thị giác quan trọng hơn hết thảy mọi điều đôi mắt thấy được, nền tảng hay “căn nguyên” sự tồn

tại và nhận thức của ta không thể hiểu theo những khái niệm con người từng biết. Vì vậy, chúng ta buộc phải nói về nó thông qua thần thoại - tức là, qua những ẩn dụ, so sánh và các hình ảnh để nói nó *giống* cái gì, chứ không thể nói nó *là* cái gì. Ở một thái cực, “thần thoại” có nghĩa là chuyện hoang đường, bịa đặt hay mê tín. Nhưng ở thái cực kia, “thần thoại” là minh họa hữu ích và hiệu quả, nhờ đó ta có thể cảm nhận cuộc sống phần nào tương tự giống như cách ta giải thích lực điện từ thông qua so sánh với hoạt động của nước hay không khí. Vậy nhưng, “thần thoại” - theo nghĩa thứ hai này - không được hiểu theo nghĩa đen, cũng như không được đồng nhất điện với không khí hay nước. Khi sử dụng thần thoại, người ta phải thận trọng không nhầm lẫn hình ảnh với thực tại, giống như không được trèo lên cột chỉ đường thay vì đi theo con đường.

Vậy nên, thần thoại là hình thức mà tôi trả lời khi bọn trẻ hỏi tôi những câu hỏi siêu hình cơ bản bằng đâu nảy ra trong óc chúng: “Thế giới từ đâu mà ra?” “Vì sao Chúa tạo ra thế giới?” “Con ở đâu khi chưa sinh ra?” “Người ta sẽ đi đâu sau khi họ chết?” Hết lần này đến lần khác, tôi đều phát hiện bọn trẻ có vẻ hài lòng với một câu chuyện đơn giản và hết sức xa xưa, đại khái thế này:

“Thế giới không có thời điểm bắt đầu, vì nó cứ quay vòng, quay vòng, như trên một đường tròn, mà đường tròn thì không có chỗ nào là điểm khởi đầu cả. Hãy nhìn chiếc đồng hồ xem, nó chỉ thời gian; kim đồng hồ quay theo vòng tròn, và thế giới này cũng tự lặp đi lặp lại như vậy. Nhưng giống chiếc kim giờ chỉ đến số mười hai rồi vòng xuống số sáu, luôn phải có ngày và đêm, thức rồi ngủ, sống và chết, hè rồi đông. Ta không thể có bất kỳ thứ gì trong đó mà không kèm theo đối trọng của nó, bởi lẽ ta sẽ chẳng thể nào biết đen là gì trừ phi đã thấy đen cạnh trắng, hay trắng là gì trừ phi thấy trắng

cạnh đèn.

“Tương tự như vậy, thế giới khi có, khi không, vì nếu cứ tiến mãi về trước không ngừng nghỉ, nó sẽ tự phát chán. Nó đến rồi đi. Lúc này ta thấy nó; lúc khác lại không. Vậy là, vì không thấy nhàm chán, thế giới sẽ luôn trở lại sau một thời gian biến mất. Cũng như hơi thở của chúng ta: hít vào rồi thở ra, nếu cố nín thở ta sẽ thấy rất kinh khủng. Hoặc cũng như trò chơi trốn tìm, luôn rất vui khi tìm được chỗ trốn mới và đi tìm ai đó không ngừng đổi chỗ trốn.

Thượng đế cũng thích chơi trốn tìm, nhưng ngài chẳng có ai ngoài chính mình để chơi. Ngài vượt qua trở ngại này bằng cách vờ như không phải là mình. Đây là cách ngài đi trốn chính mình. Ngài đóng vai ta và các con, là hết thảy mọi người trong vũ trụ, là muông thú, cỏ cây, đất đá và tất cả những vì sao. Bằng cách đó, ngài có những cuộc phiêu lưu kỳ thú, đôi lúc thật khủng khiếp và kinh hoàng. Nhưng những cuộc phiêu lưu đó chỉ như ác mộng, vì khi ngài tỉnh giấc chúng sẽ biến mất.

“Vậy là, khi Thượng đế đi trốn rồi đóng vai ta và các con, ngài chơi tài đến mức phải rất lâu sau ngài mới nhớ ra ngài đã giấu mình ở đâu và ra sao. Nhưng đó mới là cái thú của trò chơi - là điều ngài muốn làm. Ngài không muốn tìm thấy mình quá nhanh, vì như vậy sẽ làm hỏng cuộc chơi. Nên chúng ta rất khó nhận ra rằng mình là Thượng đế giả trang đang vờ như không phải là chính ngài. Nhưng khi trò chơi kéo dài đủ lâu, tất cả chúng ta sẽ tỉnh giấc, không đóng kịch nữa, và nhớ ra rằng chúng ta hết thảy đều là một Ngã duy nhất - Thượng đế là toàn thể và bất tử.

“Dĩ nhiên, ta phải nhớ rằng Thượng đế không có hình hài như con người. Con người có da và bao giờ cũng tồn tại thứ gì đó bên ngoài da thịt chúng ta. Nếu không, ta chẳng thể nào phân biệt được cái bên trong và bên ngoài thân

thể. Nhưng Thượng đế không có da cũng như hình thù, vì chẳng có gì bên ngoài ngài cả. [Với một đứa trẻ đủ thông minh, tôi sẽ minh họa điều này bằng vòng Mobius - dải giấy xoắn được dán hai đầu lại với nhau, chỉ có một mặt và một biên.] Bên trong và bên ngoài Thượng đế là một. Và mặc dù ta đang nói về Thượng đế như là ‘đàn ông’, thực ra Thượng đế không phải đàn ông, cũng chẳng là đàn bà. Ta không dùng ‘nó’ vì từ ‘nó’ hay được dùng để chỉ những thứ vô tri.

“Thượng đế là Ngã của thế giới, nhưng ta không thể thấy Thượng đế bởi cùng một lý do: nếu không có tấm gương ta không thấy được mặt mình, và dĩ nhiên ta không thể cắn vào răng của chính mình hay nhìn vào trong đầu mình. Ngã của chúng mình được ẩn đi khôn khéo đến vậy bởi đó là Thượng đế đang trốn.

“Ta có thể thắc mắc tại sao có lúc Thượng đế lẫn trốn dưới dạng kẻ ác, hay đóng vai những người phải chịu bệnh tật và đau đớn khủng khiếp. Hãy nhớ, trước hết, là ngài không làm vậy cho ai khác ngoài chính ngài. Và cũng nên nhớ rằng, trong hầu hết những câu chuyện chúng ta yêu thích đều phải có kẻ thiện lẫn kẻ ác, vì cái ly kỳ của câu chuyện là xem kẻ thiện sẽ chiến thắng kẻ ác ra sao. Điều này tương tự như khi ta chơi bài. Khi bắt đầu một ván, ta tráo các quân bài thành một mớ lộn xộn, tựa như những điều xấu xa ở đời, nhưng mấu chốt của trò chơi là sắp xếp đống lộn xộn thành một trật tự tốt đẹp, và ai làm giỏi nhất sẽ là người thắng cuộc. Thế rồi ta tráo bài lần nữa và chơi lại từ đầu, thế giới này cũng diễn tiến như vậy.”

Câu chuyện này, rõ ràng là thần thoại về mặt hình thức, không thể coi như một mô tả *khoa học* về diễn tiến của vạn vật. Dựa trên những so sánh với trò chơi và kịch nghệ, dùng từ cũ mòn là “Thượng đế” để chỉ Người chơi, câu chuyện chỉ nêu ra điều *có vẻ như là* cách thức tồn tại của sự vật.

Tôi dùng câu chuyện này tương tự như các nhà thiên văn giải thích về vũ trụ giãn nở bằng hình ảnh một khí cầu đen được bơm phồng, bên trên có những chấm trắng chỉ các thiên hà. Với hầu hết trẻ con, và thậm chí nhiều người lớn, thì câu chuyện tưởng tượng này rất dễ hiểu, giản dị và lôi cuốn. Trái lại, quá nhiều lý giải có tính thần thoại khác về thế giới mập mờ, loanh quanh, và khó hiểu. Nhưng nhiều người lại cho rằng tin vô điều kiện vào những tuyên thuyết và biểu tượng khó hiểu trong tôn giáo của họ là thử thách của đức tin chân chính. “Tôi tin,” nhà biện giáo Cơ Đốc Tertullian^[6] đã nói, “vì nó phi lý.”

Những người tư duy độc lập không chấp nhận quan niệm về kiểu uy quyền này. Họ không cảm thấy nhất thiết phải tin vào phép lạ hay những giáo lý dị thường như Abraham trong *Kinh Thánh* cảm thấy Chúa Trời lệnh cho phải hy sinh con trai mình là Isaac. T. George Harris^[7] đã nói:

Theo tôn ti trật tự phổ biến trong xã hội xưa, chủ nhân luôn lăm le trừng phạt bất cứ lỗi lầm nào của kẻ dưới, khiến cho con người quen với cảm giác về chuỗi uy quyền khắc nghiệt dồn nén từ “bên trên”. Chúng ta không cảm thấy gánh nặng này trong xã hội tự do bình đẳng ngày nay. Từ thời bác sĩ Spock^[8], chúng ta thậm chí không còn có nhiều người cha kiểu Jehovah trong gia đình con người. Vậy nên trong tiềm thức, đa số chúng ta không còn tìm kiếm sự tha thứ từ một Chúa Trời thịnh nộ trên cao.

Nhưng, ông nói tiếp:

Thế hệ chúng ta biết đến một địa ngục lạnh lẽo, sự giam cầm cô đơn trong cuộc đời này, không có Thượng đế để dọa dẫm hay cứu vớt.

Chừng nào con người còn chưa nhận ra y nằm trong bẫy, thì bằng sức lực của chính mình, y sẽ không đạt đến “Bản thể Tuyệt đối”, và y hoàn toàn không thể hiểu ý nghĩa sự tồn tại của mình. Trống rỗng, hữu hạn, y chỉ biết một điều rằng chẳng bao lâu y sẽ chết. Vì cuộc đời này không có ý nghĩa, còn kiếp sau thì y không thấy, nên y không thực sự là một cá nhân mà là nạn nhân của sự tự diệt vong.^[9]

“Bản thể Tuyệt đối” là thuật ngữ Paul Tillich đã lọc ra để chỉ “Thượng đế” và cũng cùng ý nghĩa với “Ngã của thế giới”, như tôi đã đề cập trong câu chuyện kể cho bọn trẻ. Nhưng có một bí mật mà câu chuyện của tôi đã khéo léo tiết lộ cho đứa trẻ: đó là Bản thể Tuyệt đối chính là *ta*. Dĩ nhiên, *ta* không phải đối tượng mà ngày ngày Bản thể khoác lấy hay “đóng vai”, mà là cái Ngã ở tận sâu thẳm luôn thoát khỏi mọi cuộc thanh tra vì chính nó là kẻ đi thanh tra. Bởi thế, đây chính là cấm kỵ tốt cùng trong mọi cấm kỵ: *ta* chính là **NÓ!**

Vậy mà trong nền văn hóa của chúng ta, điều trên lại là mốc giới để xác định tình trạng mất trí, là báng bổ độc địa nhất trong mọi báng bổ, ảo tưởng ngông cuồng nhất trong mọi ảo tưởng. Điều này, chúng ta tin, là tốt cùng của chứng vĩ cuồng - thối phồng bản ngã đến mức phi lý. Vì tuy một tay ta trau dồi cái tôi nhưng tay kia ta lại tàn phá. Thế hệ này sang thế hệ khác, chúng ta nặng tay đánh con cái mình để dạy chúng “biết thân biết phận”, biết hành xử, suy nghĩ và cảm nhận với sự khiêm nhường đúng mực cho phù hợp với một bản ngã bé mọn giữa vô vàn bản ngã. Như mẹ tôi thường nói, “Con nào phải hòn sỏi duy nhất trên bãi biển!” Kẻ nào đang tỉnh táo mà tin mình là Thượng đế đều đáng bị đem đi đóng đinh lên thập giá hay trói vào cột thiêu sống, dù ngày nay chúng ta đã có cái nhìn độ lượng hơn rằng chẳng ai đầu óc minh mẫn lại tin một chuyện phi lý nhường vậy. Chỉ một thằng ngố tội nghiệp mới

tự cho mình là chúa tể toàn năng và trông mong mọi người quỳ sụp trước y mà thờ phụng.

Sở dĩ vậy là bởi ta luôn nghĩ Thượng đế là Chúa tể Vũ trụ, Nhà Kỹ trị Tối thượng - người đích thân kiểm soát mọi sự việc dù là nhỏ nhất trong vũ trụ của ngài - và đó không phải là kiểu Thượng đế trong câu chuyện của tôi. Trên thực tế, đó hoàn toàn không phải câu chuyện *của tôi*, vì bất kỳ sinh viên nào học lịch sử tôn giáo cũng biết nó bắt nguồn từ Ấn Độ cổ đại, là cách giải thích mang tính thần thoại của triết phái Vệ Đà. Kinh Vệ Đà là phần giáo huấn trong *Upanishad*, một tuyển tập lớn những đoạn đối thoại, truyện kể, thơ, một số trong đó ít nhất đã tồn tại từ năm 800 trước Công nguyên. Tín đồ Ấn giáo kỳ cựu không nghĩ về Thượng đế như một siêu nhân đặc biệt và lẻ loi, đứng ở cõi trên cao mà *cai quản* thế gian như một quân vương. Thượng đế của họ ở “bên dưới” thì đúng hơn là “bên trên” vạn vật, và ngài (hay cái đó) *chơi* cái thế giới này từ nội tại. Ta có thể nói: nếu tôn giáo là thuốc phiện cho loài người, thì người Ấn chứa ma túy ngay trong mình. Không tín đồ Ấn giáo nào nhận ra mình là Thượng đế cải trang mà không đồng thời giác ngộ rằng điều đó cũng đúng với mọi người và mọi vật khác. Trong triết phái Vệ Đà, không có gì tồn tại ngoài Thượng đế. *Dường như* cũng có nhiều thứ khác xuất hiện ngoài Thượng đế, nhưng chỉ bởi ngài mớ ra chúng, biến chúng thành những phân thân khác của ngài để được chơi trò trốn tìm với chính mình. Thế giới bao gồm vạn vật dường như tồn tại riêng rẽ, do vậy, chỉ thực hữu trong một khoảng thời gian ngắn, không thực hữu mãi mãi, vì nó đến rồi đi như Ngã lần trốn rồi truy tìm bản thân.

Nhưng triết lý Vệ Đà còn hơn cả quan niệm hay niềm tin vào điều nói trên. Vệ Đà, ở trung tâm và siêu việt mọi *kinh nghiệm*, là nhận thức trực tiếp rằng mọi sự là như vậy, và bởi lý do đó triết lý Vệ Đà đánh đổ hoàn toàn

cách nhìn nhận sự vật thông thường của chúng ta. Triết lý Vệ Đà đảo lộn cả thế giới từ trong ra ngoài và từ ngoài vào trong. Tương tự như vậy, một câu được cho là của Jesus nói rằng:

*Khi con nhập hai thành một,
khi con biến nội thành ngoại
ngoại thành nội và thượng thành hạ...
như dưới đây...
bấy giờ con sẽ bước vào [Vương quốc]....
Ta là Ánh sáng ngự trên vạn vật, ta là Vạn vật,
Vạn vật hình thành từ Ta và Vạn vật
hướng về Ta. Chẻ một [khúc] gỗ,
hiện thân ta ở đó; nhấc hòn đá lên,
con sẽ tìm thấy Ta.^[10]*

Ngày nay quan điểm của triết phái Vệ Đà truyền lại cho chúng ta sau hàng thế kỷ bị trộn lẫn với mọi dạng thức, quan niệm và biểu tượng của văn hóa Ấn Độ từ thời hưng thịnh tới khi dần suy tàn qua gần 2.800 năm, bị tổn hại nặng nề bởi sự cuồng tín của tín đồ đạo Hồi và bị sai lạc nhiều vì tác động của Thanh giáo Anh. Như vẫn thường được đề cập, triết lý Vệ Đà không giống tiếng chuông nào ở phương Tây, triết phái này chủ yếu thu hút những người cầu toàn coi trọng tinh thần và hết sức nhạy cảm, những người mà đối với họ việc phải đầu thai vào một thân xác thực hữu là chuyện quá khủng khiếp để có thể chịu đựng^[11]. Có thể nêu lên những điểm chính yếu của triết lý Vệ Đà bằng đặc ngữ hiện đại, và nếu cùng lúc tránh được những cái bẫy quái dị, như thuật ngữ tiếng Phạn hay thái độ duy tâm thái quá, ta sẽ

thấy một thông điệp không chỉ rõ ràng đối với những người không đặc biệt quan tâm đến “tôn giáo phương Đông”; thông điệp đó còn là cú sốc chúng ta cần để thức tỉnh chính mình khỏi cảm nhận rằng bản ngã của ta là đơn độc.

Nhưng không nên nhầm điều trên với những ý niệm ta thường có về việc rèn luyện “tính vị tha”, tức nỗ lực đồng cảm với người khác và nhu cầu của họ trong khi vẫn chịu nhiều ảnh hưởng của ảo tưởng rằng hiện hữu chẳng qua chỉ là bản ngã bọc trong lớp da. “Tính vị tha” kiểu đó dễ trở thành sự vị kỷ trá hình, có thể sánh với những kẻ trong cuộc hay chơi trò “chúng tôi vị tha hơn các người”. Vệ Đà khởi thủy không mang tính luân lý; triết phái này không thôi thúc con người làm theo thánh nhân khi không có cùng động cơ đích thực như họ, hoặc bắt chước động cơ nhưng không thấu được sự hiểu biết đã đánh thức họ.

Do vậy Cuốn Sách tôi muốn truyền lại cho con cháu sẽ không có những bài thuyết giảng, không có những cái “nên” và “phải”. Tình yêu đích thực bắt nguồn từ sự hiểu biết, không phải từ ý thức về bốn phận hay cảm giác tội lỗi. Bạn làm sao có thể mong mình trở thành người mẹ tàn tật sống bên đứa con gái không thể đi lấy chồng vì cảm thấy cần phải chăm sóc mẹ, và do vậy mà hận mẹ? Nên tôi không muốn viết về chuyện mọi sự *phải* thế nào, mà về chuyện mọi sự *thực sự* thế nào, và tại sao chúng ta không thấy vạn sự như chúng vốn là. Ta không thể dạy cho một bản ngã bất cứ gì ngoài tính vị kỷ, dù bản ngã có những cách khéo léo nhất để vờ như đã tiến bộ. Do vậy điều cơ bản là hãy rũ bỏ, bằng thực nghiệm và kinh nghiệm, cái ảo tưởng rằng ta là một *bản ngã* riêng biệt. Hệ lụy có thể là cách xử sự của con người đã giải thoát khỏi bản ngã không tuân theo *lẽ thường*. Có thể sẽ giống như khi bọn đạo đức giả nói về Jesus, “Nhìn y đi! Đây là tay ăn nhậu, bạn bè với quân thu thuế và phường tội lỗi!”^[12]

Hơn nữa, khi đã nhìn thấu ảo tưởng về bản ngã, ta không thể nghĩ mình tốt đẹp hơn, hay ưu việt hơn kẻ khác vì đã làm được điều này. Khắp nẻo chỉ có một Ngã ẩn hiện sau vô vàn trò chơi trốn tìm. Con chim không có gì khác quả trứng mà từ đó nó đập vỡ để chui ra. Quả thật, có thể nói rằng con chim là cách thức để một quả trứng trở thành những quả trứng khác. Trứng là bản ngã, còn chim là Ngã đã được giải thoát. Một câu chuyện thần thoại Ấn Độ cho rằng Ngã là con thiên nga thần ấp quả trứng để nở ra thế giới. Tôi thậm chí còn không nói rằng ta *phải* đập cái vỏ của mình để chui ra. Một lúc nào đó, bằng cách này hay cách khác, ta (cái ta đích thực, Ngã) cũng sẽ làm vậy, nhưng cũng không loại trừ khả năng Ngã sẽ mãi mãi không được đánh thức trong phần lớn nhân loại mà Ngã giả dạng, rồi vở kịch nhân sinh trên trái đất sẽ kết thúc bằng một vụ nổ hạt nhân lớn. Một thần thoại Ấn Độ khác thì nói rằng theo thời gian, thế giới sẽ càng băng hoại, cho đến cuối cùng, bộ mặt hủy diệt của Ngã - thần Shiva - sẽ xuất hiện trong vũ điệu kinh hoàng và thiêu rụi tất cả trong biển lửa. Tiếp theo đó, thần thoại nói, sẽ là 4.320.000 năm thái bình trọn vẹn khi mà Ngã chỉ đóng vai chính mình và không chơi trò trốn tìm nữa. Rồi trò chơi khởi động lần nữa, mở đầu là một vũ trụ huy hoàng dần trở nên băng hoại sau 1.728.000 năm kế tiếp, mỗi lượt chơi được định sẵn sao cho những thế lực đen tối chỉ xuất hiện trong một phần ba thời gian, ở đoạn cuối được thưởng thức mùi vị khoái hoàn ngăn ngủi nhưng hảo huyền.

Ngày nay chúng ta tính toán sự sống chỉ riêng trên hành tinh này bằng những quãng thời gian dài hơn rất nhiều so với trong câu chuyện thần thoại này, nhưng trong số các nền văn minh cổ đại, người Ấn có cách nhìn sáng tạo nhất về thời gian của vũ trụ. Tuy nhiên, hãy ghi nhớ, rằng câu chuyện về các chu kỳ thế giới xuất hiện rồi biến mất kể trên là thần thoại, không phải

khoa học, mang tính ngụ ngôn thì đúng hơn là tiên tri. Đó là một cách để minh họa cho ý niệm rằng thế giới này tựa như một trò trốn tìm.

Tôi không nói ta *phải* thức tỉnh khỏi “bản ngã-ảo tưởng” và chung tay cứu thế giới khỏi thảm họa, vậy tại sao lại có Cuốn Sách này? Sao không để mặc vạn sự tuân theo tự nhiên? Đơn giản vì, chính Cuốn Sách cũng là một phần của cái “vạn sự tuân theo tự nhiên” mà tôi nhắc đến. Vì là con người nên cũng là lẽ tự nhiên khi trong tôi tồn tại mong muốn thưởng thức và chia sẻ triết học. Điều tôi làm chẳng khác gì chuyện có những con chim là đại bàng còn số khác là bồ câu, có những bông hoa là huệ còn số khác lại là hoa hồng. Ngoài ra, tôi còn nhận ra rằng, thuyết giáo càng ít thì người ta càng muốn lắng nghe.

HAI

TRÒ CHƠI ĐEN TRẮNG

Khi chúng ta được dạy tập đếm 1, 2, 3 và đánh vần A, B, C, không chắc có mấy ai được nghe kể về Trò Chơi Đen Trắng. Nó hết sức đơn giản, nhưng lại nằm trong số những điều tránh được nói tới. Trước tiên, hãy coi cả năm giác quan của ta là những hình thái khác nhau của cùng một giác quan duy nhất - xúc giác chẳng hạn. Thị giác là hình thái xúc giác đặc biệt nhạy cảm. Mắt chạm vào, hay cảm nhận thấy sóng ánh sáng và nhờ vậy cho phép chúng ta với đến những thứ ngoài tầm tay. Tương tự, tai đụng phải sóng âm thanh lan tỏa trong không khí, còn mũi thì chạm phải những phân tử bụi và khí li ti. Thế nhưng, những mô thức và chuỗi thần kinh phức tạp cấu thành các giác quan trên lại bao gồm vô số đơn vị tế bào thần kinh chỉ có khả năng chuyển đổi giữa hai trạng thái: bật và tắt. Mỗi tế bào thần kinh đều truyền đến trung ương thần kinh tín hiệu *có* hoặc *không* - chỉ vậy thôi. Nhưng, như chúng ta đã biết từ các máy tính sử dụng số học nhị phân chỉ có hai con số 0 và 1, vài thành tố đơn giản này có thể hình thành nên những mô thức kỳ diệu và phức tạp nhất.

Về mặt này, hệ thần kinh của chúng ta và các máy tính 0/1 giống với mọi thứ trên đời, vì thế giới vật chất về cơ bản là các dao động. Dù cho các dao động này có ở dạng sóng hay hạt, hoặc có thể là hạt sóng, ta cũng sẽ không bao giờ thấy một con sóng có ngọn mà không có chân sóng, hay một hạt không đi kèm khoảng trống, tức không gian giữa nó và những hạt khác. Nói

cách khác, không bao giờ chỉ có nửa con sóng, không hạt nào tồn tại lơ lửng mà không có không gian xung quanh. Bật luôn đi đôi với tắt, có lên thì phải có xuống.

Mặc dù âm thanh có dao động ở tần số cao nghe như liên tục và không hề ngắt quãng, nhưng không phải vậy. Mỗi âm thanh thực chất là âm thanh/khoảng lặng, có điều cơ quan thính giác không ghi nhận được điều này một cách có ý thức bởi dao động diễn ra quá nhanh. Tai người chỉ cảm nhận được dao động âm thanh, chẳng hạn như, khi nghe những nốt thấp nhất của đàn organ. Ánh sáng, cũng vậy, không thuần là ánh sáng, mà là sáng/tối luân phiên. Ánh sáng dao động ở dạng sóng, có chuyển động lên/ xuống cơ bản của sóng, trong một số điều kiện, tốc độ của dao động ánh sáng có thể ăn nhịp với chuyển động của các vật thể khác, khiến trông chúng như đứng yên. Đây là lý do người ta không sử dụng bóng đèn điện thông thường trong các xưởng cưa, vì đèn phát ra ánh sáng có nhịp độ dao động ăn nhịp với tốc độ của cửa máy đến mức rằng cửa trông gần như đứng yên.

Trong khi mắt và tai trên thực tế có ghi nhận và phản ứng với cả nhịp lên lẫn nhịp xuống của các dao động này, thì tâm trí, tức sự chú tâm của ta, chỉ nhận thấy nhịp lên. Quãng tối, khoảng lặng, hay tín hiệu “tắt” bị bỏ qua. Gần như có một quy luật chung là: tuy bỏ qua các khoảng ngắt, nhưng ý thức sẽ không thể ghi nhận được nhịp năng lượng nếu không có khoảng ngắt. Nếu anh đặt tay lên đầu gối một cô nàng quyến rũ rồi cứ để nguyên như vậy, sau một lúc cô nàng có thể quên mất điều đó. Nhưng nếu anh liên tục vỗ nhẹ lên đầu gối nàng, nàng sẽ biết anh đang có mặt ở đó và để ý. Anh hy vọng nàng nhận ra và coi trọng tín hiệu bật hơn là tắt. Chính những sự vật ta vốn tin là luôn tồn tại thực ra đều là bật/tắt. Không bao giờ chỉ có bật, cũng không bao giờ chỉ có tắt.

Nhiều người nghĩ rằng khi nghe nhạc, đơn thuần là họ nghe thấy một chuỗi âm thanh riêng rẽ, hoặc tổ hợp các nốt gọi là hợp âm. Nếu đúng là vậy, với người “mù nhạc”, vốn là những trường hợp rất hiếm, thứ họ nghe thấy không phải là âm nhạc hay giai điệu - chỉ một chuỗi tiếng động. Nghe được giai điệu là nghe thấy quãng ngắt giữa các chuỗi nốt nhạc, mặc dù có thể ta không nhận ra điều đó và dù những quãng này không phải khoảng lặng mà là các “bước” dài ngắn khác nhau giữa các điểm trên âm giai. Những bước hay quãng lặng này là khoảng trống thính giác, có tính chất khác với khoảng trống vật lý giữa các vật thể hay khoảng trống thời gian giữa các sự kiện.

Thế nhưng, thông thường, sự chú ý có ý thức, theo nhiều cách thức khác nhau, đều bỏ qua các khoảng lặng. Chẳng hạn, hầu hết mọi người đều nghĩ không gian trống nghĩa là “chẳng có gì”, mà không nghĩ ra nó chứa đầy không khí. Do vậy, họ rối bời khi nghe họa sĩ hay kiến trúc sư nói về các dạng thức và tính chất của không gian trống, họ còn ngỡ ngàng hơn nữa khi nghe các nhà thiên văn và vật lý nói về không gian cong, không gian giãn nở, không gian hữu hạn, hay ảnh hưởng của không gian đến ánh sáng và các tinh cầu. Vì thói quen bỏ qua khoảng trống vật lý mà chúng ta không nhận ra rằng, cũng như mọi âm thanh là dao động của âm thanh/khoảng lặng, toàn thể vũ trụ (tức toàn thể sự tồn tại) là dao động của vật chất/không gian. Bởi vật chất và không gian gắn kết bất phân, như bên trong với bên ngoài. Không gian là *mối liên hệ* giữa các vật thể, nếu không có không gian thì không thể có năng lượng cũng như chuyển động.

Giả dụ chỉ tồn tại một vật thể, một quả bóng duy nhất, không có không gian bao quanh, sẽ không thể nào phát sinh quan niệm hay cảm nhận rằng đó là một quả bóng hay hình thù nào khác. Nếu bên ngoài vật thể không có gì tồn tại, vật thể đó sẽ không có bên ngoài. Tồn tại mà không có bên ngoài - có

thể là Thượng đế - nhưng chắc chắn không phải một vật thể! Cũng vậy, nếu chỉ có khoảng trống mà không có gì tồn tại bên trong, đó sẽ chẳng phải là khoảng trống. Vì mọi khoảng trống đều là không gian trống nằm *giữa*, bên trong hay bên ngoài các vật thể. Chính bởi như vậy, ta nhìn nhận không gian là mối liên hệ giữa các vật thể.

Liệu ta có thể hình dung về một vật thể riêng lẻ, quả bóng độc nhất trong vũ trụ, lơ lửng giữa không gian trống rỗng? Có thể chứ. Nhưng quả bóng này sẽ không có năng lượng, không có chuyển động. Phải so với *cái gì* để có thể nói là quả bóng đang chuyển động? Vật thể được cho là đang chuyển động chỉ khi được so sánh với những vật khác tương đối đứng yên, vì chuyển động thực ra là động/tĩnh xen nhau. Vậy hãy giả sử có hai quả bóng, chúng tiến lại gần nhau, hoặc tách xa nhau. Dĩ nhiên, giờ thì đã có chuyển động, nhưng quả bóng nào đang di chuyển? Quả bóng một, quả bóng hai, hay cả hai? Không cách nào phân định. Mọi câu trả lời đều đúng và sai như nhau. Giờ hãy thêm vào quả bóng thứ ba. Quả bóng một và hai vẫn giữ nguyên khoảng cách, quả thứ ba thì tiến lại hoặc lùi xa hai quả kia. Mà, liệu có phải thế không? Quả bóng một và hai có thể đang cùng di chuyển, lại gần hoặc lùi xa quả thứ ba, cũng có thể là quả bóng một và hai đang đến gần quả thứ ba trong khi quả thứ ba cũng đang tiến về phía chúng, tức là cả ba đều chuyển động. Ta phải xác định thế nào đây? Có một đáp án rằng, vì quả bóng một và quả bóng hai được xếp cùng nhau, chúng là một nhóm và tạo thành phe đa số. Lá phiếu của chúng do vậy sẽ phân định bên nào đang di chuyển còn bên nào thì không. Nhưng nếu quả bóng thứ ba về phe với hai bóng kia thì sẽ chẳng bên nào có quyền phân định^[13], vì nếu cả ba quả bóng vẫn giữ nguyên khoảng cách, cả nhóm như một tổng thể và không thể có chuyển động. Thậm chí không quả bóng nào có thể nói với hai quả còn lại, hay hai quả bóng có thể

nói với quả còn lại, “Sao mày (bọn mày) cứ di chuyển theo tao (bọn tao) như vậy?” Vì cả nhóm không có điểm quy chiếu để biết là mình có đang chuyển động hay không.

Hãy lưu ý rằng nếu có hai quả bóng, chúng chỉ có thể chuyển động theo một đường thẳng, nếu có ba quả bóng chúng có thể di chuyển trên một mặt phẳng, nhưng không phải trong không gian ba chiều. Ngay lúc thêm vào quả bóng thứ tư ta sẽ có chiều thứ ba là chiều sâu, và giờ thì quả bóng thứ tư của chúng ta có thể đứng tách riêng so với ba quả bóng kia, có cái nhìn khách quan về chuyển động của chúng, và đóng vai trò trọng tài. Vậy nhưng, khi đã thêm vào quả thứ tư, thì quả nào là quả thứ tư? Bất cứ quả nào trong số chúng đều có thể coi là nằm trong chiều thứ ba so với ba quả kia. Đây có thể gọi là “bài học vỡ lòng về tính tương đối”, vì cho dù có thêm vào bao nhiêu quả bóng đi chăng nữa, phương thức lập luận về cơ bản là không thay đổi và do vậy cách này được áp dụng cho mọi thiên thể trong vũ trụ, cho tất cả những kẻ quan sát các thiên thể chuyển động, dù là đứng ở đâu. Bất kỳ thiên hà, tinh cầu, hành tinh, hay kẻ quan sát nào cũng có thể được xem là điểm quy chiếu trung tâm, tất cả mọi thứ đều là trung tâm trong tương quan với vạn vật!

Nhưng trong lập luận trên, có một khả năng đã bị bỏ qua. Thử giả sử rằng mấy quả bóng không hề chuyển động, mà là không gian giữa chúng chuyển động. Suy cho cùng, chúng ta nói một khoảng cách (tức không gian trống) tăng thêm hay giảm đi như thế khoảng cách đó là một vật có thể *di chuyển hay thay đổi*. Đây chính là vấn đề của khái niệm vũ trụ giãn nở. Các thiên hà khác đang tách xa thiên hà của chúng ta, hay thiên hà của chúng ta đang tách xa chúng, hay tất cả đang tách xa nhau? Các nhà thiên văn đang cố giải quyết vấn đề này bằng cách nói chính không gian đang giãn nở. Nhưng, một lần

nữa, ai sẽ phân xử? Cái gì chuyển động, các thiên hà hay không gian? Chính thực tế rằng không thể nào tiến tới quyết định là gợi ý cho câu *trả lời*: không chỉ cả các thiên hà và không gian đều đang giãn nở (như thể chúng là hai yếu tố khác biệt), mà thứ gì đó ta phải gọi một cách thô thiển là thiên hà/không gian, hay vật thể/không gian, đang giãn nở.

Vấn đề nảy sinh vì chúng ta đặt sai câu hỏi. Chúng ta cho rằng vật thể là một sự vật và không gian là một sự vật khác, hoặc chẳng là gì hết. Không gian không đơn thuần là “chẳng là gì”, vì vật thể không thể không cần tới không gian. Sai lầm ngay từ đầu là xem vật thể và không gian như hai sự vật khác biệt, thay vì như hai mặt của cùng một sự vật. Vấn đề ở chỗ chúng khác biệt nhưng không thể phân tách, như đầu và đuôi của một con mèo. Chặt riêng từng bộ phận, con mèo sẽ chết. Lấy đi đầu ngọn sóng, sẽ không còn hõm sóng.

Cũng tương tự như vậy, với vấn đề cổ xưa là luật nhân quả. Chúng ta tin rằng mọi sự vật, mọi hiện tượng phải có nguyên nhân - là (những) sự vật hay (những) hiện tượng nào đó *khác*, và rằng đến lượt mình thì sự vật, hiện tượng khác đó cũng là nguyên nhân dẫn đến những hệ quả khác. Nhưng “nhân” dẫn đến “quả” như thế nào? Tình hình sẽ càng thêm phức tạp, nếu giả dụ tất cả những gì tôi nghĩ hay làm là một chuỗi các sự kiện có điều kiện, thế thì nhất định phải có các nguyên nhân cho tất cả chúng, xuất phát đâu đó trong quá khứ vô định. Nếu như vậy, tôi không hề tự do điều khiển hành động của mình. Tôi chỉ là một con rối bị điều khiển bởi những sợi dây bắt nguồn từ những thời điểm trong quá khứ nằm ngoài tầm nhìn của tôi.

Một lần nữa, lại là rắc rối do đặt sai câu hỏi. Hãy thử tưởng tượng một người chưa thấy mèo bao giờ. Y đang nhìn qua một khe hẹp nơi hàng rào, và ở bên kia, có con mèo đi ngang qua. Trước tiên y thấy cái đầu, rồi lần lượt

đến cái thân đầy lông, cuối cùng là cái đuôi. Lạ kỳ thật! Con mèo quay đầu đi ngược lại, y liền thấy cái đầu, rồi lát sau là cái đuôi. Sự lặp lại này bắt đầu trở nên giống như một quy luật đều đặn và đáng tin cậy. Con mèo vòng trở lại, và thế là một lần nữa, y chứng kiến chuỗi hình ảnh quen thuộc: trước tiên là đầu, sau đó đến đuôi. Bởi vậy mà y suy luận rằng hiện tượng *đầu* là nguyên nhân bất biến và tất yếu của hiện tượng *đuôi*, đuôi là hệ quả của đầu. Lỗi diễn giải phi lý và rối rắm này là do y không thấy được thực tế là đầu và đuôi đi liền với nhau: tất cả đều thuộc về một con mèo.

Con mèo sinh ra không phải chỉ có một cái đầu, rồi ít lâu sau cái đầu tạo ra cái đuôi; con mèo sinh ra với đầy đủ các bộ phận, cả đầu và đuôi. Cái khó cho kẻ quan sát là y nhìn con mèo qua một khe hẹp, nên không thể thấy toàn thân con mèo cùng một lúc.

Cái khe hẹp nơi hàng rào tựa như cách ta nhìn cuộc sống bằng sự chú ý có ý thức, vì khi tập trung theo dõi điều gì đó ta thường bỏ qua mọi thứ khác. Sự chú tâm là tri giác đã được thu hẹp. Đó là cách nhìn cuộc sống theo từng mảnh, dùng trí nhớ để xâu chuỗi các mảnh - như khi ta thăm dò một căn phòng tối bằng cây đèn pin có chùm sáng nhỏ. Tri giác đã được thu hẹp có lợi thế là sáng rõ, nhưng mỗi lúc lại chỉ có thể tập trung vào từng phần của thế giới, từng đặc trưng riêng lẻ. Và khi xung quanh là không gian trống hay những bề mặt đồng nhất, nhận thức sẽ phát chán và kiếm tìm thêm các đặc trưng khác. Sự chú tâm giống như co chế quét (scan) có trong ra đa hay truyền hình, Norbert Wiener^[14] cùng các đồng nghiệp đã tìm được một số bằng chứng cho thấy có một quá trình tương tự như vậy trong não người.

Cơ chế tiếp nhận thế giới theo từng mảnh chẳng mấy chốc sẽ khiến kẻ sử dụng tin rằng thế giới là một tập hợp khổng lồ gồm vô số mảnh nhỏ, y gọi các mảnh này là những sự vật hay hiện tượng riêng lẻ. Ta thường nói rằng

con người chỉ có thể nghĩ đến một sự việc trong một khoảng thời gian nhất định.

Sự thật là khi nhìn thế giới theo từng mảnh, ta khiến mình tin rằng thế giới bao gồm vô số sự vật tồn tại riêng rẽ; và vì thế ta tự đặt ra câu hỏi là những vật này liên hệ với nhau ra sao, làm thế nào chúng trở thành nguyên nhân và hệ quả của nhau. Câu hỏi ấy có thể chẳng bao giờ nảy sinh nếu ta nhận thức được rằng chính thế giới quan của ta đã chia thế giới thành những mảnh, sự vật, hiện tượng, nguyên nhân và hệ quả riêng biệt. Ta không thấy được rằng thế giới là một toàn thể như một con mèo có cả đầu và đuôi.

Ta cũng nói về sự chú tâm như là *sự lưu ý*. Lưu ý là chọn lọc, là để tâm tới những mảnh tri giác hay một số sự việc có vẻ mang nhiều ý nghĩa hơn những sự việc khác trên thế giới. Chúng ta chú tâm vào một số sự việc và bỏ qua tất cả những gì còn lại - vì lý do đó mà sự chú ý có ý thức đồng thời cũng là “lờ đi” một cách vô tình, dẫn rằng việc chú tâm đem lại cho chúng ta một bức tranh sáng rõ về những sự việc ta nhận thức. Thực tế là ta nhìn, nghe, ngửi, nếm, và chạm phải vô số thứ mà trí óc ta không bao giờ lưu ý. Anh có thể chạy xe ba mươi dặm, suốt thời gian đó anh trò chuyện với một người bạn. Điều anh lưu ý và ghi nhớ là cuộc trò chuyện, nhưng bằng cách này hay cách khác nào anh vẫn có phản ứng với con đường, các phương tiện khác, đèn giao thông, và có trời mới biết còn những gì nữa, trong khi trí óc anh không thực sự để tâm, hay có thể nói là tập trung tinh thần vào những sự vật ấy. Tương tự, anh có thể trò chuyện với ai đó tại một buổi tiệc mà không nhớ nổi, nếu cần phải nhớ lại tức thì, anh ta hay cô ta đã mặc gì, vì điều đó không đáng lưu ý hay không quan trọng với anh. Thế nhưng nhất định là mắt và tế bào thần kinh của anh có ghi nhận hình ảnh bộ áo quần đó. Anh đã nhìn, nhưng không hẳn là đã thấy.

Ta lưu ý tới sự việc thông qua một cơ chế kép, trong đó yếu tố đầu tiên là chọn lựa điều gì là thú vị hay quan trọng. Yếu tố thứ hai, hoạt động đồng thời với yếu tố thứ nhất, là ta cần một bảng ký hiệu cho hầu hết mọi thứ ta có thể nhận thức. Bảng ký hiệu là một hệ thống biểu tượng - chữ, số, dấu hiệu, các hình đơn giản (như hình vuông và hình tam giác), nốt nhạc, mẫu tự, chữ tượng hình (như Hán tự của Trung Quốc), và các thang độ để phân chia và nhận biết những biến đổi của màu sắc và âm thanh. Những biểu tượng cho phép ta phân loại vô số mẫu nhận thức mà ta có. Chúng là nhãn dán trên các hộp chứa những mẫu nhận thức mà trí nhớ đã phân loại, cái khó nhất là nhận thức được những mẫu không có nhãn. Người Eskimo có năm từ để chỉ năm loại tuyết khác nhau, vì họ sống với tuyết và điều đó rất quan trọng đối với họ. Nhưng tiếng Aztec chỉ có một từ để chỉ cả tuyết, mưa và mưa đá.

Yếu tố nào chi phối điều ta chọn để lưu ý? Đầu tiên (chúng ta sẽ nói rõ ở đoạn sau) là bất cứ điều gì hồ như có lợi hoặc bất lợi cho sự sống còn, địa vị xã hội và an toàn bản ngã của ta. Điều thứ hai, hoạt động đồng thời với yếu tố thứ nhất, là mô thức và logic của mọi biểu tượng ký hiệu ta đã học được từ người khác, từ xã hội và nền văn hóa của chúng ta. Thật khó nhận thức những khái niệm mà các ngôn ngữ sẵn có của chúng ta không mô tả (dù là bằng ngôn từ, toán học, hay âm nhạc). Đây là lý do khiến ta vay mượn các từ trong tiếng nước ngoài. Không một từ tiếng Anh nào có nghĩa tương đương với loại cảm giác mà người Nhật gọi là *yugen* (U Huyền), chúng ta chỉ có thể hiểu khái niệm này bằng cách mở tâm trí trước những cảnh mà người Nhật dùng từ này^[15].

Trên thế giới này, hẳn phải có vô số sự vật và hiện tượng mà giác quan của ta vẫn có thể phản ứng dù không cần tới sự chú ý có ý thức, chưa nói đến các dao động (ví dụ như bức xạ vũ trụ) có bước sóng mà giác quan không thể

bắt nhịp. Tiếp nhận đồng thời mọi dao động sẽ khiến ta cảm thấy hỗn loạn, như là đồng thời nghe toàn bộ các phím đàn piano cùng vang lên. Có hai nhân tố bị bỏ qua nhưng thực chất có thể dễ dàng tiếp cận tới tri giác của ta, và việc ta bỏ qua chúng chính là điểm tựa cho cái ngã-ảo tưởng và cho việc ta không thấu được rằng mỗi cá nhân đều là một Ngã cải trang.

Đầu tiên là ta không nhận thức được các mặt đối lập - như ánh sáng và bóng tối, âm thanh và khoảng lặng, vật chất và không gian, bật và tắt, trong và ngoài, xuất hiện và biến mất, nhân và quả - đều là các cực hay mặt trái của cùng một sự vật. Chúng ta không có từ ngữ nào để mô tả điều đó chuẩn xác, ngoại trừ những ý niệm mơ hồ như Tồn tại, Bản thể, Thượng đế hay Bản thể Tuyệt đối. Phần lớn chúng vẫn là những ý niệm mờ mịt không thể trở thành cảm giác hay trải nghiệm thực tế.

Nhân tố thứ hai là do chúng ta quá chuyên chú vào nhận thức chủ quan, quá tin rằng loại tri giác hạn hẹp này không chỉ là thế giới quan đích thực mà còn là cảm thức rất căn bản rằng cá nhân là một sinh vật có ý thức, đến độ ta hoàn toàn bị thế giới quan phân mảnh của nó thôi miên. Ta cảm thấy rằng thế giới này là một tập hợp những sự vật riêng biệt mà vì nguyên do nào đó chúng đã hợp thành một tổng thể rồi lại phân ra vô số mảnh nhỏ, và rằng mỗi người chúng ta chỉ là một trong những mảnh ấy. Trong mắt ta, tất cả đều đơn độc - sinh ra đơn độc, chết đi đơn độc - như những mảnh nhỏ trong một tổng thể lớn, hay như những bộ phận thừa thãi trong một cỗ máy khổng lồ. Hiếm khi ta nhận thức rằng hết thảy những sự vật và hiện tượng đều ‘Tiên hệ chặt chẽ với nhau’, như đầu và đuôi của con mèo, hay như phần giai điệu và chuyển đoạn - bỗng rồi trầm, đến rồi đi - của cùng một giọng hát.

Nói khác đi, chúng ta không chơi Trò Đen và Trắng - trò mà toàn vũ trụ đều tham gia: lên/xuống, bật/tắt, vật chất/không gian, cá nhân/toàn thể. Thay

vào đó, chúng ta chơi trò Đen chọi Trắng, hay thông thường hơn, gọi là Trắng chọi Đen. Bởi lẽ, nhất là với những dao động chậm như ngày/đêm hay sống/chết, ta buộc phải lưu tâm đến khía cạnh “đen” hay còn gọi là “âm” của thế gian. Thế rồi, vì không thấu rõ mối liên kết không thể chia tách của “âm” và “dương” trong quy luật dao động, chúng ta e sợ rằng Đen sẽ thắng cuộc. “Trắng *phải* thắng” không còn là một trò chơi nữa. Nó trở thành một cuộc giao tranh bị ám ảnh bởi cảm giác thất vọng triền miên, vì chúng ta đang làm một chuyện điên rồ chẳng khác gì cố bảo tồn núi còn thung lũng thì phá hủy.

Thể thức chính của trận giao tranh này là Sống-chọi-Chết, còn gọi là đấu tranh sinh tồn, được xem là nhiệm vụ nghiêm túc và đích thực của mọi sinh thể. Ngộ nhận này được duy trì (*a*) vì ta đang tạm thời chiến thắng (ta vẫn tiếp tục sống cho đến khi ta không sống nữa), và (*b*) vì sinh tồn đòi hỏi sự nỗ lực và khéo léo dù điều này cũng được áp dụng với những trò chơi không mang tính đua tranh. Như chúng ta vẫn biết, thú vật không sống trong nỗi lo âu thường trực về bệnh tật và chết chóc như con người, vì chúng sống trong hiện tại. Chúng sẽ tranh đấu khi đói hay khi bị tấn công. Tuy nhiên, ta phải thận trọng khi lấy thú vật làm mẫu cho hành vi “tự nhiên hoàn toàn” đó. Nếu “tự nhiên” có nghĩa là “tốt đẹp” hay “khôn ngoan”, con người có thể làm tốt hơn thú vật, tuy rằng không phải lúc nào họ cũng làm vậy.

Nhưng con người, nhất là trong nền văn minh phương Tây, đã biến cái chết thành tên ba bị độc ác. Điều này liên quan đến niềm tin phổ biến của Cơ Đốc giáo rằng theo sau cái chết sẽ là Phán quyết Cuối cùng, khi đó kẻ có tội sẽ bị giam cầm và phải chịu những hình phạt khủng khiếp của Luyện ngục hay sự thống khổ triền miên dưới Âm Ty. Ngày nay, có một nỗi sợ phổ biến rằng cái chết sẽ đưa ta vào cõi hư vô vĩnh hằng - như thế đó là một kiểu trải nghiệm, như bị chôn sống mãi mãi. Không còn bạn bè, không còn ánh nắng

và tiếng chim, không còn tình yêu hay tiếng cười, không còn đại dương hay những vì sao - chỉ có bóng tối bất tận.

Chớ lặng bước lui vào đêm tịch tĩnh...

Cuồng nộ, cuồng nộ lên trước tia sáng sắp tàn.

Không thể hình dung được sự trống rỗng tuyệt đối, nên ta phải lấp đầy khoảng trống này bằng những tưởng tượng của mình. Điều này diễn ra tựa như trong các thí nghiệm cô lập giác quan: người tham gia được đưa vào tình trạng nổi lập lờ trên nước muối trong phòng tối cách âm. Khi cái chết được xem là chiến thắng kết cuộc của Đen trước Trắng trong trận tử chiến “Trắng *phải* thắng”, những hình dung hư cấu để lấp đầy hư không phần lớn là ma quái. Thậm chí những hình dung phổ biến về Thiên đường của chúng ta cũng nặng nề, nên hình ảnh thông thường của Thượng đế là một Đấng uy nghi và đáng sợ, ngự giữa một thánh đường hoành tráng - và đương nhiên, trong nhà thờ người ta có thể “hân hoan” đúng mực nhưng không được vui đùa một cách tự do.

Ôi vĩ đại thay niềm an vui và vinh quang,

Của kẻ được hưởng chân phước bất tận chốn Thiên đường.

Có ai muốn vĩnh viễn chôn chân trong nhà thờ, mặc áo tế và hát “Alleluia!”?^[16] Dĩ nhiên, hình ảnh đó mang nhiều tính biểu tượng, nhưng chúng ta ai cũng biết bọn trẻ cảm thấy thế nào về ngày Sabbath Tin Lành trước đây, và về cuốn *Kinh Thánh* bìa đen với kiểu chữ in khủng khiếp. Những người Cơ Đốc biết suy nghĩ lớn lên sẽ vượt qua được những hình dung hắc ám này, nhưng ở thời thơ ấu, nỗi sợ đi sâu vào tiềm thức và từ đó

sẽ còn tiếp tục phủ bóng đen lên cảm giác của ta về cái chết.

Cảm nhận của cá nhân về cái chết được định hướng bởi thái độ của xã hội, và rất khó chứng minh rằng có tồn tại một thứ cảm xúc tự nhiên và bẩm sinh gắn liền với sự chết. Ví dụ, người ta từng cho rằng sinh nở thì *phải* đau đớn, như một sự trừng phạt vì Tội Tổ Tông hay như cái giá phải trả cho những vui thú khi thụ thai đứa con. Đức Chúa Trời đã nói với Eva và hết thảy con gái của bà, “Các người sẽ phải cực nhọc lúc sinh con”.^[17] Trước nay người ta thường tin rằng, phận sự của phụ nữ là phải chịu đau đớn lúc mang thai, nên đã có rất nhiều phụ nữ thực hiện phận sự đó, và nhiều người sẽ còn tiếp tục. Do vậy, chúng ta hết sức ngạc nhiên khi biết phụ nữ trong các xã hội “nguyên thủy” có thể ngồi xuống để sinh con trong lúc đang làm việc đồng áng, cắn đứt dây rốn, bọc đứa bé lại, rồi tiếp tục làm việc. Chẳng phải phụ nữ thời đó mạnh mẽ hơn phụ nữ thời nay, chỉ là do họ có cách nhìn khác. Gần đây, các bác sĩ phụ khoa đã khám phá ra rằng nhiều phụ nữ có thể được tập cho quen dần về mặt tâm lý để sinh nở tự nhiên và không đau đớn. Con đau đẻ được đổi tên thành “áp lực”, và sản phụ được hướng dẫn các bài tập chuẩn bị để giảm thiểu và hợp tác với những áp lực. Sinh đẻ, như người ta mô tả, không phải một bệnh. Ta đến bệnh viện chỉ để đề phòng bất trắc, dù nhiều bác sĩ phụ khoa có tư tưởng *tân tiến* sẽ cho phép bệnh nhân sinh con tại nhà.

Chết yếu có thể là hậu quả của bệnh tật, nhưng - cũng như sinh sản - bản thân cái chết không phải là bệnh. Đó là kết cuộc tự nhiên và tất yếu của kiếp người - cũng tự nhiên như lá rụng vào mùa thu. (Những chiếc lá luôn tươi xanh, như ta biết, là lá làm bằng nhựa, và không chùng đến một thời điểm nào đó các bác sĩ có thể thay mọi nội tạng của ta bằng những cơ quan nhân tạo làm từ chất dẻo, để ta đạt được sự bất tử bằng cách trở thành mô hình

chất dẻo của chính mình.) Các bác sĩ, do vậy, nên tìm hiểu khả năng đối phó với cái chết và đau đớn đi kèm như cách họ đối phó với chuyện sinh nở và những “cơn đau đẻ”.

Cái chết, nói cho cùng, là một sự kiện trọng đại. Dù ý nghĩ về cái chết có bị vùi sâu trong tâm trí nhường nào, chừng nào nó còn chưa xảy đến, ta còn bám níu lấy bản thân và cuộc sống trong niềm khắc khoải triền miên. Nhưng đến lúc sự bám níu chẳng còn tác dụng gì, thì đó là lúc nên chấm dứt hoàn toàn việc kìm nén bản thân. Khi điều này xảy ra, cá nhân sẽ được phóng thích khỏi nhà tù bản ngã. Trong dòng chảy thông thường của vạn sự, đây là cơ hội ngàn vàng để tính thức rằng cái tôi đích thực của cá nhân chính là Ngã đang chơi với toàn vũ trụ - một dịp để hoan hỉ tột cùng. Nhưng theo cách thức phổ biến hiện nay, các bác sĩ, y tá và người thân xúm lại, gượng tươi cười, trấn an người bệnh rằng họ sẽ sớm qua khỏi, và rằng tuần tới hay tháng tới họ sẽ được trở về nhà hay đi nghỉ bên bờ biển. Tệ hơn nữa, các bác sĩ không hề có vai trò cũng như không được đào tạo để đối phó với cái chết. Một vị linh mục phù hợp hơn với vai trò này: ông ta thường biết cách trấn an người sắp chết mà không ngần ngại lúng túng. Bác sĩ thì lại có nhiệm vụ đẩy lùi cái chết bằng mọi giá - kể cả bằng khoản tiền tiết kiệm cả đời của bệnh nhân và gia đình họ.

Ananda Coomaraswamy^[18] có lần nói rằng ông thà chết sớm đến mười năm còn hơn chết chậm mười phút - khi đã quá muộn, quá gầy yếu hoặc ngây ngật vì thuốc men, để kịp nắm lấy cơ hội tự giải thoát, để “nhắm mắt xuôi tay theo ý nguyện”. “Tôi nguyện cầu,” ông từng nói, “để cái chết đừng đến và vỗ lấy tôi bất thành lình” nghĩa là, trước khi tôi tự mình thoát ra. Vì vậy mà G. I. Gurdjieff^[19], một bậc hiền triết ma mãnh phi thường, đã viết trong *All and Everything* (*Tất cả và mọi thứ*) như sau:

Cách duy nhất để cứu vớt các sinh linh trên hành tinh Trái đất lúc này là cấy vào tâm thức họ một cơ quan mới... có tính năng khiến mỗi cá nhân trong số những kẻ bất hạnh này, suốt quá trình hiện hữu của mình, liên tục nhận thức và thấu cảm được tính tất yếu của cái chết đối với chính mình cũng như đối với bất cứ ai mà y lưu tâm.

Chỉ có sự cảm nhận và thấu hiểu như vậy mới có thể tiêu diệt được thói vị kỷ đã ăn sâu bám rễ nơi họ.

Vì chúng ta đang bàn về cái chết, nên những lời trên nghe như đơn thuốc chữa ác mộng. Ý thức thường trực về cái chết sẽ cho thấy thế giới biến chuyển lững lờ và mờ ảo như những vật khối lam nhàn nhạt trong không trung - rằng thực ra không có gì để bám níu và cũng không ai cần bám níu. Điều này chỉ gây sầu muộn chừng nào người ta vẫn còn nuôi hy vọng dẫu nhỏ nhoi rằng ắt phải có cách nào đó đối trị cái chết, hay trì hoãn cái chết dù chỉ một lần, hoặc hy vọng rằng, có một kiểu linh hồn-bản ngã nào đó vẫn tồn tại cả sau khi xác thân đã rữa nát. (Tôi không khẳng định rằng cá nhân *không* tiếp tục tồn tại ở dạng tâm thức sau cái chết - chỉ có điều niềm tin vào đời sống ấy sẽ mãi giam cầm chúng ta.)

Nói như vậy hoàn toàn không có nghĩa là chúng ta *không phải* sợ cái chết hay *không được* vị kỷ như tôi đã nói. Càng cố đè nén nỗi sợ chết, nỗi sợ càng lớn hơn. Mấu chốt vấn đề ở đây là sự nhận biết, không gọn chút băn khoăn, rằng cả “tôi” lẫn các “sự vật” và “cá nhân” khác đang hiện hữu đây đều sẽ có lúc biến mất, cho đến khi cái biết này buộc ta phải buông bỏ chúng - hãy nắm lòng điều đó ngay *lúc này* như thể anh vừa rơi khỏi vách của Hẻm Núi Lớn. Thật ra, anh đã bị đá khỏi vách núi ngay khi vừa chào đời, và bầu vút lấy những tảng đá đang rơi cùng là việc làm vô nghĩa. Nếu anh sợ chết, *cứ việc* sợ. Quan trọng là hãy chấp nhận, cứ để bản thân bị xâm chiếm - bởi nỗi

sợ, ma quỷ, đống đau, những phù du, sự tan rã, và tất cả. Và rồi sẽ xảy đến điều bất ngờ không thể tin được: anh không chết vì anh chưa hề sinh ra. Anh chỉ vừa quên mình là ai.

Những điều trên xảy đến dễ dàng hơn nhiều nhờ sự hỗ trợ của bạn bè. Hồi còn nhỏ, những cái “tôi” khác của chúng ta - người thân, bạn bè, thầy cô - đã làm mọi điều khiến ta tin vào ảo tưởng về sự riêng biệt - biến ta trở thành thứ đồ giả chính hiệu vốn được coi như “con người thực sự”. Hãy lưu ý rằng từ tiếng Anh *person* (người) có gốc gác từ tiếng Latin *persona*, là chiếc mặt nạ gắn loa phóng thanh các diễn viên dùng tại nhà hát ngoài trời thời Hy Lạp và La Mã cổ đại, chiếc mặt nạ mà qua đó (*per*) âm thanh (*sonus*) phát ra. Khi chết ta vứt bỏ *persona*, như diễn viên cởi bỏ mặt nạ và đồ hóa trang trong phòng nghỉ ở hậu trường. Và cũng như bạn bè diễn viên ra hậu trường để chúc mừng về buổi diễn, bạn bè của ai đó cũng tụ tập bên giường vào phút cuối để giúp người ấy đóng trọn vai sinh tử, để hoan hô vở diễn và hơn thế nữa, để ăn mừng sự thức tỉnh lớn lao của cái chết bằng sâm banh hay lễ ban phước (tùy sở thích).

Có nhiều cách thức khác nhau, trong đó Trò Chơi Đen Trắng biến thành “Trắng *phải* trắng”, và như một cuộc đấu tranh sinh tồn, những cách thức ấy tùy thuộc hành động “lờ đi”, hoặc “loại bỏ” sự tương thuộc của hai phía khỏi ý thức. Tất nhiên, theo một cách thức kỳ lạ, điều này là một phần của Trò Chơi Đen Trắng, vì quên hay phớt lờ sự tương thuộc chính là hành động “nấp” trong trò trốn tìm. Trốn tìm, đến lượt nó, cũng chính là Trò Chơi Đen Trắng!

Để minh họa, chúng ta có thể làm cuộc khảo cứu một phương diện của khoa học giả tưởng đang nhanh chóng biến thành thực tại. Khoa học ứng dụng có thể được xem xét như cuộc đấu giữa “trật tự” và “ngẫu nhiên” (hay

“trật tự” với “tình cờ”), đặc biệt trong lĩnh vực điều khiển học - khoa học về kiểm soát tự động. Bằng dự đoán khoa học và ứng dụng kỹ thuật, chúng ta đang cố giành quyền kiểm soát tối đa môi trường xung quanh và chính mình. Trong y học, truyền thông, sản xuất công nghiệp, vận tải, tài chính, thương mại, nhà ở, giáo dục, tâm thần học, tội phạm học và pháp luật, chúng ta đang cố tạo ra những hệ thống hoàn hảo, cố loại trừ khả năng sai sót. Công nghệ càng trở nên hùng mạnh, nhu cầu về các công cụ kiểm soát nói trên càng thúc bách hơn, chẳng hạn các biện pháp an toàn cho máy bay phản lực, và thú vị hơn cả, là những trao đổi giữa kỹ thuật viên các Cường quốc Nguyên tử nhằm loại trừ khả năng ai đó có thể bấm nhầm nút. Việc sử dụng các công cụ hùng mạnh, có tiềm năng lớn để biến đổi con người và môi trường, ngày càng cần phải tuân thủ nhiều luật, phải đăng ký cấp phép, và phải xin đủ loại ý kiến, dẫn đến yêu cầu phải xây dựng những quy trình tiếp nhận và lưu trữ thông tin ngày càng phức tạp. Chẳng hạn trong các trường đại học lớn có chức hiệu phó phụ trách việc quan hệ với chính phủ và cả đội quân thư ký hùng hậu để giải quyết cho kịp hàng núi công việc giấy tờ. Nhiều khi có cảm tưởng rằng những giấy tờ đó và việc lưu trữ sắp xếp trật tự chúng còn quan trọng hơn cả nội dung được ghi chép để lưu trữ. Hồ sơ sinh viên trong phòng đào tạo thường được cất trong két sắt và hầm, nhưng sách tại thư viện thì không - trừ phi là loại cực hiếm hoặc nguy hiểm. Bởi vậy, tòa nhà hành chính trở thành công trình lớn nhất và ấn tượng nhất trong khu trường sở, còn những thành viên trong khoa thấy rằng thời gian họ dành để giảng dạy và nghiên cứu bị hy sinh ngày một nhiều cho hợp ban và việc điền mẫu đơn từ phục vụ cho những cơ chế chỉ nhằm điều hành nhà trường.

Cũng vì những lý do đó, hơn bao giờ hết, giờ đây rất khó điều hành một cơ sở kinh doanh nhỏ không lo nổi những thủ tục phức tạp về tài chính và

pháp lý mà các doanh nghiệp có cơ cấu đơn giản nhất cũng phải lưu tâm. Việc trao đổi thông tin dễ dàng qua các phương tiện truyền thông đại chúng như truyền hình, phát thanh, sách và ấn phẩm định kỳ cho phép một cá nhân đơn lẻ có tài ăn nói có thể tiếp cận tới hàng triệu người. Điện thoại và bưu điện cho phép một phần rất lớn trong hàng triệu người đó phản hồi, điều này có thể khiến cá nhân tự hào và hài lòng, trừ việc không có cách nào đáp lời riêng từng người - nhất là khi người trao đổi cần lời khuyên cho các vấn đề đặc thù hay riêng tư. Chỉ có tổng thống, thủ tướng hay lãnh đạo các tập đoàn khổng lồ mới đủ khả năng huy động một bộ máy và nhân sự đối phó với lượng lớn thông tin phản hồi như vậy.

Tốc độ và hiệu quả của vận tải bằng siêu xa lộ và hàng không về nhiều mặt đã hạn chế tự do du hành theo lộ trình của riêng mình. Ngày càng khó đi dạo, ngoại trừ tại những “khu vực dành riêng cho người đi bộ” như công viên. Vậy mà công viên gần nhà tôi nhất, ngay ở cổng vào, hàng rào dán dòng áp phích dài có ghi: KHÔNG ĐỐT LỬA. KHÔNG CHO CHÓ VÀO. KHÔNG SĂN BẮN. KHÔNG CẮM TRẠI. CẤM HÚT THUỐC. KHÔNG CUỖI NGỰA. KHÔNG BƠI LỘI. KHÔNG GIẶT GIỮ. (Tôi chưa bao giờ hiểu được điều này.) TỔ CHỨC PICNIC HẠN CHẾ TẠI NHỮNG KHU VỰC QUY ĐỊNH. Hàng dặm bờ bãi từng là địa điểm tự do giờ biến thành công viên đóng cửa lúc 6 giờ chiều, để không ai còn được nán lại cắm trại thưởng trăng. Không ai được bơi quá bờ một trăm mét vì có bảo vệ canh chừng, chẳng ai được lặn vài chục mét dưới mặt nước. Tất cả đều vì “an toàn là trên hết” và vì một cuộc sống hoàn hảo.

Hãy thử dạo bộ khi màn đêm buông xuống tại một khu dân cư sạch đẹp ở Mỹ. Nếu vượt qua được hàng rào kẽm gai dọc xa lộ rồi lững thững xuôi một con đường nhỏ, rất có thể anh sẽ bị xe cảnh sát chặn lại: “Ông đi đâu vậy?”

Đi lang thang không mục đích bị coi là khả nghi và vô lý. Không chừng anh là dân vô gia cư hay trộm cướp. Anh còn không dặt chó đi dạo nữa mà! “Ông mang theo bao nhiêu tiền trong người?” Dĩ nhiên, anh phải có đủ tiền để đi xe buýt, nếu anh mang quá ít tiền mặt hay thậm chí không có, anh đích thị là loại vô công rồi nghề và là một mối phiền toái. Một tên trộm nhà thành thạo cũng có thể ngồi xe Cadillac khi tìm tới con mồi.

Du hành có trật tự giờ đây nghĩa là đi với tốc độ an toàn tối đa từ điểm này sang điểm khác, nhưng phần lớn các điểm đến ngày một chật kín người và xe cộ, bởi vậy lại trở nên bớt đáng thăm thú hơn, vì những lý do tương tự mà kinh doanh tại các trung tâm thành phố lớn ngày một khó khăn. Du hành đúng nghĩa cần tối đa những chuyến lang thang tùy hứng, vì là cách duy nhất để khám phá những điều bất ngờ và kỳ diệu, mà theo tôi, là lý do chính đáng duy nhất để không ngồi nhà. Như đã nói ở trên, sự liên thông nhanh chóng giữa các điểm đang biến mọi điểm thành một điểm. Bãi biển Waikiki chẳng qua chỉ là một phiên bản lai tạo của thành phố Atlantic, Brighton và Miami.

Bất chấp thực tế rằng đang có nhiều biến cố xảy ra tại nhà hơn ở nơi khác, tính hiệu quả ngày một tăng của truyền thông và của sự kiểm soát hành vi con người đáng lẽ thả chúng ta bay bổng trong không trung như chim trời, lại cầm chúng ta xuống đất như những cây nấm. Mọi thông tin sẽ truyền tới qua truyền hình siêu thực và các thiết bị điện tử khác ngay cả khi đang trong giai đoạn lên kế hoạch hay vừa được hình dung. Xét trên phương diện nào đó, điều này sẽ cho phép cá nhân tới bất cứ đâu mà không cần di chuyển cơ thể - thậm chí đến những nơi xa xôi trong không gian vũ trụ. Nhưng đó sẽ là kiểu cá thể mới - với hệ thần kinh ở bên ngoài rộng lớn vươn xa đến vô tận. Và hệ thần kinh điện tử này sẽ liên thông rộng đến mức mọi cá nhân khi kết nối vào đó đều có chiều hướng chia sẻ cùng những tâm tư, cảm xúc và kinh

nghiệm. Có thể khi đó sẽ tồn tại những kiểu người đặc biệt nào đó, giống như các kiểu tế bào và cơ quan khác nhau tạo nên cơ thể chúng ta. Vì khuynh hướng sẽ là mọi cá thể kết hợp lại thành một cơ thể sinh học điện tử duy nhất.

Chúng ta hãy cùng xem xét các phương tiện lạ thường được chế tạo ngày nay với mục đích lén thu thập thông tin, những thiết bị đã được dùng trong văn phòng, nhà máy, nhà kho, và trong nhiều kênh liên lạc như thư tín và điện thoại. Việc phát minh linh kiện bán dẫn và những thành quả trong mini hóa các công cụ kỹ thuật, mà các thiết bị này càng khó bị phát hiện và ngày càng tinh nhạy hơn với những tín hiệu điện tử yếu hơn. Tất cả sớm muộn gì cũng sẽ dẫn đến chỗ cá nhân không còn có thể che giấu bất cứ điều gì trước những người khác, kể cả ý nghĩ. Cuối cùng chẳng ai còn trí não riêng: chỉ có một trí óc cộng đồng khổng lồ và siêu phức tạp của xã hội. Không loại trừ khả năng trí tuệ tập thể này sẽ có những công cụ kiểm soát và tiên đoán lạ lùng đến mức có thể nói trước tương lai của mình trong nhiều nhiều năm phía trước.

Thế nhưng ta càng biết chắc chắn và sống động về tương lai bao nhiêu, càng có nhiều cơ sở để nói rằng ta đã có tương lai đó rồi. Khi kết quả của một trò chơi đã rõ, chúng ta sẽ dừng cuộc chơi và bắt đầu ván khác. Đây là lý do nhiều người không chịu xem bói: không phải vì xem bói là mê tín, hay vì những tiên đoán sẽ rất khủng khiếp, mà đơn giản chỉ vì càng biết chắc tương lai thì sống trong đó càng có ít những bất ngờ và vui thú.

Hãy thử đặt mình vào một viễn cảnh tương tượng như vậy. Công nghệ phải tìm cách duy trì cân bằng dân số loài người với các nguồn tài nguyên khả dụng. Điều này đòi hỏi, một mặt là sinh đẻ có kế hoạch hợp lý, và mặt khác, khai thác nhiều loại thức ăn mới từ đất, biển, và không khí, chắc chắn

bao gồm việc biến phân trở lại thành chất dinh dưỡng. Vậy nhưng hệ thống nào theo kiểu này cũng sẽ rơi vào tình trạng năng lượng dần hao hụt. Khi các nguồn tài nguyên cạn dần, dân số phải giảm theo tương ứng. Đến lúc ấy, loài người sẽ cảm thấy mình là một thân-tâm duy nhất, siêu cá thể này sẽ thấy nó ngày một nhỏ lại đến khi cái miệng cuối cùng ăn hết miếng sau cùng. Nhưng cũng có thể, rất lâu trước đó, con người đã trở thành những bản sao hình người bằng chất dẻo bền và không còn như cầu ăn uống nữa. Nhưng điều này chẳng phải đồng nghĩa với họa tuyệt chủng hay sao, chúng ta còn lại gì ngoài những vọng âm khan rỗng từ chất dẻo vang mãi qua thời gian?

Với phần lớn chúng ta đang sống ngày nay, tất thấy những mường tượng về tương lai nêu trên xem ra rất đáng sợ: sự riêng tư và tự do không còn, di chuyển bị hạn chế, rồi sự chuyển đổi dần từ máu và thịt, gỗ và đá, hoa quả và cá, hình ảnh và âm thanh,... thành những bản sao bằng chất dẻo, sợi tổng hợp và điện tử. Đồng thời, các họa sĩ và nhạc sĩ sớm muộn cũng sẽ đứng ngoài hoạt động sáng tạo với việc mô phỏng tác phẩm của chính mình sao cho thật giống và rẻ tiền hơn, khiến không ai có thể phân biệt được sáng tạo của con người với sản phẩm của computer. Phải chăng bản sao theo nghĩa này sẽ thay thế sinh sản hữu tính, qua phân bào hay giao phối? Nói tóm lại, nấc thang tiến hóa tiếp theo sẽ là con người biến thành không gì khác ngoài những mô hình điện tử?

Những khả năng có thể xảy ra nêu trên xem ra quá xa vời để phải bận tâm. Thế nhưng trên nhiều phương diện, chúng đã ở đây với ta rồi, và như đã thấy, tốc độ biến chuyển kỹ thuật và xã hội tăng nhanh hơn là ta muốn thừa nhận. Sự phổ biến của truyện giả tưởng chứng thực cho mối quan tâm lớn dành cho những vấn đề này, và rất nhiều truyện giả tưởng thực ra là lời bình về hiện tại, vì một trong những cách hay nhất để hiểu điều đang xảy ra hôm

nay là mở rộng nó sang ngày mai. Có gì khác giữa việc *đang* xảy ra tại mặt này, và hướng chuyển động của nó tại mặt khác? Nếu tôi đang bay từ London đến New York, thế nghĩa là tôi *đang* đi về hướng Tây còn trước cả khi rời bờ biển Anh.

Như vậy, câu chuyện giả tưởng mà ta vừa theo đuổi đưa ra hai bài học quan trọng. Bài học đầu là nếu trận đấu giữa “trật tự” và “ngẫu nhiên” phải tiếp tục *như* một cuộc thi đấu, trật tự *không được* thắng. Vì khi dự đoán và kiểm soát tăng lên, tương ứng theo đó, cuộc chơi không còn đáng chơi. Ta cần tìm một trò chơi mới chưa chắc chắn về kết quả. Nói cách khác, ta lại phải *đi trốn*, có lẽ theo cách thức mới, và đi tìm theo cách thức mới, vì cả hai việc đó cùng tạo nên vũ điệu và điều diệu kỳ của sự hiện hữu. Ngược lại, ngẫu nhiên cũng *không được* thắng, và có lẽ không thể, vì sự phân cực giữa trật tự/ngẫu nhiên xem ra cùng loại với bật/tắt và lên/xuống. Một số nhà thiên văn tin rằng vũ trụ của chúng ta hình thành từ một vụ nổ lớn đã ném mọi thiên hà vào không gian, và nhờ entropy âm^[20], vũ trụ sẽ tan rã thành bức xạ vô định hình. Tôi không nghĩ theo cách này. Là bởi, tiền đề siêu hình căn bản của tôi, “bước nhảy vọt về đức tin” của tôi, là điều đã một lần xảy ra luôn có thể lặp lại. Không phải kiểu thời gian tồn tại trước cả vụ nổ đầu tiên và tới tận sau sự tan rã cuối cùng, mà thời gian (cũng như không gian) tự cong lại. Điều này không có nghĩa là trước hoặc sau vụ nổ, thời gian đã hoặc sẽ tồn tại theo nghĩa thông thường của nó, mà nói đúng hơn, thời gian (cũng như không gian) là cong và có thể tạo nên các chu kỳ.

Giả định này càng được củng cố hơn, nếu như chúng ta đưa ra kết luận thứ hai rút ra được từ câu chuyện giả tưởng trên. Ở đây có thể áp dụng câu ngạn ngữ Pháp *plus ça change, plus c'est la même chose* - càng thay đổi càng như cũ. Thay đổi - theo một nghĩa nào đó cũng là ảo tưởng, vì *ta* luôn

đứng tại điểm mà tương lai nào cũng có thể từ đó xảy ra! Nếu nhân loại phát triển được một hệ thần kinh điện tử nằm ngoài cơ thể con người, nhờ vậy tất cả chúng ta cùng có được khả năng sử dụng trí tuệ điện tử và thân xác chung đó, thì điều này thực ra gần như giống hệt những gì đã diễn ra với các tổ chức tế bào tạo thành cơ thể chúng ta. Điều này chúng ta đều đã biết.

Ngoài ra, tế bào cơ thể chúng ta, cùng các phần tử vi tế nhất của chúng, xuất hiện và biến mất tựa các sóng ánh sáng dao động trong không gian, và tương tự như những con người sống từ lúc sinh ra đến chết đi. Cơ thể người giống như một xoáy nước; nó dường như luôn phải có dạng bất biến, gọi là “xoáy nước”, nhưng là xoáy chính vì trong lòng nó không có nước. Thậm chí các phân tử và nguyên tử nước cũng là các “xoáy nước” - những cơ cấu chuyển động vĩnh viễn không chứa trong lòng nó “vật chất”. Mỗi con người là một hình thái như dòng chảy - dòng chảy xiết kỳ diệu hội tụ sữa, nước, bánh mì, bít tết, trái cây, rau, không khí, ánh sáng, bức xạ - và đến lượt chúng tất thảy cũng là những dòng chảy. Các tổ chức của chúng ta cũng vậy. Có một tổ chức “bất biến” gọi là Đại học California, trong đó không gì lưu lại mãi: sinh viên, giảng viên, nhà quản lý, và thậm chí những tòa nhà cũng đến rồi đi, để lại trường đại học như một tiến trình liên tục, một mô thức hành vi.

Về khả năng tiên đoán và kiểm soát cũng có thể nói rằng không là mới. Vì chúng ta có đủ các căn cứ để khẳng định rằng mỗi cơ thể người đã phát triển các năng lực này trong mình đến mức chắc chắn làm kinh ngạc các tế bào thần kinh riêng rẽ khi mà chúng chỉ mới bắt đầu tạo nên những liên kết riêng với nhau. Do vậy, nếu như chúng ta có thể tái tạo mình dưới dạng các cơ cấu cơ khí, chất dẻo và điện tử, thì thực ra, điều này không phải mới xảy ra lần đầu tiên. Loài đang tiến hóa nào cũng sẽ e ngại dỗi theo những cá thể

đầu tiên trong đàn lộ ra dấu hiệu thay đổi, và chắc chắn sẽ coi chúng là nguy hiểm hay rô dại. Hơn nữa, phương thức sinh sản mới và bất ngờ này chắc chắn không hề kỳ quặc hơn đủ loại phương thức ta đã bắt gặp trong giới sinh học - sự hóa thân lạ lùng của sâu bướm thành bướm, sự dàn xếp giữa loài ong và hoa, hay vòng đời khó ưa và phức tạp một cách diệu kỳ của muỗi anophen.

Nếu tất cả chấm hết với việc nhân loại chẳng để lại tăm hơi nào trong vũ trụ ngoài một hệ thống mô hình điện tử, tại sao điều đó khiến ta lo lắng? *Vì giờ đây chúng ta đã đang tồn tại dưới dạng thức đó rồi!* Thịt da hay nhựa dẻo, trí tuệ hay máy móc, thần kinh hay dây thép, sinh học hay vật lý - mọi thứ như quy về vũ điệu điện tử diệu kỳ, mà ở tầng vĩ mô, tự hiện thân như là tổng thể những dạng thức và “vật chất”.

Nhưng vấn đề cơ bản của điều khiển học, vì đó mà khoa học này trở thành một chuỗi liên tiếp không ngừng những thành công/thất bại, là yêu cầu phải kiểm soát chính quá trình kiểm soát. Quyền năng không nhất định là sáng suốt. Tôi có thể sở hữu sức mạnh tưởng như toàn năng khi chế ngự thân thể và môi trường vật chất quanh tôi, nhưng làm sao tôi kiểm soát được chính mình để tránh sai lầm khi sử dụng quyền năng ấy? Các nhà di truyền học và thần kinh học có thể đi xa tới mức tạo được bất kỳ loại tính cách nào để ra lệnh, nhưng làm sao họ biết những loại tính cách nào sẽ là cần thiết? Một nền văn minh tiên phong cần tới những cá nhân có thiên hướng độc lập, xông xáo và cứng cỏi, nhưng ngược lại nền văn minh công nghiệp thành thị cần những người hòa đồng và hợp tác để làm việc nhóm. Khi xã hội biến chuyển nhanh hơn, các nhà di truyền học làm sao để tiên liệu những đổi thay về sở thích, tính khí, và động cơ thúc đẩy cần thiết cho hai mươi hay ba mươi năm tới? Hơn nữa, mỗi hành động can thiệp vào quy luật tự nhiên sẽ biến đổi

tự nhiên theo những hướng không thể lường trước. Một cơ thể người đã hấp thụ kháng sinh sẽ không còn giống như cơ thể trước đó nữa, vì tập tính của những vi sinh vật trong cơ thể ấy đã biến đổi đáng kể. Càng can thiệp ta càng phải phân tích thêm lượng thông tin chi tiết không ngừng tăng lên về kết quả can thiệp vào một thế giới chứa đựng vô vàn yếu tố đan xen phức tạp. Lượng thông tin này, ngay cả trong các ngành khoa học chuyên biệt cao nhất, đều đồ sộ đến mức không một cá nhân nào có thời gian đọc hết - đừng nói là hiểu thấu.

Khi chúng ta đang giải quyết một số vấn đề này, công nghệ đã lại tạo ra các vấn đề mới, và chúng ta, như trong *Through the looking-glass*^[21], càng lúc càng phải chạy nhanh hơn để không bị tụt lại. Vấn đề là, tiến bộ kỹ thuật liệu có thực sự “dẫn đến đâu đó” theo nghĩa gia tăng niềm vui và hạnh phúc của cuộc đời? Mỗi người hẳn đều có cảm giác vui sướng hay khuây khỏa ngay khi có thay đổi - trong vài lần đầu tiên sử dụng điện thoại, radio, ti vi, máy bay phản lực, thần dược, hay máy tính. Nhưng rồi những sáng chế mới này nhanh chóng được xem là đương nhiên, và tiếp theo ta phải chịu đựng những tình thế khó chịu phát sinh kèm theo chúng. Một hiệu trưởng đại học thành đạt từng kêu ca với tôi, “Tôi bận đến mức sắp phải đi mua trực thăng mất!” “À,” tôi đáp, “anh sẽ đi đâu chừng nào anh là hiệu trưởng duy nhất có trực thăng. Nhưng đừng mua. Mọi người sẽ trông đợi nhiều hơn ở anh.”

Ở tầm nhìn ngắn hạn của cá nhân, tiến bộ kỹ thuật hẳn nhiên là ấn tượng. Khi đã là một người lớn tuổi vào những năm 1960, Cedric Hardwicke^[22] nói rằng ông chỉ có mỗi một điều tiếc nuối là không được sống trong thời Victoria - với thuốc penicillin. Tôi vẫn còn mừng là hồi nhỏ mình không phải đi bác sĩ và khám răng, nhưng tôi nhận ra rằng tiến bộ trong một lĩnh vực liên quan mật thiết với tiến bộ trong tất cả các lĩnh vực khác. Chẳng thể

nào có thuốc penicillin hay kỹ thuật gây mê hiện đại mà không có hàng không, đồ điện tử, truyền thông đại chúng, siêu xa lộ, và nền nông nghiệp được công nghiệp hóa - chưa kể bom nguyên tử và chiến tranh sinh học.

Do vậy, khi nhìn ra xa và bao quát hơn về mọi điều đang xảy ra, thì toàn thể công cuộc “chinh phục thiên nhiên” ngày càng giống như ảo ảnh - tăng nhịp sống nhưng về cơ bản không dịch chuyển vị trí, như Nữ hoàng Đổ^[23] đã nói. Nhưng tiến bộ kỹ thuật đang trở thành cách khiến ta ngày một sa lầy nhanh hơn chỉ vì ngộ nhận cơ bản rằng con người và thiên nhiên, sinh vật và môi trường, kẻ kiểm soát và bị kiểm soát là những thực thể hoàn toàn khác biệt. Ta có thể “chinh phục” thiên nhiên nếu trước tiên, hay đồng thời, ta chế ngự được bản tính của chính ta, dù ta không thấy được rằng bản tính con người và thiên nhiên “bên ngoài” cùng thuộc về một chỉnh thể. Tương tự, ta không thấy được rằng “tôi” với tư cách người biết và kiểm soát thực ra chính là gã “bản thân tôi” như một thứ được biết tới và bị kiểm soát. Cơ chế phản hồi theo cách tự ý thức của vỏ não khiến ta ngộ nhận rằng ta là hai linh hồn trong một thể xác - một lý trí và một thú vật, một người cưỡi ngựa và một con ngựa, một người tốt với những bản năng thanh cao, xúc cảm tinh tế và một tên khốn tham lam và ngỗ ngược. Hệ quả là dẫn đến thái độ vờ như cảm thấy tội lỗi và ăn năn, sự trừng phạt tàn bạo, chiến tranh, và thậm chí cả hành động tự hủy hoại nhân danh phe thiện tâm chống lại cái ác. Càng cực đoan hướng về chính nghĩa, thiện tâm càng để lộ cái bóng bất khả phân ly của mình, càng chối bỏ cái bóng, nó càng trở thành chính cái bóng đó.

Vì vậy mà suốt mấy ngàn năm, lịch sử nhân loại là một cuộc giao tranh hoành tráng nhưng vô nghĩa, một bức tranh toàn cảnh những chiến thắng và bi kịch được dàn dựng dựa trên điều tối kỵ không được thừa nhận rằng đen song hành với trắng. Có lẽ, chưa một điều gì không bao giờ tiến triển lại

cuốn hút đến thế. Như khi Tweedledum và Tweedledee^[24] *bằng lòng* giao chiến, mẹo chủ yếu của Trò Chơi Đen Trắng là ngấm thông đồng để các bên che giấu sự đồng nhất, để trông có vẻ khác nhau hết mức. Giống một trận đấu được sắp đặt sẵn trên sân khấu, diễn tài đến độ khán giả sẵn sàng tin đó là trận chiến thực. Nhưng ẩn sau những khác biệt hiển hiện giữa hai phe là sự tương đồng ngấm của cái mà triết lý Vệ Đà gọi là Ngã, Độc Nhất Vô Nhị, *cái* luôn ở đó và là *tất cả* nấp trong hình hài ta.

Thế thì, nếu tồn tại điểm đồng nhất cơ bản giữa ta và người khác, giữa cá thể và vũ trụ, thì tại sao tâm trí ta lại thành ra nhỏ hẹp đến mức ta không biết điều đó?

BA

TRỞ THÀNH ĐỒ GIẢ CHÍNH HIỆU RA SAO

Cái kim trong bọc đã thò ra. Thông tin cấm kỵ rằng bạn “chỉ là một cái tôi tầm thường”, “đến với thế giới này”, sống tạm bợ trong cái túi da thực ra là trò lừa và bịa đặt. Sự thật là, không một sự vật hay đặc tính nào trong vũ trụ này có thể tách rời khỏi cái toàn thể, mà chỉ có Ta đích thực duy nhất, hoặc Ngã, là cái toàn thể. Phần còn lại của cuốn sách sẽ tìm cách làm rõ điều này, để người đọc không chỉ hiểu ngôn từ mà còn *cảm thấy* được sự thật đó. Bước đầu là tìm hiểu, căn kẽ hết mức, rằng trò lừa bắt đầu ra sao.

Trước hết, ta phải xem xét hình thức và cách thức của trò lừa kia. Từ lâu tôi đã muốn tìm hiểu xem con người trải nghiệm hay cảm thấy sự tồn tại của bản thân ra sao, vì những thức nhận cụ thể nào mà họ dùng từ “tôi”?

Không nhiều người dùng từ này để nói về cơ thể mình. Câu “Tôi có một cơ thể” thường gặp hơn câu “tôi là một cơ thể”. Ta nói về chân “của tôi” cũng như khi nói về áo quần “của tôi”, còn cái “tôi” vẫn nguyên vẹn dù cho hai chân có bị mất đi. Ta nói, “Tôi nói, tôi đi, tôi nghĩ, và (thậm chí) tôi thở.” Nhưng ta không nói, “Tôi tạo hình cho xương trong người tôi, tôi để dài móng tay của tôi, tôi tuần hoàn máu trong người tôi.” Ta dùng từ “tôi” như để nói về thứ gì đó *trong* cơ thể nhưng không hẳn là *thuộc* về cơ thể, vì rất nhiều điều diễn ra trong cơ thể xảy ra với “tôi” mà như chẳng khác gì các sự kiện bên ngoài. “Tôi” được dùng như trung tâm của hành vi vô điều kiện và sự chú ý có ý thức, nhưng không nhất quán. Hít thở chỉ phần nào là vô điều

kiện, và ta nói “tôi ốm”, “tôi mơ” hay “tôi buồn ngủ” như thế những động từ này là chủ động chứ không phải bị động.

Xét cho cùng, “tôi” thường chỉ một trung tâm trong cơ thể, nhưng các dân tộc khác nhau cảm thấy cái “tôi” tại những vị trí khác nhau. Đối với một số nền văn hóa, cái “tôi” nằm trong đám rối dương, tức khoảng giữa rốn và mũi ếch. Với người Trung Quốc, chữ *tâm*, tâm trí hay linh hồn, nằm ngay giữa ngực. Nhưng hầu hết người phương Tây xác định vị trí của bản ngã ở cái đầu, từ đó nối với phần cơ thể còn lại của chúng ta. Bản ngã ở đâu đó ở sau mắt và giữa hai tai. Như thế dưới đỉnh hộp sọ có một nhân viên kiểm soát đang đeo tai nghe và theo dõi màn hình ti vi được nối với mắt. Trước mặt gã là bảng điều khiển lớn với các phím và công tắc nối với mọi bộ phận cơ thể, những bộ phận này sẽ truyền về thông tin có ý thức hay đáp ứng ý chí của nhân viên này.

Tay nhân viên kiểm soát “nhìn” hình ảnh, “nghe” âm thanh, “cảm thấy” cảm giác, và “ghi nhận” kinh nghiệm. Cách nói tuy thông thường nhưng rườm rà, vì nhìn hình ảnh chỉ là nhìn, nghe một âm thanh chỉ là nghe, cảm thấy một cảm giác chỉ là cảm thấy, và ghi nhận kinh nghiệm chỉ là trải nghiệm. Những cụm từ rườm rà này được dùng thường xuyên đến mức điều đó cho thấy hầu hết mọi người nghĩ họ tách biệt với ý nghĩ và kinh nghiệm của mình. Hết thấy những điều này sẽ phức tạp đến quái gở nếu ta bắt đầu thắc mắc chẳng biết tay nhân viên trong đầu ta liệu có còn một tay nhân viên nữa trong đầu *của gã* hay không, và *cứ* lặp lại *mãi* như vậy!

*Có một chàng trai trẻ đã nói,
“Dẫu có vẻ như tôi biết là tôi biết,
Điều mà tôi muốn thấy*

*Là ‘cái tôi’ biết ‘chính mình’
Khi tôi biết rằng tôi biết là tôi biết.”*

Thứ quan trọng nhất trong bộ đồ nghề của tay nhân viên ấy là hệ thống lưu trữ và sắp xếp hồ sơ - tức ký ức mà gã liên tục phải “tham khảo” để biết cách diễn giải và đáp lại thông tin từ giác quan đầu vào. Không có dụng cụ này, gã không thể cảm nhận được sự ổn định - rằng mình *vẫn* là tay nhân viên trong vài giây trước. Dù ký ức dễ thay đổi và khó lưu giữ hơn phim chụp hay băng từ, tích lũy ký ức là thiết yếu đối với cảm nhận về bản ngã. Ký ức mang lại ấn tượng về bản thân, tay nhân viên kiểm soát, như thứ gì đó còn lại trong khi cuộc sống cứ trôi đi - như thể cái ngã có ý thức là tấm gương cố định phản chiếu một đám rước đi qua. Điều này khuếch đại thêm cảm nhận về sự riêng biệt, cảm nhận rằng bản thân ta thay đổi theo một nhịp độ chậm hơn nhiều so với các sự kiện ngoại giới và ý nghĩ nội tâm, đến mức ta như thể đứng ngoài, với vai trò người quan sát độc lập. Nhưng ký ức dai dẳng như xoáy nước mãi không tan đi. Sự chú ý có ý thức quét đọc ký ức như máy tính đọc các cuốn băng liên tục quay và những công cụ lưu trữ thông tin khác. Ký ức là một mô thức chuyển động lâu dài, giống như xoáy nước, chứ không phải một thực thể lâu bền, như tấm gương, bảng gỗ viết, hay một tờ giấy. Nếu được lưu giữ trong tế bào thần kinh, ký ức sẽ không thể đứng bên lề dòng sự kiện, vì tế bào thần kinh trôi theo dòng sự kiện ấy, cũng như các sự kiện bên ngoài bộ não. Suy cho cùng, tế bào thần kinh của anh là một phần ngoại giới của tôi, tế bào thần kinh của tôi là một phần ngoại giới của anh! Mọi cái bên trong ta cũng là bên ngoài, trong thế giới vật chất này. Nhưng ngược lại, thế giới bên ngoài sẽ không có màu sắc, hình dạng, trọng lượng, nhiệt độ hay chuyển động nếu không có các bộ não “bên trong”. Ngoại giới có những đặc tính nêu trên chỉ *trong tương quan* với bộ não, và

đến lượt bộ não, cũng là thành phần của ngoại giới.

Dù người ta cảm thấy bản ngã được định vị ở đâu, và dù ít dù nhiều có đánh đồng thân xác với bản ngã, thì phần lớn họ đều nhất trí rằng cái “tôi” *không phải* là thứ gì đó ở bên ngoài lớp da. Như vua John trong vở kịch của Shakespeare nói với Hubert, “Bên trong bức tường thịt da này ngự trị một linh hồn coi người là chủ nợ.” Làn da luôn được xem là bức tường, rào chắn, hay biên cương phân cách bản thân ta với thế giới - bất chấp sự thật là trên da có vô số lỗ chân lông thoáng khí và đầu dây thần kinh tiếp nhận thông tin. Làn da truyền thông tin cho ta nhiều không kém gì gửi thông tin ra ngoại giới; làn da là cây cầu và cũng là rào chắn. Thế nhưng, ta lại tin chắc rằng bên kia “bức tường thịt da” là một thế giới xa lạ chỉ có chút ít liên hệ tới bản thân ta, đến nỗi ta phải tốn hao năng lượng hòng thu hút sự chú ý của nó, hay để biến đổi hành vi của nó. Thế giới đã tồn tại trước khi ta sinh ra, và sẽ còn tiếp tục sau khi ta chết đi. Ta sống tạm bợ trong thế giới này như những mảnh nhỏ nhoi, xa cách và đơn lẻ.

Ngộ nhận này bắt nguồn từ lối suy nghĩ - trong hình ảnh, khuôn mẫu, thần thoại, và các hệ ngôn ngữ ta đã dùng hàng ngàn năm để giải mã thế giới. Những lối nghĩ này tác động lên tri giác gần như đã hoàn toàn bị thôi miên của ta. Chủ yếu bằng cách *chuyện trò* mà nhà thôi miên tạo ra ảo giác và những biến đổi hành vi lạ lùng ở đối tượng - trò chuyện khi đối tượng ở trạng thái chú ý có ý thức và hoàn toàn tỉnh tại, thư giãn. Ảo thuật gia trên sân khấu biểu diễn phần lớn các màn lừa bằng cách nói liên tục và đánh lạc hướng khán giả. Ảo giác do thôi miên có thể sống động với giác quan và chân thực với đối tượng, ngay cả khi đối tượng đã thoát khỏi “trạng thái thôi miên”.

Vậy, loài người đã tự thôi miên hoặc tự thuyết phục bản thân tin vào trò

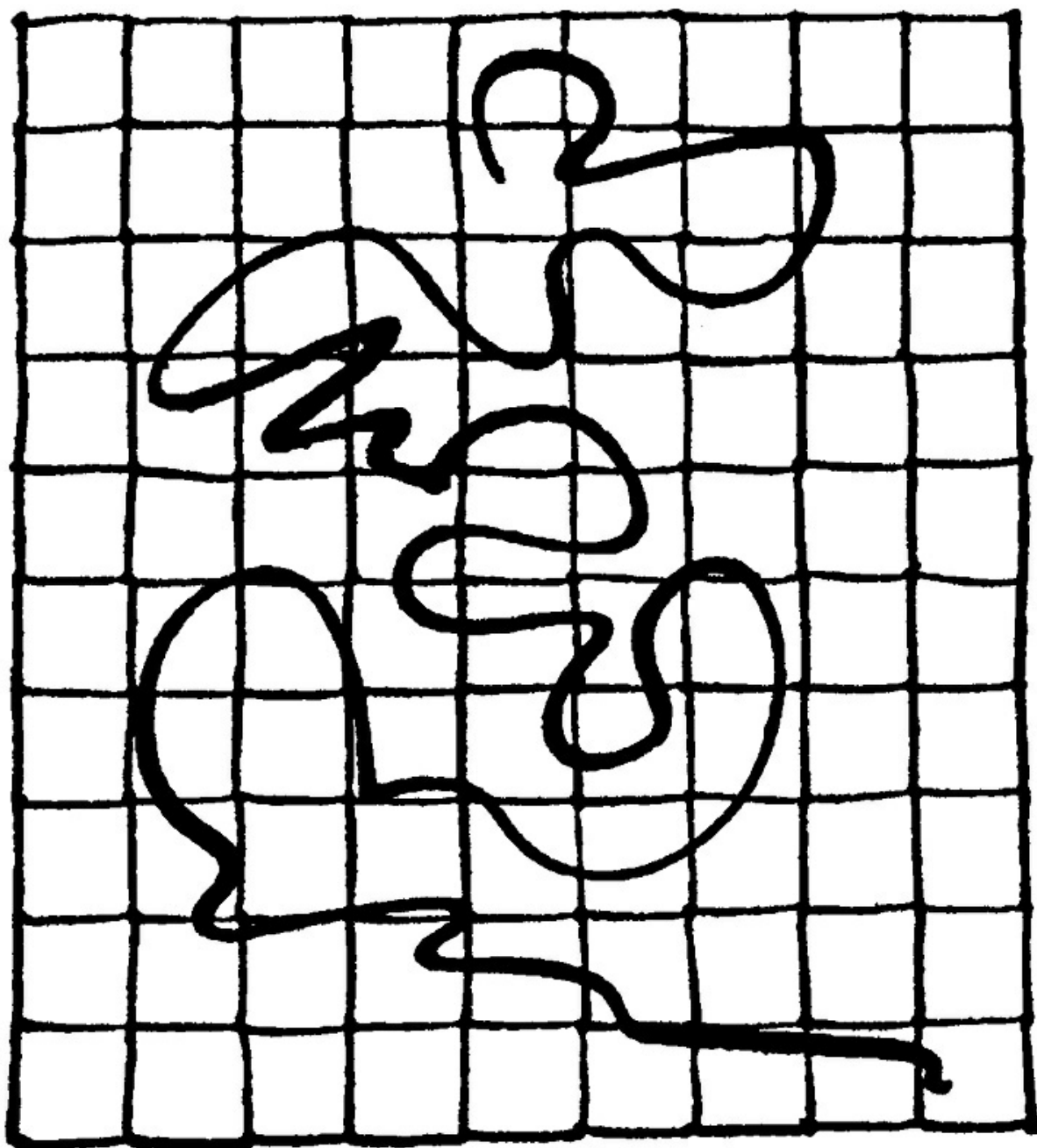
bịp của thói duy ngã. Chẳng có ai để đổ lỗi ngoài chính chúng ta. Chúng ta không phải là nạn nhân của âm mưu sắp đặt bởi một Thượng đế trên trời hay hội kín những kẻ giết dây. Nếu như có cơ sở sinh học nào cho trò bịp ấy, nó chỉ có thể nằm ở khả năng thu hẹp sự chú tâm vào từng mảnh riêng biệt và khả năng nhận thức của bộ não, để có thể biết về cái biết và suy nghĩ về suy nghĩ nhờ sử dụng hình ảnh và ngôn ngữ. Khó khăn của tôi với tư cách một người viết, sử dụng từ ngữ, là xua đi những ảo ảnh của ngôn ngữ cùng lúc sử dụng thứ ngôn ngữ mà từ đó ảo ảnh sinh ra. Tôi chỉ có thể thành công dựa trên nguyên tắc “đĩ độc trị độc”.

Ngoài những sản phẩm của nhân loại như nhà cửa hay đường sá (nhất là đường của người La Mã và người Mỹ), thì vũ trụ này, trong đó bao gồm chúng ta, đều có hình dạng nhấp nhô. Vũ trụ nhấp nhô cả về hình thù lẫn bố cục. Mây, núi, cây cỏ, sông, động vật, bờ biển - tất cả đều nhấp nhô. Chúng nhấp nhô theo nhiều kiểu khác nhau đến mức không ai phân biệt được một đường nhấp nhô bắt đầu từ đâu và đường nhấp nhô khác kết thúc chỗ nào, dù trong không gian hay thời gian. Một học giả^[25] người Pháp ở thế kỷ 18 từng phàn nàn rằng Đấng Sáng tạo đã làm việc hết sức chệnh mảng vì ngài sắp xếp các tinh tú không hề cân đối tao nhã, chúng như bị ném tung khắp không gian vũ trụ, chẳng khác gì những giọt nước tóe lên từ một con sóng vỡ. Phải chăng toàn thể vũ trụ là một tổng thể nhấp nhô theo nhiều kiểu khác nhau, hay tự bản thân các sự vật nhấp nhô như vậy? Các “sự vật” nhấp nhô, hay chúng chỉ là các phần nhấp nhô khác nhau trong tổng thể thế giới? Điều đó tùy cách ta hình dung sự vật ra sao.

Nhiều thiên niên kỷ trước, thiên tài nào đó đã nghĩ ra là có thể dùng lưới để bắt động vật như cá và thỏ. Mãi về sau, một thiên tài khác đã nghĩ đến chuyện bắt cả thế giới vào một tấm lưới. Thế giới nhấp nhô thế này:



Giờ hãy nhìn hình trên qua một tấm lưới vuông:



Tấm lưới đã “chia” hình nhấp nhô lớn thành những đoạn nhấp nhô nhỏ, tất cả nằm trong những ô vuông có kích cỡ bằng nhau. Trật tự được phủ lên hỗn loạn. Giờ ta có thể nói rằng đường nhấp nhô đi qua bao nhiêu hình vuông bên trái, bên phải, bên trên, bên dưới, và rốt cuộc ta có số liệu tổng thể. Nhiều thế kỷ sau, cũng hình ảnh tấm lưới ấy phủ lên thế giới thành những đường kinh tuyến và vĩ tuyến, như giấy kẻ ô vuông dùng để vẽ đồ thị lượng sóng trong toán học, những ngăn kéo xếp hồ sơ, và sơ đồ mặt bằng đô thị. Tấm lưới do vậy đã trở thành một trong những hình ảnh quen thuộc trong suy nghĩ con người. Nhưng đó vẫn luôn chỉ là một hình ảnh tưởng tượng, và không ai có thể dùng đường xích đạo để gói cả thế giới, thế giới thực trôi khỏi những tấm lưới tưởng tượng của chúng ta, như nước vậy. Dù cho ta có phân chia, tính toán, sắp xếp, hay phân loại các thành phần trong thế giới này thành những sự vật và hiện tượng chi tiết nhường nào, thì cũng chẳng khác gì cách nghĩ này về thế giới: *thực ra* thế giới chưa bao giờ phân chia.

Một quan niệm khác về vũ trụ cũng có ảnh hưởng lớn là Mô hình Đồ sứ (Ceramic Model), theo quan niệm này, mọi thứ trong vũ trụ là vô vàn dạng thức của một hoặc nhiều loại vật chất, như bình gốm là dạng thức khác của đất sét, như người ta nói Đức Chúa Trời đã tạo ra Adam từ cát bụi. Đây là một quan niệm gây đau đầu, khiến các triết gia và khoa học gia bao thế kỷ rối trí với những câu hỏi ngớ ngẩn như: “Cấu trúc (hay năng lượng) ảnh hưởng đến vật chất ra sao?” “Vật chất là gì?” “Điều gì xảy đến với cấu trúc (hay linh hồn) khi linh hồn lìa bỏ vật chất (thể xác)?” “Làm thế nào mà vật chất ‘đơn thuần’ lại có thể trở thành những cấu trúc có trật tự?” “Mối tương quan giữa thân xác và trí óc là gì?”

Những câu hỏi quá lâu không có lời giải đáp cần được đặt ra nghi vấn liệu chúng có bị nêu sai cách, chẳng hạn như vấn đề nhân quả. Hãy vờ phân

chia một tiến trình thành hai, quên là mình đã làm thế, và rồi suy ngẫm hàng thế kỷ làm sao kết hợp chúng lại với nhau. Cũng như vậy với “cấu trúc” và “vật chất”. Vì chưa một ai từng phát hiện vật chất phi cấu trúc, hay một cấu trúc phi vật chất, nên Mô hình Đồ sứ rõ ràng có gì đó không ổn. Nói thế giới được cấu thành từ vật chất chẳng khác gì bảo cây được làm từ gỗ. Thế giới không phải là cấu trúc, cũng chẳng phải vật chất, bởi vì đây là hai khái niệm thô vụng được sử dụng để chỉ cùng một tiến trình, được nhận thức mơ hồ là “thế giới” hay “sự tồn tại”. Mọi cấu trúc đều bao gồm hay được cấu thành từ một loại “vật chất” là ngộ nhận cơ bản đã ăn sâu trong tư duy thông thường của số đông. Ta đã quên rằng cả “matter” (vật chất) lẫn “meter” (mét) đều có nguồn gốc từ tiếng Phạn *matr-*, “đo đạc”, và rằng thế giới “vật chất” nghĩa là thế giới được đo hay có thể đo đạc - bằng những hình ảnh trừu tượng như tấm lưới, khuôn, đơn vị inch, giây, gram, và đề xi ben. Trong tiếng Anh, “material” (vật chất) thường được dùng như từ đồng nghĩa với “physical” (tự nhiên), có gốc từ *physis* (tự nhiên) trong tiếng Hy Lạp, và từ *bheu* (trở thành) trong tiếng Ấn Âu nguyên thủy. Trong mấy từ này không có gì hàm ý rằng thế giới vật chất hay thế giới tự nhiên cấu thành từ loại vật chất nào, theo như Mô hình Đồ sứ, quan niệm mà từ nay nên gọi là Mô hình Đồ sứ nứt (Crackpot Model^[26]).

Quan niệm Mô hình Đồ sứ nứt cho rằng thế giới được tạo thành từ đất sét không chỉ làm rối trí các triết gia và khoa học gia. Quan niệm này là gốc rễ của hai quan niệm sai lầm đã thống trị nền văn minh phương Tây, hai tín niệm này, nối tiếp nhau, đóng một vai trò thiết yếu trong việc hình thành nên ngộ nhận về “con người đích thực”.

Nếu thế giới về cơ bản cấu thành từ “vật chất đơn giản” như đất sét, thực khó mà hình dung một tảng đất nhào vô tri có thể động đậy rồi định hình cho

chính nó. Năng lượng, dạng thức, và trí tuệ do vậy hẳn phải thâm nhập thể giới từ bên ngoài. Tầng đất ấy hẳn phải được truyền sinh khí. Thể giới do vậy được quan niệm là một tạo tác, như một chiếc lọ, bức tượng, cái bàn, hay cái chuông, và nếu là một tạo tác thì phải có ai đó đã tạo ra nó, và phải có ai đó chịu trách nhiệm cho thứ vật chất khởi thủy. Có nghĩa là, hẳn cũng phải “được tạo ra”. Trong *Sáng thế ký*, vật chất khởi thủy “phi cấu trúc, và trống rỗng” được biểu tượng hóa là nước, và vì nước không gợn sóng nếu không có gió, không gì có thể xảy ra cho đến khi Thánh linh của Chúa Trời lướt qua mặt nước. Vì vậy sự thành hình và chuyển động của vật chất được quy cho Thánh linh thông tuệ, cho một nguồn năng lượng có ý thức *truyền sức sống* vào vật chất, để vô số dạng hình khác nhau của vật chất đến rồi đi, sống rồi chết.

Vậy nhưng trong thế giới mà ta vẫn biết, có nhiều thứ rõ ràng là sai, và ta ngần ngại không dám quy những cái sai này cho Tinh thần vĩ đại đã tạo ra thể giới từ khởi nguyên. Ta không muốn tin rằng sự tàn bạo, đau đớn và độc ác đến từ chính Căn nguyên và Bản thể Tuyệt đối, và thiết tha mong rằng Thượng Đế ít nhất thì cũng là tuyệt đích của tất thảy những gì ta có thể hình dung về sự sáng suốt và công bằng. (Ở đây, ta không cần đi sâu vào Luận chứng về Tà ác^[27] hoang đường và vô phương lý giải mà mô hình vũ trụ này tạo ra, chỉ cần lưu ý rằng nghịch lý này phát sinh từ chính mô hình.) Những dân tộc dựng nên tín niệm này từng được cai trị bởi tộc trưởng và vua chúa, và các vương triều hùng mạnh như Ai Cập, Chaldea^[28] và Ba Tư cổ đại đã mô tả Thượng đế là Chúa tể Vũ trụ, toàn thiện về sự sáng suốt và công bằng, tình thương và lòng nhân từ, nhưng cũng hết sức nghiêm khắc và khắt khe. Tất nhiên, tôi nói đến một hình ảnh phổ thông về Thượng đế chứ không dựa theo quan niệm của các nhà thần học uyên thâm của Do Thái giáo, Cơ Đốc

giáo hay đạo Hồi. Là bởi một hình ảnh sống động có tầm ảnh hưởng lớn đến thường thức hơn là một ý niệm không chắc chắn.

Tín niệm rằng Thượng đế là một Đấng Cá nhân, “nằm ngoài” hoặc không thuộc thế giới này, có công làm cho ta cảm nhận rằng sự sống dựa trên trí tuệ, rằng quy luật tự nhiên tại bất cứ đâu cũng đều khởi thủy từ *một* Đấng Cai trị, rằng ta có thể để trí tưởng tượng vươn xa đến tận cùng khi hình dung về những phẩm tính siêu việt của Đấng Tối thượng và toàn thiện này. Hình ảnh này cũng đem tới cho mọi người cảm thức về tầm quan trọng và thế giới quan. Thượng đế biết rõ từng hạt bụi li ti nhất và dao động năng lượng nhỏ nhất, bởi chính nhờ sự toàn giác của ngài mà chúng tồn tại. Sự toàn giác này còn là tình yêu thương, ít nhất là dành cho thiên thần và con người, và ngài đã trù tính một kiếp sống vĩnh hằng với niềm hạnh phúc tinh khiết nhất sẽ bắt đầu khi kiếp sống hữu hạn chấm dứt. Nhưng dĩ nhiên là có điều kiện đi kèm phần thưởng này, kẻ nào cố ý và không ngừng phủ nhận hoặc bất tuân ý thiêng sẽ phải vĩnh viễn chịu đựng nỗi thống khổ tương đương niềm hạnh phúc tột cùng của những thần dân trung tín và đức hạnh.

Tín niệm này về Thượng đế có vấn đề ở chỗ nó tốt đẹp quá mức cần thiết, rốt cuộc thành ra có hại. Trẻ nhỏ làm bài tập ở trường luôn lảng tránh giáo viên đang dõi theo chúng, ngay cả khi đó là một giáo viên đáng kính và hiền từ. Sẽ lúng túng hơn biết bao khi nhận ra rằng từng hành vi, từng ý nghĩ, từng cảm xúc đều bị Giáo viên của các giáo viên giám sát, rằng trên Trái đất hay Thiên đường, không nơi đâu có chỗ để nấp trước Con Mắt thấy tất cả và phán xét tất cả ấy.

Do vậy, nhiều người đã vô cùng nhẹ người khi các nhà tư tưởng phương Tây bắt đầu hoài nghi tín niệm này và khẳng định giả thuyết về Thượng đế không đóng góp được gì cho việc mô tả hay tiên đoán tiến trình tự nhiên. Họ

cho rằng, nhận định “*vạn vật đều là sáng tạo và sắp đặt của Thượng đế*” cũng thiếu logic như câu “Mọi sự đã an bài”. Nhưng, như vẫn thường xảy ra, khi một bạo chúa bị truất phế, một kẻ khủng khiếp hơn sẽ lên thay. Tín niệm Mô hình Đồ sứ nứt vẫn tồn tại nhưng người Thợ gốm đã bị loại khỏi toàn cảnh. Thế giới vẫn được hiểu là một tạo tác, nhưng dựa trên mô hình một cỗ máy tự động. Quy luật tự nhiên vẫn còn đó, nhưng không có người lập pháp. Theo các nhà thần luận, Thượng đế đã chế tạo và khởi động cỗ máy này, để rồi ngài thiếp ngủ hoặc nghỉ ngơi ở đâu đó. Còn theo các nhà vô thần, nhà tự nhiên học và theo thuyết bất khả tri, thế giới *hoàn toàn* tự động. Thế giới đã kiến tạo nên chính mình, dù không chủ định. Thành phần của vật chất được cho là bao gồm nguyên tử như mấy quả bóng bi-a li ti, nhỏ đến mức không thể tiếp tục phân chia hay phân tách. Khi những nguyên tử này uốn lượn theo nhiều hoán vị và tổ hợp khác nhau trong một thời gian dài vô hạn định, rồi một lúc *nào đó* trong thời gian gần như vô tận, chúng sẽ thành ra một trật tự là thế giới mà giờ chúng ta có. Câu chuyện cũ rích về con khỉ và cái máy chữ^[29].

Trong Mẫu Tự động Hoàn toàn của vũ trụ này, hình dạng và chất liệu chỉ còn lại là năng lượng và vật chất. Con người, kể cả thể xác và tinh thần, là những bộ phận của hệ thống này, và vì vậy mà họ có trí tuệ và cảm giác - nhờ chính những vòng quay không bao giờ dứt của nguyên tử. Nhưng cái rắc rối trong chuyện lũ khỉ với cái máy chữ là khi cuối cùng chúng xoay xở gõ ra được *Bách khoa toàn thư Anh* thì bất kỳ lúc nào chúng cũng có thể lại chứng nào tật ấy mà gõ ra những thứ lủng củng. Do vậy, nếu con người muốn duy trì địa vị và thứ bậc tình cờ mà có của mình, họ phải làm việc như điên để chinh phục những quá trình thuần túy ngẫu nhiên của tự nhiên. Trong câu chuyện hoang đường này, cái được nhấn mạnh nhất là vật chất thì tàn bạo

còn năng lượng lại mù quáng, toàn thể thiên nhiên bên ngoài lớp da con người và một số thú vật là một cơ cấu ngu ngốc và vô tình đến cùng cực. Ai tiếp tục tin vào Ai Đó Trên Kia Để Tâm sẽ bị chế nhạo là những kẻ mơ mộng viễn vông mơ hồ, là những kẻ yếu đuối tội nghiệp không đủ sức nhìn thẳng vào tình cảnh khó khăn đáng lo ngại của con người trong một vũ trụ tàn nhẫn, nơi sống còn chỉ là đặc quyền của những gã chai lì.

Dù Thượng đế trí tuệ siêu phàm là khó hiểu thì ta cũng chẳng nhẹ nhõm gì được bao lâu. Ngài được thế chỗ bằng một Gã khờ Vũ trụ, và thế là thiên hạ đâm ra cảm thấy lạc lõng hơn bao giờ hết trong vũ trụ. Tình cảnh này chỉ càng làm tăng thêm ảo tưởng về sự bơ vơ và riêng biệt của bản ngã (giờ là một “cơ chế tinh thần”) và những kẻ tự xưng là theo chủ nghĩa tự nhiên đã đẩy cuộc binh đao với thiên nhiên rầm rộ nhất từng có.

Ở dạng này hay dạng khác, chuyện hoang đường về Mô hình Tự động Hoàn toàn đã trở nên hết sức hợp lý, trong một số môn khoa học và học thuật, nó là một tín hiệu bất khả xâm phạm chẳng khác học thuyết thần học nào trong quá khứ - bất chấp các khuynh hướng ngược lại trong vật lý học và sinh học. Vì chuyện hoang đường cũng có trào lưu, phương-Tây-chính-phục-thế-giới của thế kỷ 19 cần một triết học về sự sống mà trong đó *chính sách thực dụng* - chiến thắng thuộc về kẻ chai lì đối mặt những sự thật ảm đạm - là nguyên tắc chỉ đạo. Do vậy, anh càng đối mặt những thực tế ảm đạm hơn thì anh càng có vẻ gan lì hơn. Vậy nên ta đua nhau tạo ra Mô hình Tự động Hoàn toàn về vũ trụ ảm đạm chừng nào tốt chừng ấy.

Thế nhưng nó vẫn cứ là một chuyện hoang đường, với mọi khía cạnh tích cực và tiêu cực của thần thoại như một hình tượng để cắt nghĩa về thế giới. Khoa học và công nghệ phương Tây chưa chắc đã ra đời nếu ta không có hiểu thiên nhiên dưới dạng những mô hình cơ học. Theo Joseph Needham,

người Trung Hoa, dù rất sắc sảo, tinh vi, vẫn không đạt được nhiều tiến bộ trong khoa học vì họ chưa từng nảy ra ý nghĩ coi thiên nhiên là một bộ máy, là “bao gồm” các bộ phận riêng lẻ và “tuân theo” các quy luật hợp lý. Vũ trụ quan của họ mang tính hữu cơ. Nó không phải là trò bi-a mà mấy quả bóng cứ va vào nhau theo một chuỗi nhân quả. Cái với chúng ta là nhân và quả thì với họ là “tương liên” - những sự kiện tương sinh, như sau và trước. Các “bộ phận” trong vũ trụ của họ không thể tách rời nhau, mà đan xen với nhau bền chặt như hành động bán với hành động mua^[30].

Một vũ trụ “được làm ra”, dù là Mô hình Đồ sứ nứt hay Mô hình Tự động Hoàn toàn, đều được làm từ những mảnh, mà những mảnh này là những thực tại cơ bản của tự nhiên. Tự nhiên do vậy được tìm hiểu bằng kính hiển vi và phép phân tích, để biết các mẫu đó là gì và chúng kết hợp lại ra sao. Đây là quan điểm của các triết gia duy danh cuối thời Trung cổ, họ đã kịch liệt phản đối những kẻ hồi ấy được gọi là các nhà duy thực, vì phe này tuyên bố rằng những thể như Nhân loại hay Nhân tính là “thực thể” đích thực làm nền tảng cho những “sự hình thành ngẫu nhiên” nam riêng nữ riêng. Mỗi cá thể do vậy đều là một ví dụ hay trường hợp của “thực thể” người, mặc dù từ này hồi đó không được dùng với nghĩa là vật chất hay chất liệu, mà là một loại bản chất đứng (*stance*) bên dưới (*sub*) những biểu hiện đặc thù của nó. Các nhà duy danh khẳng khẳng cho rằng điều đó là phi lý. Với họ, Nhân loại chẳng qua chỉ là tổng số những con người cá thể. Nhân loại không phải là một thực thể mà chỉ là một cái tên để chỉ một lớp sinh vật; nó không có thực mà đơn thuần là tên gọi.

Thuyết duy danh, như chúng ta biết, đã trở thành quan điểm thống trị tư tưởng Tây phương và nhất là triết học về khoa học. Vào thế kỷ 18, Rousseau đã đi xa đến mức đưa ra giả thuyết rằng xã hội và nhà nước khởi thủy được

hình thành nhờ một kế ước giữa các cá nhân. Xã hội là một đoàn thể, giống như Tổ chức Rotary Club^[31], nơi các cá nhân trong một lúc nào đó đã gia nhập và bằng cách ấy từ bỏ sự độc lập ban đầu của mình. Nhưng trên quan điểm xã hội học hiện đại, ta cảm thấy rằng con người nhất thiết phải là một sự vật xã hội, chỉ vì lý do không cá nhân nào ra đời mà không có một cha và một mẹ -mà đây đã là một xã hội rồi. Cho đến mãi gần đây, quan điểm thẳng thắn trong khoa học phương Tây là động vật và thực vật, đá và khí, được “tạo thành” từ những đơn vị như phân tử, tế bào, nguyên tử, và các hạt khác, rất giống kiểu một ngôi nhà được xây bằng những viên gạch.

Nhưng một nhà duy danh kiên định sẽ buộc phải theo luận điểm rằng thực ra chẳng có gì như cơ thể người cả: chỉ có các phân tử riêng biệt hợp thành nó, hay chỉ các nguyên tử riêng biệt - ấy là chưa kể các electron, proton, neutron, vân vân. Hiển nhiên, các hạt này tự chúng không cấu thành cơ thể người. Cái tổng thể phải lớn hơn tổng số các bộ phận của nó chỉ vì lý do là một mô tả khoa học về cơ thể phải tính đến cả trật tự hay mô thức sắp xếp các hạt và hoạt động của chúng.

Hỡi người đứng sau kính hiển vi

Có điều này khuyên người:

“Thay vì hỏi nó là gì,

Hãy hỏi, ‘Nó làm gì?’”

Nhưng ngay cả như vậy vẫn chưa đủ. Ta còn phải hỏi, “Nó đang làm vậy trong môi trường nào?” Nếu một mô tả về cơ thể người phải bao gồm mô tả nó, và mọi “bộ phận” của nó, đang *làm* gì - nghĩa là, *hành vi* của nó - hành vi này ngoài trời là một chuyện nhưng trong chân không, trong lò nung, hay dưới nước lại là chuyện khác hẳn. Máu trong ống nghiệm không giống hết

máu trong tĩnh mạch vì nó không hoạt động theo cùng cách. Hành vi của nó đã thay đổi vì môi trường hay bối cảnh của nó đã thay đổi, cũng như nghĩa của cùng một từ có thể khác đi tùy theo loại câu nó được dùng trong đó. Có một sự khác biệt rất lớn giữa “bark” của cây và “bark” của chó^[32].

Do vậy, sẽ là chưa đủ khi mô tả, định nghĩa, và cố hiểu mọi vật hay sự kiện chỉ bằng phân tích không thôi, bằng cách tháo banh chúng ra để tìm hiểu xem “chúng được chế tạo như thế nào”. Cách này cho chúng ta biết nhiều, nhưng có lẽ chưa được phân nửa câu chuyện. Ngày nay, các nhà khoa học càng lúc càng biết rõ mọi vật là gì, và chúng đang làm gì, tùy thuộc vào việc chúng làm vậy ở đâu và khi nào. Vậy thì, nếu định nghĩa về một sự vật hay hiện tượng phải bao gồm cả định nghĩa về môi trường của nó thì chúng ta sẽ nhận ra rằng, bất kỳ sự vật cụ thể nào cũng đều *đi liền* với một môi trường cụ thể mật thiết và không thể tách rời, tới mức càng lúc càng khó vạch ra một lần ranh rõ ràng giữa sự vật và môi trường của nó.

Đây là một chút sự thật trong khoa học chiêm tinh sơ khai và không đáng tin cậy - cũng như chút ít sự thật trong thuật giả kim, chữa bệnh bằng thảo dược, và các khoa học sơ khai khác. Vì khi nhà chiêm tinh phác họa tính cách hay tâm hồn một người, ông ta sẽ lập một lá số tử vi - tức là, một bức tranh rất sơ lược và chưa hoàn chỉnh về vũ trụ như nó tồn tại vào giây phút người đó chào đời. Nhưng điều này đồng thời cũng là một cách nói sống động rằng linh hồn ta, hay đúng hơn là Ngã cơ bản của ta, là toàn thể vũ trụ khi nó xoay quanh một thời gian, địa điểm, và hoạt động riêng biệt, có tên gọi John Doe^[33]. Do vậy mà linh hồn không ở trong thể xác, mà thể xác ở trong linh hồn, linh hồn là toàn bộ mạng lưới các mối quan hệ và quá trình tạo nên môi trường của ta, và ngoài nó ra thì ta chẳng là gì sắt. Một thuật chiêm tinh mang tính khoa học, nếu có từng được lập ra, sẽ phải là một mô tả

toàn thể môi trường của cá nhân - xã hội, sinh học, thực vật học, khí tượng học, và thiên văn học - trong suốt mọi khoảnh khắc đời hân.

Nhưng ngày nay, chúng ta đang định nghĩa (và vậy nên cảm thấy) cá thể trong luồng ánh sáng ý thức “đèn pha” hạn hẹp của mình, mà hầu như lờ đi toàn bộ vùng quan hệ tương tác của cá thể với thế giới (hay là môi trường xung quanh hân) ở bên ngoài giới hạn luồng sáng đó. “Cá thể” là hình thái Latin của từ “nguyên tử” trong tiếng Hy Lạp - cái không thể cắt hay phân chia thêm thành những phần riêng lẻ được nữa. Ta không thể chặt đầu một người hay moi tim y mà không làm y chết. Nhưng ta cũng có thể giết chết y bằng cách tách y ra khỏi môi trường thích hợp của y. Điều này hàm ý rằng nguyên tử đích thực duy nhất là vũ trụ - hệ thống toàn thể các “sự vật - hiện tượng” phụ thuộc lẫn nhau chỉ có thể tách rời trên danh nghĩa. Vì cá thể người không được tạo ra như sản xuất một cái xe. Y không ra đời bằng cách lắp ráp các bộ phận, bằng cách vặn một cái đầu vào một cái cổ, bằng cách mắc một bộ óc với hai lá phổi, hay bằng cách hàn các tĩnh mạch với tim. Đầu, cổ, tim, phổi, não, tĩnh mạch, cơ bắp, và các tuyến là những tên gọi riêng biệt nhưng không phải là các hiện tượng tồn tại riêng lẻ, các hiện tượng này đồng thời và tương thuộc hình thành nên con người. Cũng bằng đúng cách ấy, cá thể tách khỏi môi trường vũ trụ của y chỉ trên danh nghĩa. Khi chưa nhận ra điều này, ta vẫn bị cái tên của mình đánh lừa. Nhầm tên gọi với bản chất, cuối cùng ta sẽ tin rằng có một tên gọi riêng biệt biến ta thành một tồn tại riêng biệt. Điều này - gần như theo nghĩa đen - là u mê.

Cố nhiên, không chỉ việc định danh dẫn đến vố chơi khăm về một “con người đích thực”; mà tất cả mọi thứ đi kèm với việc này cũng có vai trò quan trọng. Đứa trẻ bị lừa phỉnh tin vào cảm giác bản ngã bởi thái độ, lời lẽ và hành động của xã hội xung quanh nó - cha mẹ, họ hàng, thầy cô, và, quan

trọng hơn cả, bạn bè cùng trang lứa cũng bị bịt mắt như nó. Người khác chỉ cho ta thấy ta là ai. Thái độ của họ đối với chúng ta là tấm gương mà ta học cách soi mình trong đó, nhưng là tấm gương sai lệch. Chúng ta có lẽ chỉ biết lơ mờ về uy quyền ghê gớm của môi trường xã hội chúng ta. Chẳng hạn, ta hiếm khi nhận ra rằng những tâm tư, cảm xúc thầm kín nhất trong ta không thực là của ta. Vì ta suy nghĩ bằng những ngôn ngữ và hình ảnh mình không tạo ra, mà là xã hội trao cho ta. Ta sao chép những phản ứng tâm lý của cha mẹ, nhờ họ mà ta biết được rằng phân thì phải có mùi kinh tởm và rằng nôn mửa thì phải là một cảm giác khó chịu. Nỗi sợ hãi trước cái chết cũng là học được từ nỗi lo lắng của họ về bệnh tật, từ thái độ của họ trước đám tang và tử thi. Môi trường xã hội của chúng ta có quyền năng này chỉ vì ta không tồn tại tách rời xã hội. Xã hội là thân và tâm ta mở rộng.

Thế nhưng chính xã hội mà cá thể không thể tách rời ấy đang dùng toàn bộ sức mạnh không cưỡng lại được của nó để thuyết phục cá thể rằng y quả thực là riêng biệt! Xã hội như giờ ta đang biết, chơi trò chơi có luật chơi tự mâu thuẫn. Chỉ vì ta không tồn tại tách rời cộng đồng mà cộng đồng có thể thuyết phục ta rằng ta riêng biệt - rằng mỗi người chúng ta là một nguồn hành động độc lập có đầu óc riêng. Cộng đồng càng thành công trong việc gieo cấy cảm nhận này thì sẽ càng gặp phiền toái hơn khi kết nối các cá nhân, kết quả là trẻ con được nuôi dạy trong môi trường như vậy gần như suốt đời thấy hoang mang.

Tình thế này đúng nghĩa là “tiến thoái lưỡng nan”. Một người bị đặt trong tình trạng khó xử vì những mệnh lệnh hay yêu cầu ẩn chứa đầy mâu thuẫn. “Đừng tự ý thức nữa!” “Cố thoải mái đi.” Hay câu hỏi trừ danh của công tố viên với người đàn ông bị buộc tội bạo hành vợ, “Ông đã thôi đánh vợ chưa? Trả lời rồi hay chưa.” Đây là tình trạng nếu anh làm thì thật khổ

kiếp mà nếu anh không làm thì cũng khổn kiếp, vốn nảy sinh liên miên trong các quan hệ của con người (nhất là quan hệ gia đình). Một bà vợ kêu ca với chồng, “Anh có nhận ra là từ khi cưới nhau cách đây hai năm tới giờ anh chưa lần nào đưa em đi xem phim? Hồi anh tán tỉnh thì đâu có vậy. Em nghĩ anh bắt đầu chẳng coi em ra gì nữa rồi.” Khi anh chồng ăn năn, chiều hôm sau đi làm về anh ta nói, “Em yêu, ăn tối xong mình đi xem phim nhé?” Thì nàng đáp, “Anh gợi ý thế chỉ vì em kêu ca thôi!”

Xã hội chúng ta bây giờ dùng mách này với mọi đứa trẻ từ khi chúng mới mở mắt. Đầu tiên, đứa trẻ được dạy rằng nó có trách nhiệm, rằng nó là một người hành động tự do, là một nguồn tư tưởng và hành động độc lập - một kiểu Nguyên nhân Đầu tiên thu nhỏ. Đứa trẻ chấp nhận sự vờ vịt này chính vì lý do là điều đó không đúng. Nó không thể không chấp nhận điều đó, cũng như không thể không chấp nhận tư cách thành viên trong cộng đồng nơi nó sinh ra. Nó chẳng tài nào cưỡng lại kiểu nhồi sọ này của xã hội. Điều đó liên tục được củng cố bằng thưởng phạt. Kiểu nhồi sọ này gắn chặt vào cấu trúc nền tảng của ngôn ngữ mà nó đang học. Nó phải nghe đi nghe lại mãi những câu như, “Làm vậy không giống con chút nào.” Hay, “Đừng cầm đầu bắt chước mù quáng; cứ là chính mình!” Hay, khi một đứa trẻ bắt chước phong cách riêng của một đứa trẻ khác mà nó ngưỡng mộ, thì “Johnny, vậy không phải con. Đó là thằng Peter mà!” - nạn nhân ngây thơ của kiểu nhồi sọ này không thể hiểu được cái nghịch lý ấy. Đứa trẻ được dạy là nó *phải* tự do. Một áp lực không thể cưỡng lại đè lên nó khiến nó phải tin rằng không tồn tại cái áp lực như vậy. Cộng đồng mà nó nhất thiết là một thành viên phụ thuộc lại định nghĩa nó là một thành viên độc lập.

Thêm nữa ngay sau đó, nó bị ra lệnh, với tư cách là một người hành động tự do, làm việc này việc khác, những việc ấy chỉ được chấp nhận khi làm

một cách tự nguyện! “Mi *phải* thực sự yêu quý chúng ta,” cha mẹ, cô dì, chú bác, anh chị em nói vậy. “Đứa trẻ ngoan nào cũng yêu thương gia đình, và tự làm lấy việc của mình mà không cần nhắc nhở.” Nói cách khác, “Ba mẹ cần con yêu thương ba mẹ vì con muốn vậy chứ không phải vì ba mẹ đòi hỏi con phải vậy.” Một phần của điều vô lý này là do ta nhầm lẫn từ “phải” biểu thị một điều kiện (“Là người thì ta phải có một cái đầu.”) với “phải” biểu thị một mệnh lệnh (“Con phải đem cất đồ chơi của con đi.”) Chẳng ai cố công có một cái đầu, vậy mà cha mẹ cứ khẳng khẳng rằng, để khỏe mạnh, trẻ “phải” bài tiết đều đặn, hay nó phải cố đi ngủ, hay nó phải cố mà chú tâm - như thế chỉ cần ráng gân ráng cốt lên là đạt được những mục tiêu này vậy.

Trẻ con không sao thấy được mâu thuẫn trong những đòi hỏi này, và cho dù có một thể lực thần kỳ nào đó chỉ ra mâu thuẫn thì đứa trẻ đó cũng sẽ được ra lệnh gọn lỏn là không được “cãi lời”, và rằng nó đã thiếu tôn trọng “người lớn hơn và giỏi hơn”. Thay vì giải thích rõ ràng và minh bạch luật chơi của cộng đồng cho con cháu thì chúng ta lại làm chúng mù mịt đi, khiến chúng hoang mang vô vọng, bởi vì chúng ta, với tư cách là người lớn, đã từng hoang mang như vậy, và vẫn còn hoang mang như vậy, không hiểu được trò mà ta đang chơi.

Trò chơi tiến thoái lưỡng nan là một trò có luật chơi tự mâu thuẫn, một trò chơi dẫn đến sự tự thất vọng triền miên - như cố chế ra một cái máy chuyển động vĩnh viễn theo cơ học Newton, hay cố chia ba một góc đã cho nào đó bằng một thước kẻ và compa. Trò chơi tiến thoái lưỡng nan của cả xã hội có thể được diễn đạt theo vài cách như sau:

Luật chơi đầu tiên của trò này là nó không phải là một trò chơi.

Ai cũng phải chơi.

Các con phải yêu thương chúng ta.

Các con phải tiếp tục sống.

Cứ là mình, nhưng hãy đóng một vai nhất quán và chấp nhận được.

Hãy tự chủ và hãy tự nhiên.

Cố gắng thành thật.

Về bản chất, trò chơi này là đòi hỏi ở người chơi hành vi tự nhiên thuộc một số kiểu nhất định. Sống, yêu thương, tự nhiên hay thành thật - tất cả những thứ này là hình thức hành vi tự nhiên: chúng “tự” xảy ra như tiêu hóa thức ăn hay để tóc dài. Một khi bị ép buộc, những hành vi này lập tức mang sắc thái gượng ép, có tính toán trước và giả dối, không ai ưa. Khi đó hành vi của chúng ta sẽ trở nên tội nghiệp và không toàn vẹn, vô vị như hoa bị thúc nỡ và nhạt như trái cây chín ép. Sự sống và tình yêu làm nảy sinh nỗ lực, nhưng nỗ lực sẽ không sinh ra những điều ấy. Niềm tin - ở cuộc sống, ở người khác, và ở chính mình - là thái độ để cho cái tự nhiên thanh thoát *được* tự nhiên thanh thoát, theo cách riêng của nó và theo thời gian của riêng nó. Dĩ nhiên, điều này mạo hiểm, vì cuộc đời và những kẻ khác không phải bao giờ cũng đáp lại niềm tin như ta mong muốn. Niềm tin luôn là một canh bạc vì chính cuộc đời là một canh bạc mà ở khía cạnh trốn của trò chơi, hẳn phải nhiều rủi ro châu chực lăm. Nhưng bỏ đi cái may rủi của trò chơi, cố biến sự thăng cuộc thành điều ăn chắc, thì sẽ có được một sự chắc chắn thực sự vô hiệu lực. Cách chọn lựa khác cho một cộng đồng dựa trên sự tin cậy lẫn nhau là một chế độ dùi cui chuyên chế, một cộng đồng trong đó tính ngẫu hứng gần như bị cấm đoán.

Arthashastra (*Luận về bốn phận*), một luận thuyết Ấn Độ về nghệ thuật lãnh đạo, đặt ra các nguyên tắc lãnh đạo cho tên bạo chúa cực đoan, mô tả tổ

chức cung điện của y, triều đình của y, và nhà nước của y theo một kiểu khiến Machiavelli^[34] vẫn còn có vẻ là người tự do chủ nghĩa. Nguyên tắc đầu tiên là y không được tin tưởng bất cứ ai, và không được có một người bạn thân thiết nào. Ngoài ra, y còn phải tổ chức nội các theo kiểu một loạt vòng tròn đồng tâm gồm nhiều thượng thư, quan, tướng, thư lại và quân hầu khác nhau thực thi lệnh của y, mỗi vòng cấu thành một thứ bậc dẫn lên nhà vua ở chính giữa như một con nhện trong mạng nhện của nó. Bắt đầu từ vòng gần nhất bao quanh nhà vua, các vòng tròn phải xen kẽ kẻ thù tự nhiên và đồng minh tự nhiên của y. Vì chính tầng bậc cao nhất gồm các hoàng tử sẽ âm mưu tiếm quyền của vua, họ phải được bao quanh và giám sát bởi một vòng các quan lại hăm hở tranh giành sự sủng ái của vua - và hệ thống tôn ti gồm những vòng tròn nghi kỵ lẫn nhau này phải đi thẳng một mạch đến ngoài rìa mạng nhện. *Divide et impera* - chia để trị.

Trong khi đó, nhà vua vẫn được an toàn trong thâm cung, được lính canh túc trực, những kẻ này, đến lượt mình, cũng bị những lính canh khác nấp sau tường theo dõi. Nô tì phải nếm thức ăn của nhà vua xem có độc hay không. Còn vua thì phải ngủ mắt nhắm mắt mở hoặc khóa trái cửa bên trong. Trong trường hợp có chính biến thì phải có một lối đi ngầm, bí mật cho vua thoát ra khỏi trung tâm - lối đi có một cái đòn bẩy sẽ phá đá đỉnh vòm của cung điện và làm cho nó đổ ập xuống đầu triều thần tạo phản của y. *Arthashastra* không quên cảnh báo chúa rằng y không thể lúc nào cũng thắng. Y có thể trở nên lỗi lạc nhờ tham vọng hay ý thức trách nhiệm, nhưng quyền lực của y càng tuyệt đối thì y càng bị thù ghét, và y càng trở thành tù nhân trong chính cái bẫy của mình. Mạng nhện tóm con nhện. Y không thể rong chơi nhàn nhã trên phố xá và công viên trong kinh đô của chính mình, hay ngồi một mình trên bãi biển nghe sóng vỗ và ngắm mòng biển. Bằng cách nô dịch

kẻ khác thì chính y cũng trở thành tên nô lệ khốn khổ nhất trong những kẻ nô lệ.

Chẳng có gì thất bại bằng thành công - vì nhiệm vụ tự đặt ra của xã hội và mọi thành viên của nó là một sự mâu thuẫn: ép buộc phải xảy ra những chuyện vốn chỉ chấp nhận được khi chúng xảy ra mà không bị ép buộc. Điều này vốn nảy sinh từ định nghĩa con người là một nhân tố độc lập - *trong* vũ trụ chứ không phải *của* vũ trụ - phải gánh vác nhiệm vụ nặng nề là bắt thế giới phải theo ý muốn của mình. Dù có giáo huấn hay răn dạy đến đâu đi nữa cũng không thể nào cải hóa được loại người đã được định nghĩa như vậy, vì cái ảo giác thôi miên thấy bản thân là cái gì đó phân ly với thế giới, làm cho y không thể nhìn ra sự sống là một hệ thống phối kết hợp giữa địa chất và sinh học. Đương nhiên, hệ thống *bao gồm* những cuộc giao tranh: chim chóc đấu với sâu bọ, ốc sên với rau diếp, nhện với ruồi. Nhưng những cuộc giao tranh này được hàm nghĩa là chúng không vượt khỏi tầm kiểm soát, không có loài nào là kẻ chiến thắng vĩnh viễn. Chỉ có con người mới cố *loại bỏ* địch thủ tự nhiên của mình trong niềm tin đình ninh y là, hay nên là, loài tối thượng. Cũng như ta trồng rau, chăn nuôi gia súc, gia cầm lấy thực phẩm vì nhận ra ta nhờ vào những sinh vật này mà sống, ta cũng nên nhận ra là những sinh vật thù địch rình rập con người - côn trùng, vi trùng, và nhiều loại nấm khác nhau - thực ra là thù/bạn.

Một phụ nữ New York, khi tiếp đãi một vị khách chính trị gia từ Pakistan, có đề cập nhu cầu cấp bách cần phải hạn chế sinh đẻ ở châu Á, và những việc đã được thực hiện ở Pakistan. Bà đã cực kỳ bối rối khi nghe đáp lại rằng cả chiến dịch tuyên truyền sinh đẻ có kế hoạch ấy chỉ là nỗ lực của người da trắng nhằm duy trì sự ưu việt của mình đối với các chủng tộc da màu. Tôi đã bảo bà đáng ra nên trả lời rằng, “Thật ra thì không đâu. Chúng

tôi chỉ muốn giúp các bạn xén tỉa các cây ăn trái xinh đẹp của các bạn thôi.”

Sở dĩ như vậy là vì kẻ thù/bạn của con người là những người tỉa cây của hân. Họ ngăn y khỏi nguy cơ tự hủy diệt bằng sự sinh sản quá độ, để một kẻ chết vì sốt rét hay bệnh lao phải được tôn trọng ít ra cũng ngang bằng với kẻ hy sinh cho đất nước ngoài chiến trường. Y đã nhường chỗ cho những người còn lại là chúng ta, và những vi khuẩn đã giết chết y cần phải được chào đón với tinh thần thượng võ đúng cách như một kẻ thù danh dự. Vấn đề không phải là ta nên tức thì bỏ penicillin hay DDT^[35], mà là ta nên nỗ lực kiểm soát kẻ thù, chứ không phải loại trừ y. Ta phải học cách gia nhập vòng hợp tác và xung khắc, cộng sinh và săn mồi, những thứ cấu thành sự cân bằng tự nhiên, vì một loài chiến thắng mãi sẽ hủy diệt, không chỉ bản thân nó, mà còn mọi sự sống khác trong môi trường của nó.

Chúng ta phản đối lý thuyết đòi “quyền được sống” cho các kẻ thù tự nhiên của người như căn bệnh ung thư hay lũ muỗi vì thông cảm với những cá nhân phải chịu đựng chúng. Hoàn toàn đúng khi lập luận, theo nghĩa trừu tượng, rằng dân số loài người phải được cắt giảm, nhưng hễ bệnh tật động đến tôi là tôi chạy đi tìm bác sĩ. Vậy thì lời kêu gọi “tình nguyện bị cắt giảm” làm sao thành công được? Trong nền văn minh phương Tây, chúng ta không bỏ rơi trẻ sơ sinh ốm yếu, bắn chết kẻ tâm thần, để người đói chết, hay bỏ mặc người bệnh tật chết ngoài đường. (Ít nhất thì cũng không phải trong những giai đoạn sáng sủa). Vì lý tưởng cao cả nhất của nền văn hóa của chúng ta là quyền có công bằng, sức khỏe, tài sản, hay quyền “sống, tự do, và mưu cầu hạnh phúc” của mọi cá nhân. Ý tưởng về bản ngã cá nhân là một ảo tưởng, một đòn tấn công vào chính giá trị thiêng liêng nhất này, mà không có nó thì con người văn minh sẽ rơi trở lại đẳng cấp cu li hay kiến thợ để trở thành một đám đông có tổ chức, ở đó con người cá biệt hoàn toàn có thể bị

loại trừ.

Trong Thế chiến II, một người bạn của tôi thường đưa nhân công Trung Hoa qua Hump bằng đường không để làm việc ở đầu Nam đường Burma. Chuyến bay dài nên dĩ nhiên rất lý tưởng để chơi cờ bạc, nhưng vì họ không có đủ tiền mặt để làm cho trò chơi thú vị, nên tiền đặt cược là kẻ thua sau cùng sẽ phải nhảy khỏi máy bay. Không có đủ. Phản ứng tự nhiên của chúng ta là những kẻ ấy không còn là người. Giống như gia quyến và nô tì của các vị vua thời xưa bị chôn sống theo vị vua băng hà, như Thomas Mann^[36] chỉ ra, dường như họ là những khuôn mặt không có gáy - chỉ là những mặt nạ, hay những vai diễn không còn giá trị sử dụng hay ý nghĩa nữa; ong thợ không còn ong chúa. Dù người Anh đã thực hiện những hành vi độc ác nào ở Ấn Độ đi nữa thì lương tri Cơ Đốc giáo của họ cũng phải chùn lại trước tục *sati*, tục đòi hỏi một góa phụ phải quyên sinh tại đám tang của chồng. Chúng ta cảm thấy, người thực sự văn minh không phải là những bộ mặt trên trời mà là những cái đầu hoàn chỉnh chứa đựng linh hồn, mỗi người là một giá trị vô tận trong mắt Thượng đế.

Như vậy, một mặt, ta có cá thể thiêng liêng - bản ngã cá nhân độc hữu, tồn tại phân biệt với cả thiên nhiên lẫn Thượng đế - được định nghĩa bởi cái xã hội gần như đồng thời ra lệnh cho y vừa phải tự do vừa phải tuân thủ. Ở cực kia là tên cu li, là con ốc trong guồng máy tập thể công nghiệp, hay chỉ là “tay máy” (như người ta thường gọi công nhân xưởng máy). Nếu ta tin rằng *bản ngã* cá nhân là điều thiên phú cho hết thảy mọi người, thay vì là sự khác biệt do một quy ước xã hội, thì số phận của tên cu li quả thật tăm tối - vì ta thấy y như một kẻ bị đè nén và tuyệt vọng, dù có thể chính xã hội của y chưa bao giờ định nghĩa y như thế.

Tuy nhiên, không loại trừ một khả năng thứ ba. Có thể xem cá nhân

không phải là một con người riêng biệt hay một cái máy làm việc hình người thực hiện công việc nhằm chán. Thay vì vậy, có thể xem cá nhân là một trung tâm ý thức, biểu hiện toàn thể vũ trụ. Cá nhân có thể là hiện thân của Đại Ngã, của Thượng đế, hay bất cứ gì người ta có thể chọn để gọi NÓ. Cách nhìn không mâu thuẫn với quan điểm đã có của chúng ta về cá nhân thiêng liêng. Đồng thời, nó giải quyết được nghịch lý bản ngã cá nhân, nhờ đó con người đạt được “địa vị tôn quý” của kẻ độc nhất vô nhị không thể thay thế, nhưng phải trả giá bằng nỗi sợ chết triền miên. Ảo giác phân ly ngăn không cho ta thấy nâng niu bản ngã là nâng niu khổ não. Ta không nhận ra rằng cái gọi là sự quan tâm đến các quyền và tự do của cá nhân chẳng qua chỉ là một khuôn mặt khác của nỗi sợ chết hay sợ bị hắt hủi trong ta. Khi quá nhấn mạnh vào cái tôi riêng biệt của mình, bản ngã cá nhân đang cửa đứt cành cây mà y ngồi, và rồi mỗi lúc một lo lắng hơn về cú rơi sắp xảy ra!

Hơn nữa, phải nói rõ rằng cái ảo giác *bản ngã* không hề là đặc tính thiết yếu của cá thể và cả của cơ thể người của y. Con người có thể tồn tại và thể hiện đặc tính cá nhân của mình mà không cần đến ảo tưởng ấy. Bởi vì mỗi cá nhân là một biểu hiện độc nhất, không lặp lại của Toàn thể chính xác như mỗi cành cây đều là một nhánh duy nhất của cái cây. Để thể hiện tính cá thể, mỗi cành phải có mối liên hệ tinh nhạy với cây, cũng như mỗi ngón tay cử động riêng rẽ và khác nhau của ta phải có một mối liên hệ tinh nhạy với toàn thân. Điều quan trọng, nhưng hiếm khi được nhắc lại, là sự phân biệt không phải là sự tách rời. Cái đầu và bàn chân khác nhau, nhưng không tách biệt nhau, và tuy rằng con người không liên hệ với vũ trụ theo đúng mỗi tương quan tự nhiên như cành với cây hay bàn chân với đầu, thế nhưng y vẫn liên hệ - bằng những mối tương quan theo quy luật tự nhiên phức tạp mà thú vị. Cái chết của cá nhân không phải là đứt lìa mà chỉ là lui về. Thi thể giống như

một dấu chân hay một tiếng vọng - là vết tích dần tan của thứ mà Ngã đã ngừng sắm vai.

Như vậy, sự phân biệt giữa các cá thể có ý nghĩa lớn, vì về nguyên tắc, sự đa dạng tô điểm cuộc sống. Tuy nhiên, ý nghĩa này sẽ không được đề cao, khi trong quá trình giáo dục, con người bị gán cho định nghĩa mâu thuẫn về tính cá thể. Xã hội chúng ta - tức là chính chúng ta, mỗi người chúng ta - đang xác định con người như vòng tròn khép kín, ra lệnh cho y tự do và tách biệt với thế giới. Nhưng về bản chất y không là như thế, vì nếu y tự do và tách biệt, thì bản thân mệnh lệnh ấy là vô nghĩa. Trong tình cảnh ấy, xã hội chỉ nhồi nhét được cho y ảo tưởng về sự riêng biệt, tương tự như các mệnh lệnh của một bác sĩ thôi miên có thể tạo ra ảo giác.

Bị lừa gạt như vậy nên cá nhân, thay vì thực hiện chức năng duy nhất của y trong thế giới, lại kiệt sức và tuyệt vọng khi cố hoàn thành những mục tiêu tự mâu thuẫn. Vì giờ đây định nghĩa phổ biến về y là một con người riêng biệt mắc kẹt trong một vũ trụ vô tâm và xa lạ, nhiệm vụ chính của y là chiếm ưu thế trước vũ trụ và chinh phục thiên nhiên. Điều này hiển nhiên là vô lý, nhưng vì vậy cá thể được dạy phải sống, làm việc cho một tương lai nào đó, vì trong hiện tại y sẽ không khi nào đạt được các mục đích. Chẳng mấy chốc y liền tin rằng nguyện vọng không thể đó của y cuối cùng sẽ thành hiện thực, nếu không với y thì ít ra cũng với con cháu hă. Bằng cách ấy, chúng ta nuôi dưỡng một kiểu nhân loại không có khả năng sống trong hiện tại - nghĩa là, sống thực sự.

Nếu người ta không thể sống trọn vẹn trong hiện tại thì tương lai là một trò lừa bịp. Chẳng ích gì khi toan tính cho một tương lai mà ta sẽ không bao giờ được hưởng. Khi những toan tính đã thành, ta vẫn sẽ sống cho một tương lai khác nào đó xa hơn. Ta sẽ không bao giờ, không bao giờ có thể ngả mình

mãn nguyện mà nói, “Giờ thì mình đã đến đích rồi!” Toàn bộ nền giáo dục đã tước đoạt của ta khả năng này vì nó hướng ta đến tương lai, thay vì chỉ cho ta cách sống với hiện tại.

Nói cách khác, ta đã bị thôi miên hay tập nhiễm bởi một hệ thống quy trình giáo dục được sắp xếp thành các bậc hay các cấp học, được cho là sẽ dẫn đến Thành tựu cao nhất nào đó. Đầu tiên là nhà trẻ hay mẫu giáo, rồi đến các lớp của bậc tiểu học, hướng ta đến cái thời điểm trọng đại là trường trung học! Nhưng rồi lại thêm nhiều bậc nữa, lên và lên mãi đến cái mục tiêu khao khát là đại học. Ở đây, nếu ta thông minh, ta có thể ở lại vô hạn định bằng cách vào cao học và trở thành một sinh viên suốt đời. Nếu không thì ta cũng từng bước một, tiến về cái Thế giới Bên ngoài rộng lớn là gây dựng gia đình, công việc, và nghề nghiệp. Thế nhưng, ngày tốt nghiệp là một thành tựu rất ư tạm bợ, vì với cuộc hẹn quảng cáo bán hàng đầu tiên thì ta sẽ rơi trở lại đúng cái hệ thống cũ, bị hối thúc phải hoàn thành chỉ tiêu (và nếu ta làm được, người ta sẽ giao cho ta một chỉ tiêu cao hơn nữa), và thế là ta leo dần lên tới chức giám đốc bán hàng, phó chủ tịch, và, cuối cùng, giám đốc cơ sở kinh doanh của riêng mình (ở tuổi khoảng bốn mươi đến bốn lăm). Trong thời gian đó, các nhân viên bảo hiểm và đầu tư thuyết phục ta để tâm đến các kế hoạch Hữu trí - cái mục tiêu thực sự sau cùng là có thể ngả lưng hưởng thành quả mọi công sức của mình. Nhưng khi cái ngày đó đến, những lo âu và gắng gỏi của ta sẽ để lại cho ta một trái tim yếu ớt, hàm răng giả, chứng rối loạn tuyến tiền liệt, liệt dương, mắt mờ, và khả năng tiêu hóa kém.

Tất cả những thứ này có thể là tuyệt vời nếu, ở từng giai đoạn, ta đã có thể coi nó như một trò chơi, thấy công việc của ta hấp dẫn như trò xì phé, cờ vua, hay câu cá. Nhưng với phần lớn chúng ta thì một ngày được chia thành thời gian làm và thời gian chơi, công việc chủ yếu gồm những nhiệm vụ mà

người khác trả lương để ta làm vì chúng hết sức vô vị. Do vậy, ta làm việc, không phải vì chính công việc, mà vì tiền - và tiền sẽ đem lại cho ta cái ta thực sự muốn trong những giờ rảnh rỗi và vui chơi. Ở Mỹ, ngay cả người nghèo cũng có nhiều tiền hơn so với hàng triệu người gầy gò bất hạnh ở Ấn Độ, châu Phi, và Trung Quốc, trong khi các tầng lớp trung lưu và thượng lưu của ta (hay ta nên dùng từ “nhóm có thu nhập”?) xa hoa như những ông hoàng. Thế nhưng, nói chung, họ ít biết hưởng vui thú. Chỉ bằng tiền không mua được vui thú, dù tiền có thể được việc. Vì thưởng thức là một nghệ thuật và là kỹ năng mà ta có ít năng khiếu hay năng lực cho nó.

Tôi sống gần một cảng biển đặc kín thuyền buồm và các con tàu xa hoa chẳng mấy khi được sử dụng, vì điều khiển tàu là một nghệ thuật đáng nể nhưng khó, mà chủ nhân của những món đồ xa xỉ này không có thời gian để tập luyện. Họ mua tàu vừa như một biểu tượng địa vị vừa như một món đồ chơi, nhưng khi khám phá ra nó chẳng phải đồ chơi (như được quảng cáo) thì họ mất hứng. Cũng đúng như vậy với món hàng hóa giải trí thừa thãi và lạ lùng mà ta mua. Thực phẩm ê hề, nhưng ít ai biết nấu. Vật liệu xây dựng nhiều cả về số lượng lẫn chủng loại, vậy mà hầu hết nhà cửa trông cứ như được xây nên bởi kẻ mới nghe nói về ngôi nhà chứ chưa hề trông thấy một ngôi nhà nào. Lụa, vải lanh, len, và vải bông thì dồi dào về màu sắc và hoa văn, vậy mà đa số đàn ông ăn mặc như sinh viên thần học hay người làm dịch vụ tang lễ, trong khi đàn bà làm nô lệ cho trò chơi thời trang với luật chơi cơ bản “Tôi bắt kịp một trước cô”. Thị trường vật liệu cho họa sĩ và nhà điêu khắc đã nở rộ chưa từng có trong lịch sử, nhưng các bức tranh trông cứ như thế được làm bằng phân hay giấy bìa vụn, còn tượng thì như cái máy chữ lam nham hay khúc than củi từ một nhà xí cháy rụi^[37]. Ta có không biết bao nhiêu là chồng đĩa nhạc thuộc mọi thời đại và mọi nền văn hóa, với

những phương tiện tuyệt hảo nhất để nghe chúng. Nhưng ai thực sự lắng nghe? Chắc là mấy tay hút cần sa.

Điều này có lẽ là một sự phóng đại theo tinh thần Henry Miller^[38]. Tuy nhiên, càng lúc tôi càng thấy danh tiếng của chủ nghĩa duy vật Mỹ thiếu căn cứ đến mức nào – với điều kiện, chúng ta sẽ coi một người duy vật là người hưởng thụ trong thế giới vật chất và ham mê vật chất. Theo nghĩa này, chúng ta chắc chắn là những nhà duy vật siêu đẳng khi chế tạo ra máy bay phản lực, nhưng khi ta trang hoàng bên trong lũ quái vật hoành tráng này để hành khách được tiện nghi thì hoàn toàn lờ lợt vớ vẩn. Những cô gái đi giày cao gót, hông lép, nom như búp bê, dọn những bữa ăn vô vị đã được hâm nóng. Bởi vì thú vui của ta không phải là thú vui vật chất mà chỉ là *biểu tượng* của thú vui - những thứ được gói ghém long lanh nhưng bên trong kém chất lượng.

Giải thích thật đơn giản: phần lớn sản phẩm của ta được những người không hứng thú làm ra chúng tạo nên, dù với tư cách là ông chủ hay công nhân. Mục tiêu của họ trong doanh nghiệp không phải là sản phẩm mà là tiền, và do vậy mọi mảnh lời được đem ra dùng để cắt giảm chi phí sản xuất và bằng mảnh khóe làm màu mè, đóng gói, họ lừa bịp người mua tin rằng sản phẩm được sản xuất tốt và thật. Ngoại lệ duy nhất là những sản phẩm *buộc phải* xuất sắc chỉ vì lý do an toàn hay giá đắt - máy bay, máy tính, tên lửa vũ trụ, các dụng cụ khoa học, vân vân.

Nhưng toàn bộ hệ thống này là một vòng luẩn quẩn, bởi vì anh làm ra tiền rồi thì sẽ dùng tiền để mua gì? Những đồ giả phô trương khác do các nhà sản xuất mê tiền khác làm ra. Không có nhiều hàng hóa thực sự giá trị trên thị trường được nhập khẩu từ các nước “chậm tiến”, nơi người nông dân và thợ thủ công vẫn còn lấy làm tự hào về lao động của mình. Chẳng hạn, bang

Oaxaca ở Mexico sản xuất ra một trong những loại chăn tốt nhất thế giới, và người tiêu dùng Mỹ đã cố nhập về thật nhiều loại chăn này. Nhưng có nhiều tiền đến đâu đi nữa cũng không thể giúp số thợ thủ công ít ỏi có đủ thời gian đáp ứng được đơn đặt hàng. Nếu họ muốn có đơn đặt hàng, họ phải bắt đầu gian lận và sản xuất ra chăn kém chất lượng hơn. Giải pháp duy nhất sẽ là đào tạo ra hàng trăm thợ thủ công mới. Nhưng Oaxaca vừa mới có truyền hình và đã có giáo dục công được một thời gian, làm sao những thanh niên đây triển vọng lại muốn phí cả ngày ngồi dệt chăn?

Những điều này không có gì lạ, vì các nhà thơ và hiền triết hàng thế kỷ nay vẫn luôn nhắc rằng mọi thành công trên cõi thế đều chỉ là phù hoa. “Những niềm hy vọng ở chốn trần gian mà người ta tha thiết rồi cũng sẽ tan thành tro bụi mà thôi”, hoặc có thể nói bằng thứ ngôn ngữ hiện đại hơn, khi miệng ta vừa nhỏ dãi vì món khoái khẩu tuyệt vời thì đã hóa ra nó chỉ là hợp chất của thạch cao, giấy bồi, và keo dán. Có đủ mùi vị. Tôi đã suy tính đến việc đưa thứ này vào thị trường như một chất phổ quát, một *prima materia* (vật chất cơ bản), để tạo ra tất cả - nhà cửa, nội thất, hoa, bánh mì (họ đã dùng nó rồi), táo, và thậm chí con người.

Thế gian, các nhà thông thái nói, là ảo ảnh. Trong đó, tất cả luôn luôn sụp đổ, và chúng ta không có chút khả năng nào để chặn đứng sự sụp đổ này. Hơn thế nữa, ta càng gắng nắm chặt cái rỗng không hư huyền này thì nó càng vỡ vụn nhanh chóng hơn trong tay. Nền văn minh công nghệ phương Tây, cho đến lúc này, là nỗ lực tuyệt vọng nhất của con người để chiến thắng trong cuộc chơi - hiểu, kiểm soát, và xử lý bóng ma hư ảo gọi là cuộc sống này. Và rất có thể chính sức mạnh cùng với kỹ năng của nền văn minh ấy sẽ khiến giấc mơ-cuộc sống tan vỡ nhanh hơn ta nghĩ. Nhưng để điều này không xảy ra, sức mạnh kỹ thuật phải nằm trong tay một kiểu người mới.

Thời xưa, nhận ra sự vô thường của thế gian thường đưa người ta đến chỗ “xa lánh bụi trần”. Một mặt, các nhà tu khổ hạnh, thầy tu, và ẩn sĩ cố diệt dục để nhìn thế gian bằng sự nhẫn nhục từ bi, hay ngày càng lui vào những tầng sâu tâm thức để hòa nhập hoàn toàn với Ngã trong trạng thái đại tịch lặng và vĩnh hằng. Mặt khác, một số người lại cảm thấy rằng cõi đời là một trạng thái thử thách, nơi của cải vật chất phải được dùng trên tinh thần cần kiệm, như những khoản vay từ Thượng đế, và việc quan trọng nhất ở đời là một lòng tận tụy yêu thương Thượng đế và con người.

Thế nhưng, cả hai phản ứng này đều dựa trên giả định ban đầu rằng cá nhân là bản ngã tồn tại riêng lẻ, và vì giả định này là tác phẩm của tình thế tiến thoái lưỡng nan nên bất kỳ nhiệm vụ nào được thực hiện trên cơ sở này - kể cả tôn giáo - cũng sẽ là thất sách. Chính vì từ đầu nó đã là một trò chơi khăm nên bản ngã cá nhân chỉ có thể có một phản ứng giả dối với cuộc sống. Bởi nếu chỉ theo cái nhìn của kẻ đứng ngoài - như thế là ai đó hoàn toàn khác chứ không phải chính y - thì thế giới là một ảo ảnh vẫn mãi khó nắm bắt và vẫn mãi gây thất vọng, mà y cứ cố níu kéo. Không có sinh và diệt, và không có sự chuyển hóa bất tận các hình thái sống, thế giới sẽ tĩnh tại, phi nhị phi diệu, phi vũ diệu, giống như bị ướp khô.

Nhưng phản ứng thứ ba thì khả dĩ. Không xa lánh thế gian, mà tận lực hợp tác với thế giới trong *hiện tại*. Ở tầng cấp này, thế giới được tiếp nhận như một hệ thống hài hòa chứa đựng trong nó các xung đột, như một quá trình toàn vẹn vĩnh cửu, và là Ngã đích thực duy nhất của chúng ta. Nhận thức này đã tồn tại trong chúng ta theo nghĩa là thân thể ta biết nó, xương, thần kinh và các giác quan của ta biết nó. Nhưng có vẻ như chúng ta không biết nó, chỉ bởi tia sáng chú tâm có ý thức mỏng manh của ta đã được chỉ dạy bỏ qua điều này, và được dạy kỹ đến mức chúng ta quả thực đã thành những

đồ giả chính hiệu.

BỐN

THẾ GIỚI LÀ THÂN TA

Giờ đây, chúng ta đã nhận ra rằng, nhiều thứ ta thường cảm thấy là thực tại nền tảng của tự nhiên hóa ra lại là các hư cấu của xã hội, xuất phát từ lối tư duy phổ biến hoặc mang tính truyền thống về thế giới. Những hư cấu đó gồm:

1. Ý niệm rằng thế giới được tạo thành từ các phần hay các vật thể riêng biệt.
2. Sự vật là những hình thái khác nhau của một chất cơ bản nào đó.
3. Các cá thể người cũng là những sự vật như vậy, trong chúng cư ngụ và phần nào bị kiểm soát bởi các bản ngã độc lập.
4. Những cực đối lập trong các mối tương quan, như ánh sáng/bóng tối, vật rắn/không gian, thực chất nằm trong mối xung đột có thể kết thúc bằng chiến thắng vĩnh viễn của một trong các cực.
5. Chết là cái ác, nên cuộc sống là cuộc chiến đấu liên tục chống lại nó.
6. Con người, trong tư cách cá thể lẫn tập thể, cần có tham vọng trở thành loài đứng đầu các loài và kiểm soát tự nhiên.

Những điều hư cấu chỉ có ích chừng nào còn được xem là hư cấu. Bây giờ chúng chỉ là những cách “hình dung” về thế giới mà ta chấp nhận tin để có thể hợp tác hành động, như ta thỏa thuận về inch và giờ, số và chữ, các hệ thống toán học và ngôn ngữ. Nếu ta không có quy ước về những đơn vị đo

lượng thời gian và không gian, tôi sẽ chẳng tài nào hẹn với bạn tại góc đường Bốn mươi hai và đại lộ Năm lúc 3 giờ chiều, Chủ nhật, ngày 4 tháng Tư.

Nhưng rắc rối nảy sinh khi hư cấu được coi là thực. Do vậy, vào năm 1752, khi chính phủ Anh tiến hành cải cách lịch, đề xuất đổi ngày 2 tháng Chín năm đó thành ngày 14 tháng Chín, thì nhiều người ngỡ là đòi họ bị lấy đi mất mười một ngày, nên tất cả chạy tới Westminster mà gào lên, “Trả lại mười một ngày cho chúng tôi!” Những nhầm lẫn giữa thực tế và hư cấu như vậy gây khó khăn cho việc mở rộng phạm vi chấp nhận đối với các đạo luật chung, ngôn ngữ, cách đo lường, và các thiết chế hữu ích khác, cũng như cho việc cải tiến những điều kiện đã được áp dụng.

Nhưng, như ta đã thấy, những rắc rối nghiêm trọng hơn nảy sinh khi ta lẫn lộn chính mình và những mối quan hệ cơ bản giữa ta và thế giới với những hư cấu (hay các hình ảnh của tư tưởng) tự thân là mâu thuẫn vốn vẫn được thừa nhận, không cần xem xét. Ở đây, như ta cũng đã thấy, vấn đề “cốt yếu” nhất là chúng ta tự định nghĩa sai về mình, coi con người là *một tồn tại độc lập và riêng biệt trong* thế giới, chứ không phải là một hành động đặc biệt của thế giới. Một phần khó khăn của chúng ta là ở chỗ quan niệm thứ hai dường như làm con người chẳng khác nào con rối, bởi vì, khi cố tiếp nhận hay cố hiểu quan niệm thứ hai đó, ta vẫn còn trong vòng cương tỏa của quan niệm thứ nhất. Vì khi chúng ta nói con người là một hành động của thế giới, chúng ta *không* định nghĩa y như một “sự vật” bất lực bị mọi “sự vật” khác lôi kéo. Ta phải vượt ra ngoài giới hạn cái nhìn của Newton về thế giới như một tập hợp các trái bóng bi-a mà trong đó từng trái riêng lẻ thụ động bị các trái còn lại đánh văng tứ phía! Chớ quên rằng sự say mê của Aristotle và Newton với thuyết quyết định nhân quả có nguyên nhân của nó. Vấn đề là họ cố giải thích một vật hay sự kiện chịu ảnh hưởng của những thứ khác ra sao,

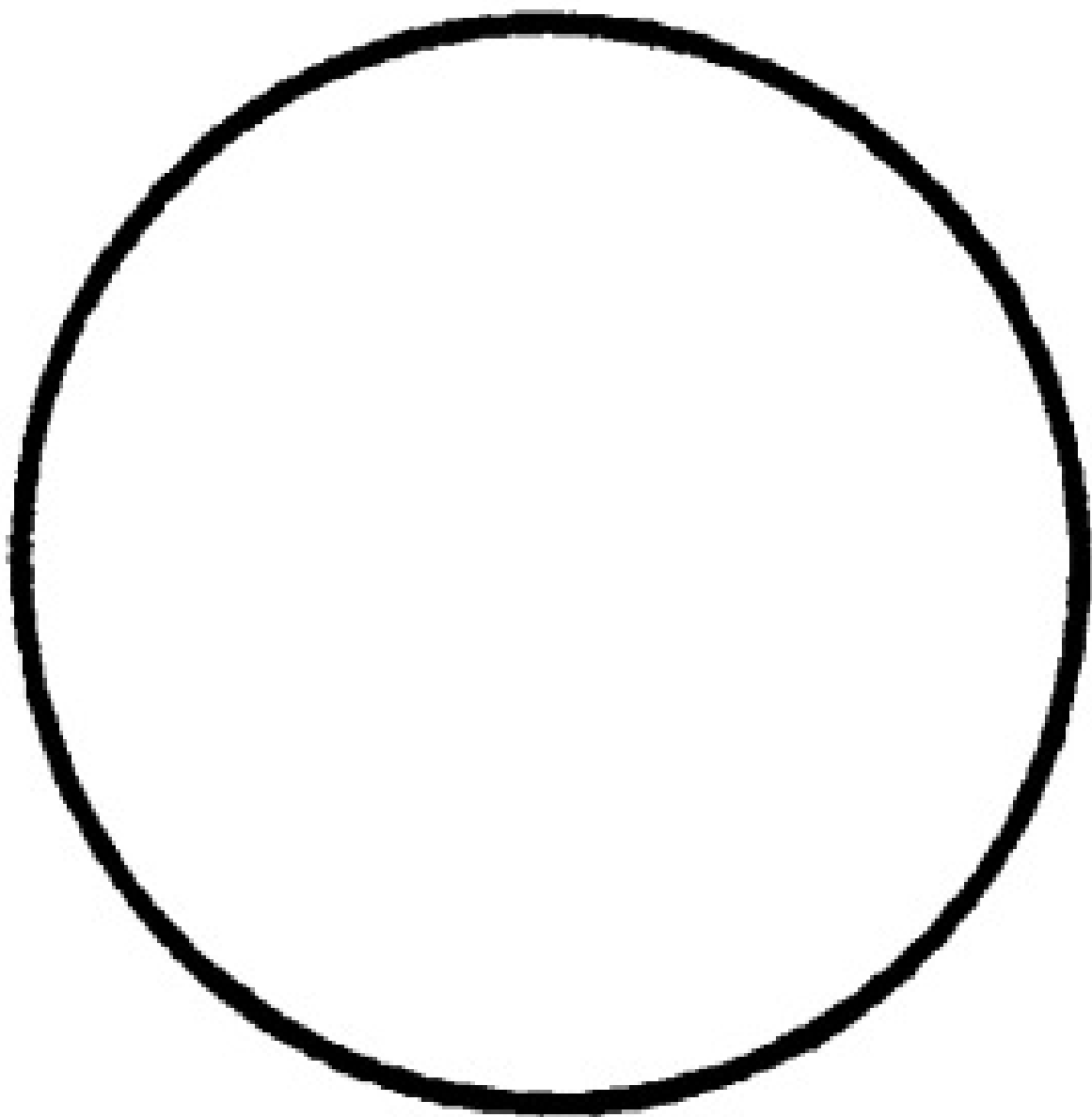
mà quên rằng sự phân chia thế giới thành những vật và sự kiện riêng lẻ là một quy ước. Bởi khi chỉ ra rằng những sự kiện nào đó liên hệ nhân quả với nhau, chúng ta chỉ xác nhận một cách vụng về rằng chúng là những chi tiết của cùng một sự kiện, như đầu và đuôi của một con mèo.

Điều quan trọng là cần hiểu thấu đáo quan điểm này: vật tự thân (*ding an sich* của Kant), dù là thú vật, cây cỏ, hay khoáng chất, không chỉ là không thể nhận biết, mà nó không tồn tại. Hiểu được điều này là rất quan trọng, không chỉ để đầu óc được thanh thản, lành mạnh mà còn vì những lý do “thiết thực” nhất của kinh tế học, chính trị học, và công nghệ. Những dự án thực tiễn của ta biết bao lần trở nên rối loạn do không thể thấy được con người cá thể, dân tộc, thú vật, sâu bọ, và cây cỏ tự thân không tồn tại hay không tồn tại đối với chính chúng. Vấn đề không chỉ ở chỗ sự vật tồn tại trong mối liên kết với nhau, mà còn ở chỗ những thứ được gọi là “sự vật” chỉ đơn giản là những đoạn nằm trong một quá trình. Khi xem xét quá trình này, ta luôn có thể nhận ra những nét khác biệt thu hút sự chú ý của mình. Tuy nhiên, cần ghi nhớ rằng khác biệt không có nghĩa là tách biệt độc lập. Dù đầu ngọn sóng có rõ ràng đẹp đẽ đến đâu thì nó cũng vẫn phải “đi liền” với đường cong êm đềm và mờ nhạt hơn của hõm sóng. Cũng vậy, những chấm sao sáng luôn “đi liền” (giả sử tôi có thể tạo ra một từ như vậy)^[39]. Với nền không gian tăm tối.

Trong lý thuyết Gestalt^[40] về nhận thức, nguyên tắc này được gọi là quan hệ hình/nền. Lý thuyết này khẳng định, nói vắn tắt, là không thể nhận biết một hình nếu không đặt hình đó trong tương quan với một nền. Chẳng hạn, nếu anh đến gần tôi tới mức đường nét cơ thể tôi nằm ngoài tầm nhìn của anh, “vật” mà anh thấy sẽ không còn là cơ thể tôi nữa. Sự chú ý của anh khi đó sẽ bị một cái nút áo khoác hay chiếc cà vạt “thu hút”, lý thuyết này cũng

khẳng định rằng, trên bất kỳ một nền cụ thể nào, sự chú ý của ta gần như tự động bị “lôi kéo” bởi bất kỳ hình thù chuyển động nào (trái với nền tĩnh) hay bởi bất kỳ chi tiết nào hoặc có đường viền hoặc tinh xảo (trái với nền không đường nét, đơn sơ hơn).

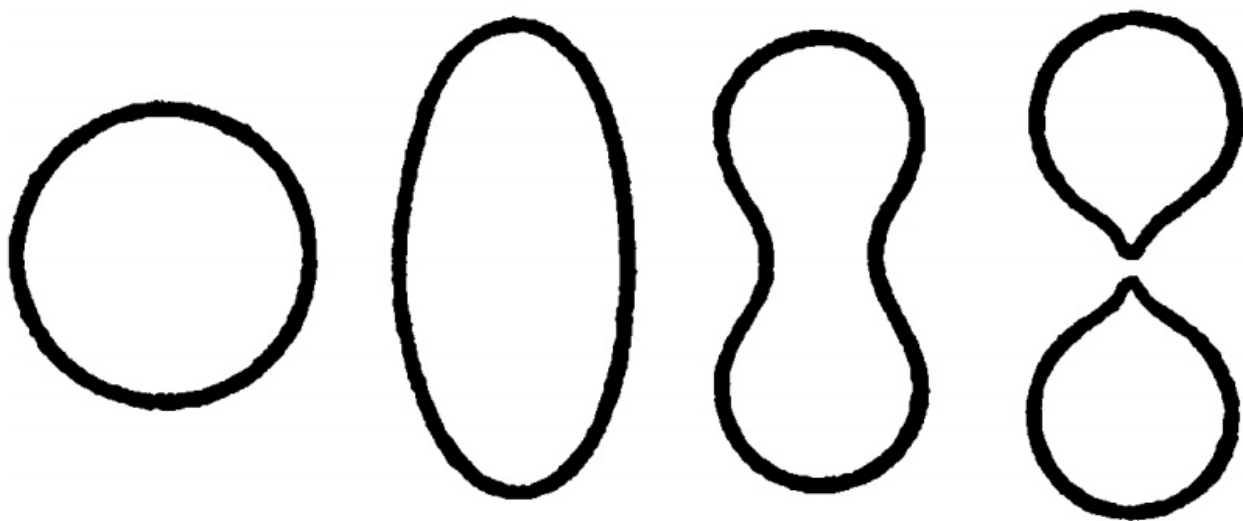
Do vậy mà khi tôi vẽ hình sau lên một bảng đen



rồi hỏi, “Tôi vừa vẽ cái gì đây?” thì nói chung ai cũng sẽ xác định nó là một vòng tròn, một trái bóng, một cái đĩa, hay một chiếc nhẫn. Hiếm hoi lắm mới

có người trả lời, “Một bức tường có một cái lỗ.”

Nói cách khác, ta không dễ dàng nhận thấy tất cả mọi chi tiết của thế giới đều có chung ranh giới với những vùng bao quanh chúng - rằng nét ngoài của hình vẽ chính là nét trong của nền. Ta hãy giả sử rằng cái hình vòng tròn/lỗ của tôi sẽ chuyển qua một loạt hình thù sau:



Hầu hết mọi người ngay sau đó sẽ gán chuyển động hay hành động cho vùng được bao quanh như thể nó là một con trùng biến hình. Nhưng cũng có thể tôi vừa vẽ những vệt khô trên một làn nước mỏng loang ra trên một mặt bàn bóng láng. Nhưng vấn đề là, trong mọi trường hợp, chuyển động của bất kỳ chi tiết nào trong thế giới cũng không thể được xem như chuyển động chỉ của cái bên trong hoặc chỉ của một mình cái nền. Chúng chuyển động cùng nhau.

Chúng ta gặp khó khăn hơn nếu nhìn cả sự hiện diện lẫn chuyển động của cái nền trên tất cả các bức tranh đơn giản này trong tình huống liên quan đến hành vi của các vật sống. Vì khi quan sát đàn kiến lằng xằng đây đó trên một nền đất phẳng, hay mọi người đi lại nhàn nhã trên quảng trường, ta thấy dường như chỉ có lũ kiến và người mới tạo ra chuyển động. Nhưng các ví dụ với kiến và người ở đây thực ra chỉ là một dạng đặc biệt phức tạp thuộc

trường hợp chuyển động đơn giản của ba trái bóng trong không gian, mà trước đó, khi xem xét các trái bóng, chúng ta đã đi đến kết luận là toàn thể cấu hình (Gestalt) cùng chuyển động - không chỉ riêng các trái bóng, không chỉ riêng không gian, thậm chí cũng không phải tổ hợp các trái bóng và không gian, mà đúng hơn là một trường các vật thể/không gian thống nhất, trong đó các trái bóng và các khoảng trống bao quanh chúng là các cực.

Ngộ nhận rằng các sinh vật hoàn toàn tự chuyển động rất có sức thuyết phục, chừng nào chúng ta còn chưa tìm cách mô tả hành vi của chúng một cách toàn diện, giống như các nhà khoa học. Và một nhà khoa học, dù là nhà sinh vật học, xã hội học, hay vật lý học, sẽ sớm nhận ra rằng ông ta không thể nói các sinh vật đang làm gì, nếu không đồng thời mô tả hành vi của môi trường xung quanh chúng. Rõ ràng, không thể mô tả một sinh vật đang bước đi chỉ ở cử động chân, vì phương hướng và tốc độ của chuyển động này phải được mô tả trên cái nền mà sinh vật di chuyển. Hơn nữa, sự di chuyển này hiếm khi ngẫu nhiên. Nó liên quan đến nguồn thực phẩm trong vùng, đến hành vi thân thiện hay thù địch của các sinh vật khác, và vô số các yếu tố khác nữa mà ta không thể xét đến ngay ở lần đầu để ý đến một con kiến lang thang. Ta mô tả hành vi con kiến càng chi tiết thì ta càng phải bao quát các vấn đề như mật độ, độ ẩm, và nhiệt độ của bầu không khí xung quanh, các loại và nguồn thức ăn của con kiến, cấu trúc xã hội của loài của nó, và của những loài lân cận mà nó có mối quan hệ cộng sinh hay săn mồi nào đó.

Khi cuối cùng cả cái danh sách dài thượt đã soạn xong, và nhà khoa học thốt lên “Xong!” vì không còn thời gian hay hứng thú nữa, rất có thể ông sẽ có cảm tưởng rằng hành vi của kiến chẳng qua chỉ là phản ứng tự động và không chủ ý đối với môi trường của nó. Nó bị cái này lôi kéo, cái kia cự tuyệt, được điều kiện này duy trì sự sống, bị một môi trường khác hủy diệt.

Nhưng ta hãy giả sử rằng ông sẽ quay sang chú ý đến một sinh vật khác là lán giềng của con kiến - có thể là một bà nội trợ nơi một căn bếp lem luốc dầu mỡ - ông sẽ phải sớm kết luận rằng con kiến, cùng tất cả bạn bè và mối quan hệ của nó, là một thứ gì đó định đoạt hành vi *của bà ta*! Ông ta quay sang chú ý vào đâu thì cũng sẽ không phát hiện thấy những vật thể cụ thể là nguyên nhân tạo nên tình trạng của các vật thể khác. Mà thay vào đó, ông ta trông thấy những cơ cấu rỗng có các đường viền chuyển động về hướng này hay hướng khác tùy thuộc vào các áp lực bên ngoài.

Thế nhưng, nếu suy nghĩ thêm một chút về công việc đang thực hiện, nhà khoa học sẽ đi đến kết luận rằng, những mô tả này khó có thể gọi là mô tả hành vi của con kiến. *Vì sao*, ông ta tự hỏi, hình dung về con kiến lại không thể tách khỏi hình dung về môi trường quanh nó? Điều đó có nghĩa là vật hay thực thể ông ta nghiên cứu và mô tả đã thay đổi. Ban đầu nó là một con kiến riêng lẻ, nhưng chẳng mấy chốc nó đã trở thành toàn thể trường hoạt động mà con kiến ấy thuộc về. Điều tương tự cũng sẽ xảy ra nếu ta bắt đầu mô tả một bộ phận của cơ thể: các chức năng của nó sẽ cực kỳ khó hiểu nếu ta không xem xét trong tương quan với các bộ phận khác. Do vậy, mọi môn khoa học nghiên cứu sinh vật - vi trùng học, thực vật học, động vật học, sinh vật học, nhân học – với góc nhìn đặc thù của mình đều phải tiếp cận phát triển môn khoa học gọi là sinh thái học, nói theo nghĩa đen là “logic hộ gia đình”, hoặc nghiên cứu các trường sinh vật/môi trường. Không may, xu hướng này đụng độ với chính trị học kinh viện, vì nó dẫn đến liên kết quá nhiều ngành khoa học tri thức khác nhau, và không vừa mắt các vị chăm chăm giữ ranh giới giữa các lĩnh vực. Nhưng tình trạng bỏ qua các phương diện sinh thái học là điểm yếu hết sức trầm trọng của công nghệ hiện đại, và điều này gắn liền với thái độ chúng ta miễn cưỡng không muốn coi

mình bình quyền cùng các thành viên còn lại trong cộng đồng toàn thể các loài sinh vật sống.

Con người khao khát *thống trị* thiên nhiên. Nhưng càng nghiên cứu sinh thái học, ta dường như càng cảm thấy phi lý khi nói một bộ phận nào đó của một sinh vật (hay của một trường sinh vật/môi trường), điều khiển những bộ phận khác. Một lần nọ, tay chân mồm miệng bảo nhau, “Bọn ta lo đủ hết mọi chuyện, chạy vạy nhặt nhạnh kiếm ăn rồi phải nhai cho kỹ, thế mà đồ lưỡi dạ dày kia chẳng phải làm gì. Đã đến lúc hăn cũng phải nhúc nhắc rồi, còn bọn ta sẽ cùng đình công nhé!” Thế là hàng ngày trời cả bọn không làm lụng gì cả, và chẳng mấy chốc chúng cảm thấy cứ mỗi lúc một yếu lả đi, cho đến cuối cùng, tất cả mới nhận ra rằng dạ dày chính là *của chúng*, và nếu muốn tiếp tục sống, chúng phải trở lại làm việc. Nhưng ngay cả trong các sách giáo khoa về sinh lý học, chúng ta cũng nói bộ não, hay hệ thần kinh, là cơ quan “điều khiển” tim hay bộ máy tiêu hóa. Cách tiếp cận này thể hiện khuynh hướng đưa những quan kiến chính trị hời hợt vào khoa học, cứ như thể tim thuộc về não chứ không phải não thuộc về tim hay dạ dày. Nhưng sẽ là đúng hơn nếu nói, não “tự dưỡng” nhờ dạ dày, còn dạ dày “nuôi dưỡng” cho mình tại lối vào phía trên của nó một bộ não để dễ dàng lấy thức ăn hơn.

Ngay khi con người tin rằng các sự vật riêng rẽ chỉ tồn tại trong tưởng tượng của mình, thì y sẽ thấy rõ rằng những sự vật không tồn tại thì không thể “thực hiện” hành động. Cái khó là phần lớn ngôn ngữ đều được xếp đặt sao cho hành động (động từ) phải được sự vật (danh từ) làm cho chuyển động, và ta quên rằng quy tắc ngữ pháp không nhất thiết phải là các quy tắc, hay khuôn mẫu của tự nhiên. Thứ chẳng qua chỉ là một quy ước ngữ pháp này, cũng là nguyên nhân của (hoặc, hay đúng hơn, “đi liền” với) những câu đố trái khoáy như tinh thần điều khiển vật chất ra sao, hay tâm trí làm cơ thể

cử động ra sao. Làm sao một danh từ, theo định nghĩa thì *không phải* là hành động, lại có thể đưa đến hành động?

Các khoa học gia sẽ đỡ lúng túng hơn nếu họ dùng thứ ngôn ngữ, theo khuôn mẫu của thổ dân Nootka châu Mỹ, gồm có động từ và trạng từ, không dùng danh từ và tính từ. Nếu như ta có thể gọi một cái house (nhà) là housing, một cái mat (chiếu) là matting, hay một couch (trường kỷ) là seating, sao ta không được nghĩ people (người) là “peopling”, brain (não) là “braining”, hay ant (kiến) là “anting”? Theo cách đó thì trong ngôn ngữ Nootka nhà thờ là “housing religiously”, cửa hiệu là “housing tradingly”, còn một tổ ấm là “housing homely”. Nhưng ta đã quen hỏi, “Ai hay cái gì ở trong nhà? Người nào? Kiến là cái gì vậy?” Nhưng chẳng phải hiển nhiên sao khi ta nói, “Ánh chớp lóe,” thì ánh lóe cũng chính là ánh chớp, và nói như thế này là đủ rồi: “Đã có ánh chớp”? Mọi sự vật được dán nhãn bằng một danh từ thì hiển nhiên đã là một quá trình hay là hành động rồi, nhưng ngôn ngữ chứa đựng đầy những thứ kỳ quặc, như trong câu “Trời đang mưa”, “trời” được coi là nguyên nhân của hành động.

Nói “Một người đang chạy” có thực giải thích được sự chạy hay không? Trái lại, giải thích duy nhất sẽ là một mô tả về phạm vi hay hoàn cảnh mà “một sự người đi liền với sự chạy” có tính chất khác với mô tả trong đó “một sự người đi liền với sự ngồi”. (Tôi không định giới thiệu hình thái ngôn ngữ động từ vựng về và sơ khai này để sử dụng chung và thông thường. Ta phải tạo ra cái gì đó tao nhã hơn nhiều). Hơn nữa sự chạy chẳng phải là cái gì đó khác mà chính là bản thân tôi, là tôi (sinh vật) *làm*. Vì sinh vật khi thì là một quá trình chạy, khi thì là một quá trình đứng, đôi khi là một quá trình ngủ, vân vân, và trong mọi trường hợp, “nguyên nhân” của hành vi chính là hoàn cảnh với tư cách là một chỉnh thể - chỉnh thể sinh vật/môi trường. Quả thực,

tốt hơn hết là hãy bỏ đi cái ý niệm nhân quả mà thay vào đó hãy dùng ý niệm tính tương đối.

Vẫn chưa thật chính xác khi nói rằng một sinh vật “đáp lại” hay “phản ứng” lại một hoàn cảnh cụ thể bằng cách chạy hay đứng, hay gì đi nữa. Đây vẫn còn là ngôn ngữ bi-a của Newton. Sẽ dễ dàng hơn khi nghĩ hoàn cảnh là những mô thức đang vận động, như chính sinh vật. Do vậy, trở lại với con mèo (hay catting), một hoàn cảnh có hai tai nhọn và ria ở một đầu, nhưng không có một cái đuôi ở đầu kia như sự đáp lại hay phản ứng lại ria, móng vuốt, hay bộ lông. Như người Trung Hoa nói, đó là nhiều chi tiết khác nhau trong một hoàn cảnh “tương sinh” hay bao hàm lẫn nhau như mặt sau bao hàm mặt trước, như gà bao hàm trứng - và ngược lại. Chúng tồn tại trong tương quan lẫn nhau như các cực của nam châm, chỉ là có mô thức phức tạp hơn thôi.

Hơn nữa, như mối tương quan trứng/gà cho thấy, không phải mọi khía cạnh của một hoàn cảnh tổng thể phải xuất hiện đồng thời. Sự hiện hữu của một người bao hàm cả cha mẹ, dù họ có thể đã chết từ lâu, còn sự ra đời của một sinh vật bao hàm cả cái chết của nó. Gọi sinh là nhân của diệt chẳng lẽ lại ngoa ngôn hơn gọi cái đầu con mèo là nhân của cái đuôi sao? Cầm cổ chai lên cũng bao hàm nhắc cả đáy chai, vì “hai bộ phận” xuất hiện cùng lúc. Nếu tôi cầm một đầu cây phong cầm lên, đầu kia sẽ theo sau đó một chút, nhưng nguyên tắc thì vẫn là một. Các hoàn cảnh tổng thể, do vậy, là các mô thức trong thời gian cũng như các mô thức trong không gian.

Và bây giờ chính là lúc để nói rằng tôi không cố đưa lậu vào “hoàn cảnh tổng thể” một cái lốt mới cho những “sự vật” cũ, để dùng nó mà cắt nghĩa những gì đang diễn ra trong thế giới. Hoàn cảnh tổng thể hay trường bao giờ cũng mở, vì

*Những trường nhỏ có những trường lớn
Bám chặt trên lưng,
Và những trường lớn có những trường lớn hơn
Và cứ thế đến vô cùng tận.*

Ta không bao giờ, không bao giờ có thể mô tả *mọi* chi tiết của hoàn cảnh tổng thể, không chỉ vì mỗi hoàn cảnh đều vô cùng phức tạp, mà còn vì hoàn cảnh *tổng thể* là vũ trụ. May thay, ta không cần phải mô tả rõ ràng hoàn cảnh nào, vì nó có một số đặc điểm xem ra nổi bật hơn các đặc điểm khác, mà qua đó ta có thể hiểu được hành vi của nhiều sinh vật khác nhau trong đó. Ta không bao giờ có được điều gì khác ngoài một phác thảo về hoàn cảnh, vậy nhưng điều này là đủ để thấy rằng hành động (hay quá trình) phải được hiểu, hay được giải thích theo hoàn cảnh, cũng như từ ngữ phải được hiểu trong ngữ cảnh của câu, đoạn, chương, sách, thư viện, và... chính cuộc sống.

Tóm lại: không có sự vật hay sinh vật nào tồn tại một mình, cũng vậy, nó không hành động một mình. Và lại, mỗi sinh vật là một quá trình, do vậy mà sinh vật không khác với hành động của nó. Nếu diễn đạt một cách vụng về thì nó là cái nó làm. Chính xác hơn, sinh vật, bao gồm cả hành vi của nó, là một quá trình chỉ có thể hiểu được trong tương quan với quá trình rộng hơn và dài hơn của môi trường của nó. Vì điều chúng ta muốn nói khi dùng từ “hiểu” hay “lĩnh hội” là thấy các bộ phận khớp thành một chỉnh thể ra sao, và rồi nhận ra là chúng không *tạo nên* chỉnh thể, như ta ráp một trò ghép hình, mà cái chỉnh thể là một hình mẫu, một đường lượn sóng phức hợp, không có các bộ phận tách biệt. Bộ phận là sự hư cấu của ngôn ngữ, của phép tính nhìn thế giới qua một tấm lưới khiến cho thế giới có vẻ như bị chia cắt thành nhiều mảnh. Bộ phận tồn tại chỉ nhằm mục đích hình dung và mô

tả, và khi ta hình dung ra thế giới, ta lại đâm ra hoang mang không biết mình có luôn luôn nhớ nổi tất cả các mảnh ấy hay không.

Một khi điều này sáng tỏ, tức là ta đã đập tan câu chuyện hoang đường về Vũ trụ Hoàn toàn Tự động, trong đó ý thức và trí tuệ con người là một cơ may giữa vô số cái phi lý. Vì nếu hành vi của một sinh vật chỉ có thể được nhận thức trong tương quan với môi trường của nó, thì có nghĩa là hành vi thông minh sẽ hàm ý một môi trường thông minh. Rõ ràng là, nếu “các bộ phận” không thực sự tồn tại, sẽ là vô nghĩa khi nói đến một bộ phận thông minh của một chỉnh thể không thông minh. Dễ thấy rằng một con người thông minh hàm ý một xã hội loài người thông minh, vì suy nghĩ là một hoạt động xã hội, là sự trao đổi qua lại các thông điệp và ý kiến dựa trên các thiết chế xã hội như ngôn ngữ, khoa học, thư viện, trường đại học, và viện bảo tàng. Nhưng còn môi trường phi con người trong đó xã hội loài người sinh sôi nảy nở thì sao?

Các nhà sinh thái học thường nói rằng “sự tiến hóa của môi trường” vượt lên cao hơn và ở bên trên sự tiến hóa của các sinh vật. Con người chỉ xuất hiện trên trái đất sau khi chính Trái đất, cùng với mọi hình thái sinh học của nó, đã tiến hóa đến một trình độ cân bằng và phức tạp nhất định. Ở thời điểm tiến hóa này, Trái đất “bao hàm” con người, cũng như sự tồn tại của loài người ngụ ý một hành tinh thuộc loại đó đang ở giai đoạn tiến hóa đó. Sự cân bằng của tự nhiên, “sự hài hòa của các xung đột hàm chứa” mà con người sinh sôi nảy nở trong đó là một mạng lưới các sinh thể phụ thuộc lẫn nhau với sự tinh tế và phức tạp lạ lùng nhất. Teilhard de Chardin^[41] đã gọi đó là “sinh quyển” - một cái màng gồm các sinh thể bao phủ “địa quyển” nguyên thủy - hành tinh khoáng chất. Thiếu hiểu biết về sự tiến hóa của hữu cơ từ “vô cơ”, cộng thêm những chuyện hoang đường lừa mị về sự sống bước

“vào” thế giới này từ đâu đó “bên ngoài”, đã làm ta khó thấy được rằng sinh quyển xuất hiện, hay đi liền, một trình độ tiến hóa địa chất và thiên văn nhất định. Nhưng, như Douglas E. Harding^[42] đã chỉ ra, ta thường nghĩ hành tinh này là một hòn đá phủ đầy sự sống, mà điều này cũng phi lý như nghĩ cơ thể người là một bộ xương phủ đầy tế bào. Chắc chắn mọi hình thái sống, bao gồm cả con người, phải được hiểu là các “triệu chứng” của Trái đất, Thái Dương hệ, và thiên hà - trong trường hợp đó, ta không thể thoát khỏi kết luận rằng thiên hà thông minh.

Nếu tôi thấy lần đầu một cái cây vào mùa đông, tôi có thể cho rằng nó không phải là cây ăn trái. Nhưng vào mùa hè, tôi trở lại thì thấy nó đơm đầy mận, tôi hẳn sẽ thốt lên, “Ôi, xin lỗi! Rốt cuộc thì mi là cây ăn trái.” Thế thì, ta cùng hình dung xem, một tỉ năm trước, một số loài từ một nơi khác trong thiên hà ngồi đĩa bay chu du một vòng khắp Hệ Mặt trời mà không tìm thấy sự sống nào. Họ bỏ qua vì “Chỉ là một đồng đá già cỗi thôi mà!” Nhưng nếu ngày nay họ quay lại, họ sẽ phải xin lỗi: “À, rốt cuộc thì các anh là đá người!” Dĩ nhiên, có thể anh sẽ cãi rằng giữa hai hoàn cảnh này không có sự tương đồng. Cây ăn trái đã từng là một cái hạt bên trong một quả mận, nhưng còn Trái đất - chứ chưa nói đến Thái Dương hệ hay thiên hà - không bao giờ là một hạt bên trong một con người. Nhưng, lạ thay, có thể anh đã sai.

Tôi đã cố giải thích rằng mối liên hệ giữa một sinh vật và môi trường của nó là *hỗ tương*, rằng không có cái nào trong hai cái là “nhân” hay yếu tố quyết định cho cái kia vì sự sắp xếp giữa chúng là phân cực. Vậy thì, nếu lý giải sinh vật và hành vi của nó theo góc độ môi trường là có lý, thì cũng sẽ có lý khi lý giải môi trường theo góc độ sinh vật. (Cho đến giờ tôi đã giấu điều này đi để không làm lẫn lộn khía cạnh ban đầu của toàn cảnh.) Vì quan điểm rằng con người - và mọi sinh thể khác - tạo nên môi trường của mình tự

thân cũng có ý nghĩa thực tế.

Toàn bộ tri thức của ta về thế giới, theo một nghĩa nào đó, là tự biết mình. Vì biết là biến các sự kiện bên ngoài thành các quá trình cơ thể, nhất là thành các trạng thái của hệ thần kinh và bộ não: ta biết thế giới *bằng* cơ thể, và tương ứng với cấu trúc của cơ thể. Những phẫu thuật chỉnh sửa hệ thần kinh, hay thậm chí chỉnh sửa các giác quan theo một cấu trúc khác với cấu trúc của chúng ta, sẽ đem lại cho chúng ta các kiểu tri giác khác nhau - cũng như kính hiển vi và kính viễn vọng làm thay đổi tầm nhìn của mắt thường. Chẳng hạn, ong và các loài côn trùng khác có mắt phân cực cho phép chúng phân biệt được vị trí của Mặt trời bằng cách quan sát bất kỳ khoảng trời xanh nào. Nói cách khác, vì mắt của chúng cấu trúc khác với mắt người, nên bầu trời mà chúng thấy không phải là bầu trời ta thấy. Dơi và bồ câu đưa thư có thiết bị cảm ứng tương tự như ra đa, và về mặt này chúng thấy “thực tại” rõ hơn con người mà không cần đến các công cụ đặc biệt của con người.

Từ điểm nhìn của mắt ta thì đầu ta có vẻ là một khoảng trống không thấy được, không tối cũng chẳng sáng, đứng ngay sau vật gần nhất mà ta thấy được. Nhưng thực ra toàn bộ tầm quan sát “trước mặt ngoài kia” là một cảm giác ở phía dưới sau đầu ta, nơi đặt các nhóm dây thần kinh thị giác của não. Cái ta thấy ngoài kia, tức thì, là cách bên trong đầu ta “nhìn” hay “cảm thấy”. Cũng vậy, mọi thứ ta nghe, sờ, nếm, ngửi là một kiểu dao động nào đó tương tác với não, và não sẽ biến dao động đó thành cái ta nhận biết là ánh sáng, màu sắc, âm thanh, độ cứng, sự thô ráp, vị mặn, mức độ nặng/nhẹ, hay vị cay. Nếu không có não, mọi dao động này giống như âm thanh một bàn tay vỗ, hay của dùi gõ trên cái trống không có mặt da. Nếu không có não của ta, hay một não nào đó, thế giới sẽ không có ánh sáng, nhiệt, trọng lượng, độ đặc, chuyển động, không gian, thời gian, hay bất kỳ đặc điểm nào khác có

thể hình dung được. Tất cả những hiện tượng này là những tương tác, hay tiếp xúc, của các dao động với một cách sắp xếp tế bào thần kinh nhất định. Do vậy, các dao động ánh sáng và nhiệt từ Mặt trời chưa hẳn trở thành ánh sáng hay nhiệt cho đến khi chúng tương tác với một sinh thể, cũng như không thể thấy được tia ánh sáng trong không gian trừ phi có những hạt trong khí quyển hay bụi phản chiếu nó. Nói cách khác, bất cứ điều gì xảy ra cũng “cần có hai”. Như chúng ta đã thấy, một trái bóng duy nhất trong không gian thì không có chuyển động, trong khi đó hai trái bóng sẽ cho khả năng chuyển động tuyến tính, ba trái bóng cho chuyển động trong một mặt phẳng, và bốn trái bóng chuyển động trong không gian ba chiều.

Cũng đúng như vậy khi kích hoạt một dòng điện. Không có dòng nào “chảy” qua một sợi dây chùng nào cực dương chưa được nối với cực âm, hay, nói một cách rất đơn giản, sẽ không có dòng điện nào sinh ra trừ phi là nó có một điểm đến, và một sinh thể là một “điểm đến” mà không có nó thì sẽ không bao giờ có thể có “các dòng” hay hiện tượng ánh sáng, nhiệt, trọng lượng, độ cứng, vân vân. Ta gần như có thể nói rằng phép thuật của não là hô hiện ra những điều kỳ diệu này từ trong vũ trụ, như một nghệ sĩ chơi đàn hoặc gảy lên giai điệu từ những tơ đàn cầm nín.

Một ví dụ còn thuyết phục hơn nữa về sự tồn tại như một mối tương quan là sự hình thành cầu vồng^[43]. Vì cầu vồng chỉ xuất hiện khi có một mối quan hệ tam giác nhất định giữa ba thành tố: mặt trời, độ ẩm trong không khí và một người quan sát. Nếu cả ba thành tố này có mặt, và nếu mối quan hệ góc giữa cả ba là chính xác thì khi ấy, và chỉ khi ấy mới có hiện tượng “cầu vồng”. Dù có mờ nhạt đi nữa thì cầu vồng cũng không phải là một ảo giác chủ quan. Nó có thể được kiểm chứng bởi bất cứ người quan sát nào, dù mỗi người sẽ thấy nó ở một vị trí có hơi khác nhau. Hồi còn bé, có lần tôi đã đập

xe đuổi theo tận cùng cầu vồng và ngạc nhiên thấy nó cứ lùi đi. Điều đó giống như khi ta cố hút ánh trăng trên mặt nước. Hồi ấy tôi không hiểu rằng sẽ chẳng có cầu vồng nào xuất hiện trừ phi Mặt trời, tôi, và trung tâm “vô hình” của cầu vồng nằm trên cùng một đường thẳng, nên tôi đã thay đổi vị trí biểu kiến của cầu vồng khi tôi di chuyển.

Thế thì, vấn đề là cần có một người quan sát ở đúng vị trí cầu vồng mới hiện ra, cũng như hai thành tố kia, mặt trời và độ ẩm. Dĩ nhiên, ta có thể nói rằng *nếu* mặt trời và một lượng độ ẩm nằm trong mối tương quan cần có, giả dụ, trên biển, thì bất kỳ người quan sát nào trên một con tàu dong buồm đứng thành hàng với chúng cũng sẽ thấy cầu vồng. Nhưng ta cũng có thể nói rằng nếu một người quan sát và mặt trời xếp thành hàng đúng cách thì sẽ có một cầu vồng *nếu* có độ ẩm trong không khí!

Dù thế nào, nhóm điều kiện thứ nhất dường như cản trở chúng ta cho rằng cầu vồng là có thực thậm chí khi không có người quan sát. Nhưng nhóm điều kiện thứ hai, bằng cách loại trừ một “thực tại bên ngoài” chắc chắn, đúng đắn, dường như lại chứng tỏ một sự thật hiển nhiên rằng trong trường hợp đó, sẽ không có cầu vồng nào cả. Lý do của sự khác biệt trong các phán đoán này rõ ràng: thần thoại khoa học hiện đại của chúng ta muốn khẳng định mọi sự vật đều tồn tại tự thân, một cách “khách quan”, dù có người quan sát hay không. Nó làm con người càng hoang tưởng rằng họ thực sự không dính với thế giới, rằng họ không có ảnh hưởng thực sự nào đối với thế giới cả, và rằng họ có thể quan sát thực tại một cách độc lập, không làm nó biến đổi bởi sự hiện diện của mình. Như vậy, câu chuyện hoang đường về thế giới vật chất hiện thực và có thể cảm nhận được vẫn tồn tại đâu đó, không phụ thuộc vào chúng ta, và song hành với một thần thoại khác, nói rằng mỗi người quan sát là một *ngã* riêng biệt, “đương đầu” với một thực tại

khác y hoàn toàn.

Có lẽ ta có thể chấp nhận lập luận này mà không phản đối gì mấy khi nó liên quan đến những thứ như cầu vồng và các phản ánh, hoặc các hiện tượng khác chưa bao giờ được coi là thực tại theo nghĩa đầy đủ của ngôn từ. Nhưng sẽ ra sao, nếu chúng ta bỗng chợt nhận ra rằng mình cũng ở đúng trong hoàn cảnh như thế, khi ta nhìn đá, núi, và các vì sao? Mà tình huống này hoàn toàn tự nhiên. Chúng ta không phải viện đến những thứ bí hiểm như tâm trí, linh hồn, hay tinh thần. Ta chỉ đơn giản là đã bàn luận về mối tương tác giữa các dao động vật chất và bộ não với các giác quan khác nhau của nó. Trong khi xem xét, chúng ta đã kết luận rằng các sinh vật có não là phần *không tách rời* của mô hình bao gồm cả hành tinh của chúng ta và các vì sao, và nếu không có phần không thể thiếu này (hay cực của dòng điện) thì toàn thể vũ trụ sẽ không hiển lộ, như cầu vồng không có những giọt nước li ti trên bầu trời, hay không có người quan sát. Ta cưỡng lại lập luận này là do tâm lý. Lập luận này khiến ta cảm thấy bất an vì nó đảo lộn hình ảnh ta quen thuộc về thế giới, trong đó đá, trên tất cả, là biểu tượng về thực tại vững chãi, không thể lay chuyển, và Đá Vĩnh cửu là ẩn dụ cho chính Thượng đế. Trong những thần thoại thế kỷ 19, con người bị giáng cấp thành một cái mầm nhỏ bé hết sức tầm thường trong một vũ trụ bao la và vĩnh cửu. Đúng là một cú sốc quá lớn, một thay đổi quá đột ngột khi ta nhận ra rằng chính cái mầm nhỏ nhoi có bộ não kỳ diệu ấy lại làm hiển hiện toàn thể vạn vật, kể cả những tinh vân cách xa hàng triệu triệu năm ánh sáng.

Điều này liệu có buộc ta phải đi đến một kết luận rất đáng ngờ rằng trước khi sinh thể đầu tiên có não ra đời thì *chưa* có vũ trụ - rằng các hiện tượng hữu cơ và vô cơ ra đời vào cùng một thời điểm? Có thể nào toàn bộ lịch sử địa chất và thiên văn chỉ là một phép ngoại suy thông thường - là những câu

chuyện về thứ đã *có thể* xảy ra *nếu* nó được quan sát? Có lẽ. Nhưng tôi mạo muội thêm vào một ý kiến thận trọng hơn. Quan điểm cho rằng mỗi sinh vật làm hiển lộ môi trường của chính nó cần được trung hòa với đối cực hay quan điểm đối lập là môi trường tổng thể làm hiển lộ sinh vật. Hơn nữa, môi trường (hay hoàn cảnh) tổng thể vừa là không gian vừa là thời gian - vừa rộng lớn hơn vừa lâu dài hơn sinh vật nằm trong tầm ảnh hưởng của nó. Sinh vật hiển lộ tri thức về quá khứ trước khi nó ra đời, và về một tương lai xa sau khi nó chết đi. Ở cực kia, vũ trụ đã chẳng thể hình thành, hay hiển hiện, trừ phi vào một lúc nào đó, nó bao gồm cả sinh vật - cũng như dòng điện chỉ bắt đầu đi từ cực dương của dây điện khi đã chắc chắn có cực âm. Nguyên tắc vẫn vậy, dù đó là vũ trụ phải mất hàng tỉ năm để tự phân cực trong sinh vật, hay dòng điện cần một giây để đi qua một sợi dây điện dài 186.000 dặm.

Tôi nhắc lại rằng khó khăn khi hiểu sự phân cực sinh vật/môi trường là vấn đề tâm lý. Không hiểu chuyện hoang đường đó đã đến với chúng ta từ đâu và khi nào, nhưng rõ ràng, đã mấy nghìn năm chúng ta đã bị nô dịch trong sự khiêm nhường giả tạo - một mặt, tự hạ mình chỉ còn là “sinh vật” bước vào thế giới này do ý thích nhất thời của Thượng đế hay cơ may từ những lực lượng mù quáng, nhưng mặt khác, chúng ta tự coi mình là những bản ngã cá nhân riêng biệt giành quyền kiểm soát thế giới vật chất. Ta đã không thật tâm khiêm tốn thừa nhận mình ta là thành viên trong sinh quyển, “sự hài hòa của những mâu thuẫn ẩn chứa”, nơi ta không thể tồn tại mà không có sự chung sức của cây cỏ, sâu bọ, cá, gia súc, và vi trùng. Cũng giống vậy, ta đã không có sự tự trọng đúng mực khi nhận rằng, tôi, sinh vật cá thể, là một cấu trúc tài năng phi thường đến mức hô gọi toàn thể vũ trụ ra đời. Bằng hành động đứng ngoài mọi sự để mô tả và kiểm soát, ta đã tách mình khỏi cả thế giới xung quanh lẫn chính thân thể ta - để mặc “tôi” trở

thành một con ma *bất mãn* bơ vơ, khắc khoải, tội lỗi, không họ hàng thân thích, và cô độc.

Với các phát minh và thành tựu của mình, chúng ta đã đi đến hình dung về thế giới như vậy và tạo nên một thứ “tư tưởng lành mạnh” giống như lon bia cạn khô han gỉ lỉn lóc trên bãi biển. Đó là một thế giới các *vật thể*, tất cả đều quen thuộc với ta, như chiếc bàn formica gắn chân bằng crôm vậy. Ta thấy thế giới này rất nhiều hứa hẹn - chỉ khó chịu vì nó không đứng yên một chỗ bao giờ. Và do vậy mà ta phải thường xuyên bảo vệ nó, dù làm vậy ta có mạo hiểm biến cả hành tinh thành một tinh cầu phẳng lì hoang vu. Vì sự sống, suy cho cùng, là một biến cố ngẫu nhiên hỗn độn và dính nhớp trong vũ trụ địa chất của chúng ta. “Nếu đứa con hỏi xin cha nó bánh mì, ông ta có đưa nó một hòn đá không?” Câu trả lời có thể là, “Có.”

Thế nhưng tất cả những điều này không mâu thuẫn với các quan niệm khoa học hiện đại đã vượt quá xa ngoài giới hạn các nguyên tắc trò bi-a của Newton và thần thoại về Vũ trụ Hoàn toàn Tự động, một vũ trụ cơ giới chỉ toàn các vật thể. Khoa học thực sự khởi đầu từ những tưởng tượng hoang đường này, nhưng theo nguyên tắc của William Blake^[44] “Kẻ ngu *kiên định* giữ cái ngu của mình lại thành khôn,” nhà khoa học cố chấp lại là kẻ đầu tiên nhận ra sự lỗi thời của các mô hình thế giới cũ. Hãy mở một cuốn giáo khoa tốt, đúng tiêu chuẩn về thuyết lượng tử:

... thế giới không thể được phân tích chính xác thành những phần tách biệt; thay vì vậy, nó phải được xem là một tổng thể không thể phân chia, trong đó các phần riêng biệt có vẻ là những xấp xỉ hợp lệ chỉ trong giới hạn cổ điển [tức là giới hạn Newton]... Do vậy, ở mức chính xác lượng tử, một vật thể không có đặc tính “cố hữu” nào (chẳng hạn, sóng hay hạt) của riêng nó; thay vì vậy, nó chia sẻ một cách hỗ tương và bất

khả phân mọi đặc tính của nó với các hệ thống mà nó tương tác. Hơn nữa, vì một vật thể cụ thể, ví dụ một electron, tương tác ở các thời điểm khác nhau với các hệ thống khác nhau thì bộc lộ các khả năng tiềm tàng khác nhau, nó trải qua... sự biến đổi liên tục giữa các dạng khác nhau (ví dụ, dạng sóng hay hạt) mà nó có thể tự hiển lộ.

Mặc dù tính biến dạng và phụ thuộc hình thái vào hoàn cảnh như thế chưa được phát hiện trước khi ra đời thuyết lượng tử, tất cả các hiện tượng này đều có thể bắt gặp trong vật lý hạt cơ bản... cũng như trong các lĩnh vực nghiên cứu khoa học, chẳng hạn trong ngành sinh học, nghiên cứu các hệ thống phức hợp. Chúng ta đều biết, trong các điều kiện cụ thể, vi trùng có thể phát triển sang trạng thái bào tử, vốn khác hẳn với nó về cấu trúc, và ngược lại^[45].

Và đây, nhà lý sinh học lỗi lạc Erwin Schrödinger bổ sung một khía cạnh khác của bức tranh:

Không thể có chuyện cái tập hợp tri thức, cảm nhận và lựa chọn mà ta gọi là *của riêng mình* lại hình thành từ hư vô ở một thời điểm cụ thể nào đó chưa lâu; thật ra, cái tri thức, cảm nhận và lựa chọn này về cơ bản là vĩnh cửu, bất biến, và về số lượng là *một* ở tất cả mọi người, hay nói đúng hơn, ở mọi loài có cảm giác. Nhưng không phải theo nghĩa - rằng *ta* là một phần, một mảnh, của một cái hiện hữu trường tồn, vô hạn, là một khía cạnh hay biến thể của nó, như trong phiếm thần luận của Spinoza^[46]. Vì trong trường hợp đó, sẽ nảy sinh câu hỏi đánh đố: vậy *ta* là phần nào, khía cạnh nào? Cái gì phân biệt, một cách khách quan, phần này, khía cạnh này với phần khác, khía cạnh khác? Không, dù điều này có vẻ kỳ quặc với lý lẽ thông thường, nhưng *ta* - và mọi loài

có ý thức khác - đều là *một*. Vì thế, cuộc đời ta đang sống không chỉ là một phần của toàn bộ tồn tại, mà theo một nghĩa nào đó chính là cái *toàn thể*; chỉ có điều cái toàn thể này không được cấu thành để có thể quan sát chỉ bằng một thoáng nhìn^[47].

Vũ trụ bao hàm sinh vật, và mỗi sinh vật đơn lẻ bao hàm vũ trụ - nhưng “cái thoáng nhìn” kiểu rọi đèn của ta, sự chú ý hạn hẹp, qua nhiều lần “luyện tập” đã nhầm lẫn những cái nó thấy thoáng qua thành các “sự vật” riêng biệt, nên tâm thức của chúng ta cần phải mở rộng tầm nhìn đến mức bao quát, như gợi ý tiếp sau của Schrödinger:

Bây giờ, ta có thể nằm xuống, áp chặt vào Mẹ Trái đất, định ninh rằng ta là một với bà và bà là một với ta. Ta vững chắc và an toàn như bà, mà thực ra là vững chãi và an toàn hơn ngàn lần. Ngày mai, nếu chắc chắn bà có thể nuốt chúng ta thì hẳn bà cũng sẽ lại lần nữa sinh ta ra, đem tới cho ta một hành trình nỗ lực và đau khổ mới. Và không chỉ “mai kia”: bây giờ, hôm nay, mỗi ngày bà đang sinh ra ta, không phải *một lần* mà ngàn lần này qua ngàn lần khác, cũng như mỗi ngày bà nuốt chúng ta cả ngàn lần. Vì mãi mãi và luôn luôn chỉ có *lúc này*, đúng lúc này; hiện tại là thứ duy nhất không có tận cùng^[48].

NĂM VÀ BÂY GIỜ THÌ SAO?

Nếu có ai đó nói về một nhân quan mới, thì thường anh ta sẽ được hỏi ngay về lợi ích mà nó có thể mang tới. Nếu ngẫm nghĩ về điều này, ta sẽ thấy có vẻ kỳ lạ. Tuy nhiên, chính là điều đó vẫn đang xảy ra, bất cứ khi nào ta trò chuyện với những người được giáo dưỡng theo tinh thần Tin Lành. Người theo Thiên Chúa giáo, Ấn Độ giáo, Phật giáo, đạo Hồi, đạo Lão hiểu từ trong tiềm thức, rằng nhân quan, hay sự chiêm ngưỡng, tự thân có mục đích, chính là phúc lành tối thượng, như người Thiên Chúa giáo được mặc khải Thiên đường, là nơi mọi linh hồn vĩnh viễn đắm chìm trong sự toàn giác và lòng nhân từ của Thượng đế. Nhưng khả năng này khiến người theo Tin Lành bất ổn, và một trong những lời cầu nguyện chính thức của họ là xin cho những kẻ trên Thiên đường được hưởng ân phúc “tăng tiến không ngừng trong tình yêu thương và sự phù trợ của Người” vì, suy cho cùng, ta không thể dừng Tiến hóa. Hiển nhiên, sự hoàn thiện cần phải được tiếp diễn cả ở chốn Thiên đường.

Tôi cho rằng lý do khiến Tin Lành hiện đại nói riêng, với những hình thức tiến bộ và phóng khoáng của nó, là tôn giáo chịu ảnh hưởng nhiều nhất của hệ thống thần thoại quan niệm thế giới gồm các vật thể, và con người là bản ngã riêng biệt. Con người được định nghĩa và được cảm nhận như vậy, dĩ nhiên không được vui thỏa và mãn nguyện, nói chi đến có khả năng sáng tạo. Bị lừa phỉnh tin vào ảo tưởng mình là nguyên nhân của hành động, độc

lập với hành động, ta không thể hiểu tại sao ta không bao giờ được làm cái ta *nen* làm, vì một xã hội đã coi ta là tách biệt thì không thể thuyết phục ta hành xử như thế ta là thành viên thực sự. Do vậy, ta thường xuyên cảm thấy có lỗi và phải nỗ lực phi thường để tự vỗ về lương tâm.

Những nỗ lực này sinh ra các hoạt động phục vụ xã hội, bệnh viện, phong trào hòa bình, các chương trình viện trợ nước ngoài, giáo dục miễn phí, và toàn bộ triết lý về nhà nước phúc lợi. Thế nhưng, ta vẫn bị giày vò khổ sở bởi thực tế là những sự nghiệp quả cảm và đáng khâm phục này càng thành công thì lại càng gây nên những rắc rối mới mỗi lúc một khủng khiếp hơn. Trước hết, trong chúng ta liệu có mấy ai từng nghĩ thấu đáo xem những sự nghiệp như thế cuối cùng để đạt được cái gì. Khi ta đã cho kẻ đói thức ăn, cho kẻ lả lơ áo mặc, và cho kẻ vô gia cư chỗ ở rồi, thì sao nữa? Những vật dụng đó liệu có tạo điều kiện cho những người bất hạnh giúp đỡ những kẻ còn bất hạnh hơn họ không? Biến người Ấn và người châu Phi thành một *tầng lớp tư sản* đông đảo, ở đó mỗi người Bengal và mỗi người Zulu đều có đặc quyền tham gia vào cuộc đấu tranh sinh tồn đặc biệt của chúng ta, mua đồ gia dụng đúng lúc, mua ti vi để còn tiếp tục chạy đua?

Vài năm trước, một người bạn tôi khi đi qua những đồn điền chè gần Darjeeling đã nhận thấy, ở một số cánh đồng, chè héo quắt. Khi hỏi tại sao, anh được giải thích là người chủ cảm thấy rất ái ngại cho người trồng chè cùng khổ đến độ ông ta trả công cho họ gấp đôi. Nhưng kết quả là họ chỉ đi làm phân nửa thời gian, và thật là tai họa vào mùa cao điểm khi cây chè phải được chăm sóc mỗi ngày. Bạn tôi nêu vấn đề này ra với một người cộng sản Ấn. Giải pháp của ông ta là trả họ gấp đôi và buộc họ làm việc. Anh bạn tôi lại nêu vấn đề với một doanh nhân Mỹ. Giải pháp của ông ta là trả lương cho họ gấp đôi - và cho họ radio ở nhà! Hình như chẳng ai hiểu rằng mấy người

lao động đó quý thời gian để cà kê hơn là tiền.

Các nhà hoạt động xã hội kiểu ép buộc khó mà hiểu rằng không thể giải quyết các vấn đề kinh tế và xã hội lớn của thế giới chỉ bằng nỗ lực và các chiến lược mới độc đáo. Người ngoài cuộc không thể cứ xộc vào như ông già Noel và đem lại trật tự ở khắp mọi nơi - đặc biệt là kiểu người ngoài cuộc đến từ nền văn hóa của chúng ta, luôn thể hiện là kẻ can thiệp vào việc của người khác vì không cảm thấy mình là thống nhất với thế giới. Y thực sự không tự biết mình thiếu gì, nên người ta cứ kỳ vọng sẽ có vô số điều kiện nữa đến tiếp theo món quà y tặng. Nếu biết mình muốn gì, ta sẽ bằng lòng khi nhận được. Những người khác nhìn thấy điều này và biết rằng ta là kẻ đáng tin cậy. Nhưng nếu không biết mình muốn gì, ham muốn của ta sẽ không có giới hạn và không ai có thể nói phải hợp tác thế nào với ta. Một kẻ không có khả năng hài lòng với những điều đã đạt được, thì chẳng ai có thể làm y thỏa mãn. Tôi không nói rằng các tập đoàn Mỹ và châu Âu đang được điều hành bởi những kẻ bất lương tham lam sống hưởng lạc bằng mồ hôi nước mắt kẻ khác. Vấn đề trở nên rõ ràng chỉ khi ta đau buồn mà nhận ra, rằng nhiều người giàu có và quyền lực nhất trong chúng ta lại là những nạn nhân bất hạnh của sự lừa dối. Bởi vì họ buộc phải thường xuyên làm một công việc hết sức buồn tẻ - và rất hiếm có ngoại lệ - họ không có hình dung mảy may nào về cách tiêu những đồng tiền của mình như thế nào để được hạnh phúc mãi mãi nguyên vẹn.

Nếu ta là kẻ ngoại đạo,

Ta sẽ ngợi ca nho tím,

Nô lệ của ta sẽ vun xới vườn nho,

Và cất rượu, còn ta sẽ nâng ly;

*Nhưng Higgins là kẻ ngoại đạo,
Mà nô lệ của y xanh xao gầy còm,
Nên y chỉ uống sữa nóng
Mỗi ngày đúng hai lần.^[49]*

Có một sự thật đáng ngại là chúng ta đang dành rất nhiều nỗ lực để đấu tranh cho dân quyền, duy trì hòa bình thế giới, quản lý dân số, bảo tồn các nguồn tài nguyên thiên nhiên, và cứu trợ những kẻ chết đói trên Trái đất - đều là những vấn đề cấp bách - nhưng chúng không mang lại lợi ích, mà sẽ gây hại, nếu được thực hiện như chúng ta đang làm. Vì, như thực tế cho thấy, trong tình trạng hiện nay, chúng ta không có gì để cho những người khác. Nếu chúng ta không tự viên mãn được với lối sống và sự giàu có của chính mình, thì mong gì những thứ đó sẽ đem lại niềm vui cho ai đó khác? Tất nhiên, lúc ban đầu chúng sẽ gieo hy vọng và tiếp thêm sinh lực cho họ, cũng như người bệnh trầm cảm được truyền methedrine^[50] - thứ dược chất gây hưng phấn nhất thời. Nhưng sự yên bình chỉ có thể được tạo nên trong tương tác với những người bình yên, và chỉ những ai đang yêu mới có thể hành động với tình yêu. Không có việc thiện nào được khởi đầu ở nơi con người day dứt vì tội lỗi, sợ hãi và trống rỗng trong trái tim, cũng như chẳng có dự tính vững chắc nào cho tương lai có thể được dự liệu bởi kẻ không biết sống trong hiện tại.

Con người tách biệt không được toại nguyện, theo cả hai nghĩa của từ này^[51]. Y sống triền miên bằng hy vọng, bằng nỗi trông chờ tới ngày mai, vì đã được nuôi dạy kiểu này từ tấm bé, khi mà cơn giận mù quáng trước cái thế tiến thoái lưỡng nan của y được làm nguôi ngoai bằng đồ chơi. Nếu muốn tìm thấy một tôn giáo dân gian đích thực trong văn hóa của chúng ta

thì hãy nhìn các nghi thức kỷ niệm lễ Giáng sinh của chúng ta. Từ khi mùa Vọng chưa bắt đầu, là giai đoạn ăn chay ba đến bốn tuần để chuẩn bị cho ngày lễ, đường sá đã được trang hoàng cho dịp lễ Giáng sinh, các cửa tiệm lóng lánh kim tuyến và quà cáp bày biện vui mắt, còn các hệ thống truyền thanh thì lúi lo những bài thánh ca rè rè làm ta ngán *Venite adoremus*^[52] muốn chết từ lâu trước ngày Giáng sinh. Cây thông đã được trang trí lòe loẹt và thấp sáng ở hầu hết mọi nhà, và khi sắp đến gần ngày lễ chính thì vây quanh nó là những gói quà bóng loáng kết ruy băng óng ánh cứ như thể quà tặng dành cho ông hoàng bà chúa. Đến thời điểm này, tiệc Giáng sinh đã được tổ chức trong các trường học và văn phòng trước khi đóng cửa nghỉ lễ thực sự. Cho nên sự huy hoàng mong đợi đã lâu của đêm tiệc Giáng sinh dường như đã không còn thực sự tương xứng nữa. Nhưng dưới gốc cây thông hãy còn những gói quà, và bên lò sưởi là những chiếc bút tất.

Cuối cùng, khi ngày trọng đại nhất đến, bọn trẻ con rối rít cả lên. Khó lòng mà chờ đến bữa điểm tâm, và sau cả đêm gần như không ngủ, bọn trẻ xé toang những gói quà lóng lánh như thể bên trong đó là thuốc trường sinh hay đá tạo vàng. Đến buổi trưa, phòng khách trông chẳng khác nào một cửa hàng bán đồ rẻ tiền bị chiếc xe tải chở giấy lộn đâm sầm vào, tan hoang với một đồng hộp, vỏ bào, giấy gói quà, ruy băng rúm ró; nơ, búp bê nằm sấp, mô hình đường ray xe lửa ráp nửa chừng, bộ quần áo vũ trụ, bom nguyên tử nhựa, rồi những thanh sô cô la vương vãi; hàng trăm mẫu đồ chơi lắp ráp, đồ trang trí cây thông vỡ vụn, xe thể thao thu nhỏ, súng nước, những chai whisky và bóng bay. Không mấy chốc, lũ trẻ đã hoặc là hét hoặc khóc lóc, và bị xua ra ngoài, còn đồng bữa bọn được dồn lại để có chỗ dọn bữa ăn nửa đêm. Tiếp đó là mười hai ngày của dịp lễ Giáng sinh trôi qua kèm chứng rối loạn tiêu hóa, cảm lạnh, cúm, và đến đêm giao thừa thì người lớn say mềm

và quên sạch mọi chuyện.

Phải, miêu tả mọi chuyện này thật vui, mỗi tội những chờ mong háo hức là không đáng. Cô gái lộng lẫy nhưng chàng trai bất lực. Nhưng vì niềm hy vọng phải được nuôi dưỡng bằng thứ gì đó, những mong đợi lại được nhen nhóm trong trái tim ta, và chúng ta lại nâng niu trong giấc mơ của mình một món quà quý giá tuyệt diệu nào đó chờ ta trong tương lai. Nó có thể là cái gì? Trẻ con biết câu trả lời cho câu hỏi này, chừng nào còn chưa mắc kẹt vào cuộc chiến vì sinh tồn. Một trong những món quà Giáng sinh tuyệt vời nhất tôi từng nhận được là một chiếc nhẫn rẻ tiền có viên kim cương thủy tinh. Tôi có nó một cách tình cờ - nó lấp ló trong một con cá chỉ vàng (hoặc một chiếc bánh quy giòn) trong bữa tiệc. Tôi nhớ mình đã ngồi trước lò sưởi cùng thứ hút hồn này, tôi xoay nó để bắt các màu khác nhau của ánh sáng rực lên trong viên kim cương. Tôi biết mình đã tìm thấy Chiếc nhẫn Solomon mà vị vua này đã dùng để triệu các yêu ma, ác quỷ có đôi cánh đồng thau - tôi chẳng muốn lũ ấy làm gì cho tôi cả, vì được đắm chìm trong bầu không khí đó, được ngắm nhìn những loài có phép thần thông này hiện ra trong ngọn lửa lò sưởi, và cảm thấy mình đang kết nối với cõi Thiên đường phi thời gian đã là rất tuyệt.

Giờ đây, vì triệu chứng của kiểu minh mẫn lon-bia-gỉ mà nền văn hóa của chúng ta tạo ra rất ít vật thần kỳ. Đồ trang sức trơn bóng và nhạt nhẽo. Kiến trúc hiện đại gần như mất hẳn tính phong phú, na ná những hộp kính dựng đứng. Sách trẻ em do các quý bà nghiêm trang viết ra chỉ có dăm ba cái tên, không còn tưởng tượng, còn về truyện tranh, bạn đã bao giờ xem đồ nội thất trong nhà Dagwood^[53] chưa? Những nghi lễ đầy ắp màu sắc huyền bí của Giáo hội Công giáo La Mã thì hoặc là được lặp lặp càng nhanh càng tốt, hoặc được giải thích với sự giúp sức của một người thuyết minh. Chất kịch

hay nghi thức trong hành vi hằng ngày được xem là điệu bộ màu mè và khiếm nhã, còn các cung cách cư xử thì bị đánh đồng với thói kiểu cách - nếu chúng có tồn tại. Những thứ mà chúng ta sản xuất ra chẳng có gì sánh được với những tấm thảm Á Đông tuyệt vời, kính, gạch lát và sách có tranh minh họa kiểu Ba Tư, đồ da Ả Rập, đồ ngà Tây Ban Nha, đồ dệt Ấn Độ, gốm sứ và đồ thêu Trung Hoa, đồ sơn mài và gốm thêu Nhật Bản, thảm trang trí Pháp, hay đồ kim hoàn của người Inca. (Tuy vậy, cũng có vài thiết bị điện tử nhỏ nhỏ tình cờ gần được như những đồ kim hoàn tinh xảo.)

Lý do của tình trạng này không chỉ là ta quá vội vã nên không cảm nhận được hiện tại; không chỉ là ta không thể cho phép mình mất nhiều sức lực và thời gian để chế tác ra những đồ vật xinh đẹp. Tất cả đang diễn ra như vậy, tôi có cảm tưởng là bởi vì chúng ta đã gột sạch thế giới khỏi những điều kỳ diệu. Ta đã đánh mất hình dung về Thiên đường, đến nỗi các nghệ sĩ và nghệ nhân của ta không còn muốn tạc tượng được những đồ vật tuyệt diệu trông ra sao. Đây là cái giá phải trả cho nỗ lực kiểm soát thế giới theo lập trường của “cái tôi”, mà với nó mọi thứ cảm nghiệm được đều chỉ là vật thể xa lạ, chẳng qua chỉ là thứ gì đó trừu tượng.

Quay trở lại thì không thể và đa cảm quá. Trẻ con gắn kết với Thiên đường chặt đến mức chúng không hiểu được cái bầy bản ngã, và tình trạng cũng đúng như vậy với những nền văn hóa mà theo những chuẩn mực của chúng ta là “sơ khai” hơn, và giống trẻ con. Thế thì khi đã hiểu ra, ít nhất là trên lý thuyết, rằng cái bầy bản ngã là trò lừa, và rằng bên dưới mọi thứ màu mè, “tôi” và “vũ trụ” là một, ta sẽ hỏi, “Và bây giờ thì sao? Bước tiếp theo của chúng ta phải thế nào? Tư tưởng này có những ứng dụng thực tế nào chẳng?” - tôi sẽ trả lời rằng trong trường hợp này quan trọng nhất là củng cố điều ta đã hiểu để có khả năng mãn nguyện với cuộc đời, biết sống trong

hiện tại, và tuân thủ nguyên tắc mà điều này đòi hỏi. Không có kỹ năng này, ta sẽ không có gì để cống hiến - cho sự nghiệp hòa bình hay hòa hợp chủng tộc, cho người Ấn và người Hoa đang đói ăn, hay là cho chính bạn bè thân nhất của ta. Không có kỹ năng này, tất cả các chương trình xã hội sẽ chỉ là can thiệp phiền nhiễu vào việc của người khác, và toàn bộ các mối quan tâm đến tương lai sẽ là sự chuẩn bị cho thảm họa sẽ diễn ra mà thôi.

Nhưng con đường này không đưa chúng ta trở lại quá khứ. Hãy nhớ, rằng khoa học đã khắc phục được cái nhìn về thế giới một cách cơ giới và thuần túy nguyên tử bằng cách khoa học *hơn*, cái bấy bản ngã cũng phải được vượt qua bằng sự tự ý thức sâu sắc hơn. Vì không thể thoát khỏi cảm thức vong thân bằng thứ gọi là “nỗ lực ý chí”, khi ta cố quên mình hoặc hướng chú tâm của bản thân sang những việc khác. Đây là lý do tại sao những rao giảng đạo đức luôn thất bại: chúng chỉ giáo dục những kẻ đạo đức giả giáo quyết - những kẻ được dạy cảm thấy hổ thẹn, tội lỗi, hay sợ hãi, những kẻ ngay sau đó tự buộc mình phải xử sự như thể họ thực lòng thương yêu kẻ khác, nên “đức hạnh” của họ thường mang tính phá hoại hơn, và khơi dậy nhiều phần nộ hơn là “thói xấu” của họ. Có một dự án trợ giúp xã hội của Anh, do các quý bà sốt sắng và mạnh bạo điều hành, gọi là Hiệp hội Tổ chức Từ thiện - viết tắt là C.O.S [Charity Organization Society]. Không ngẫu nhiên mà tổ chức này bị người nghèo gọi là “Cringe or Starve” [Luôn cúi hay là chết đói].

Triết gia Đạo giáo Trang Tử gọi những nỗ lực để trở nên vô ngã như vậy là “đánh trống tìm kẻ chạy trốn”, hay như ta thường nói, chạy xe tới chỗ cảnh sát vây ráp và bật còi báo động. Hay, như người Ấn nói, giống như cố *không* nghĩ tới con khi khi uống thuốc, vì dân gian mê tín cho rằng nghĩ đến con khi làm thuốc mất công hiệu. Với những nỗ lực như vậy, chúng ta chỉ có

thể đạt được một điều duy nhất là hiểu ra sự cố gắng của mình không có kết quả. Vì càng cố hành động không tham lam hay sợ hãi thì chúng ta càng nhận thức rõ mình làm vậy vì tham lam và sợ hãi. Các vị thánh luôn nhận mình là kẻ có tội đáng khinh, vì họ hiểu rằng khát khao trở nên thánh thiện trong họ là do tội lỗi xấu xa nhất trong mọi tội lỗi thúc đẩy, ấy là sự kiêu ngạo tinh thần, là khao khát được thấy mình trong số những bậc thành tựu tốt bậc của nghệ thuật yêu thương và vị tha. Và phía sau điều này là vô số những vòng luẩn quẩn, các trò chơi kiểu “Tôi ăn năn hối cải hơn anh” hay “Tôi không tự đắc về đức khiêm cung của mình nhiều bằng anh.” Có cách nào để *không* bị cuốn theo trò chiếm ưu thế theo kiểu này hay kiểu khác? “Tôi chơi trò chiếm ưu thế ít hơn anh.” “Tôi chơi trò chiếm ưu thế kém anh.” “Tôi nhận thức rõ hơn anh rằng mọi sự ta làm đều là trò chiếm ưu thế.” Cái bẫy bản ngã dường như cứ tự khẳng định liên miên không dứt.

Nhưng khi tôi theo đuổi những trò chơi này - khi tôi càng ngày càng ý thức hơn được điều tôi đang ý thức - tôi bắt đầu hiểu được điều gì đó. Mỗi lúc tôi lại biết rõ hơn rằng tôi không thể nói về mình, rằng tôi *tốt hơn* bạn, nếu như không có bạn (hoặc là một ai đó khác) - kẻ mà tôi có thể nói rằng *kém* tôi. Như vậy, tôi thấy rất rõ rằng ưu thế của tôi *phụ thuộc* vào sự tồn tại của những con người khác có phần nào đó kém tôi. Tôi sẽ chẳng bao giờ biết được mình thuộc về nhóm người “tốt” và “được cứu rồi” nếu bên cạnh không có những người “xấu” hay “bị nguyên rủa” không cùng nhóm với mình. Làm sao trong nội bộ nhóm nào đó có thể duy trì được bản ngã tập thể mà không khoái trá vừa ăn tối vừa bàn tán về tư cách xấu xa kinh tởm của những kẻ ngoài nhóm? Thói phân biệt chủng tộc của dân miền Nam chính là do họ đối lập mình với đám “mọi đen” bản thủ. Nhưng, ngược lại, những kẻ ở ngoài nhóm kia sẽ lập liên minh, và thiết lập bản ngã tập thể của họ bằng

những cuộc trò chuyện phần nộ, khoái trá về dân da trắng hủ lậu, đám Anglo-Saxon da trắng theo đạo Tin Lành, về quân địch, và bọn tư sản trời đánh thánh vật. Thậm chí thánh Thomas Aquinas cũng tiết lộ rằng các bậc thánh trên Thiên đường được hồng phúc là có thể nhìn qua tường thành để thưởng thức “công lý đích đáng” dành cho những tội đồ quần quai dưới Địa ngục. Mọi kẻ thắng đều cần có kẻ thua; mọi vị thánh đều cần tội đồ; mọi nhà hiền triết đều cần kẻ ngu - mọi sự sẽ tiếp diễn như thế chừng nào điều quan trọng nhất trong cuộc đời còn là khao khát “trở thành ai đó” hay “là cái gì đó”, như một trong vô vàn các tiểu Thượng đế độc lập và riêng biệt.

Như vậy, khi định nghĩa bản thân, tôi luôn sử dụng hình dung về bạn; tôi biết mình là gì chỉ thông qua định nghĩa “kẻ khác” là gì. Và không quan trọng họ chiếm vị trí nào trên thang giá trị của tôi. Nếu họ đứng cao hơn tôi, tôi hưởng cái thú tự than thân trách phận; nếu ở dưới tôi, tôi hưởng cái thú kiêu hãnh. Hình dung về tôi của tôi đi liền với hình dung của bạn về bạn. Vậy thì, như một đại giáo trưởng Hassid^[54] diễn giải, “Nếu ta là ta vì người là người, và nếu người là người vì ta là ta, thì ta sẽ không phải là ta, và người cũng không phải là người.” Thay vì vậy, cả hai ta là cái gì đó chung giữa cái Martin Buber^[55] gọi là Tôi-và-Anh và Tôi-và-Nó - chính là cái nam châm nằm giữa các cực, giữa chính tôi và mọi thứ được hiểu là kẻ khác.

Về lý thuyết, không thể phản bác điều này. Nhưng giờ đây, có một câu hỏi đặt ra trước chúng ta, trong thực tế, làm sao vượt qua được *cảm giác* bị cách ly với tất cả những thứ “khác”, cái cảm giác ta chỉ là ta - một sinh vật bị định đoạt phải cạnh tranh và xung đột với hầu hết mọi thứ “khác” trong kinh nghiệm của nó. Để vượt qua được cảm giác này, có nhiều cách, và mỗi cách đều có sự hấp dẫn. Đó có thể là các bài tập thiền định trong yoga, vũ điệu xoay tròn của tu sĩ Hồi giáo, liệu pháp tâm lý, Thiền tông, các phương pháp

“cầu nguyện” của thánh Ignatius, dòng thánh Francis de Sales và Hesychasm. Ngoài ra, nhằm mục đích này, người ta còn sử dụng các chất hóa học biến đổi ý thức như LSD và mescaline^[56], kịch lý trị liệu (psychodrama), động lực nhóm (groups dynamics), các kỹ thuật giác thức (sensory awareness techniques), các bài thực hành của hội Quaker, Gurdjieff, các liệu pháp thư giãn, phương pháp Alexander, tự cảm liệu pháp, và tự thôi miên.

Cái khó ở mỗi môn này là khi đã dính sâu rồi, ta sẽ thấy mình bị đóng hộp trong một nội bộ nhóm riêng biệt nào đó, nhóm đó tự định nghĩa, thường là với sự ý nhị nhả nhận nhất, bằng cách loại trừ người ngoài nhóm. Theo cách này, mọi tôn giáo hay giáo phái đều tự chuốc lấy thất bại, và điều này cũng đúng với những tư tưởng tự nhận là phi tôn giáo hay tôn giáo đại đồng, chơi trò “tôi không độc tôn như các anh”.

Do vậy mà tôn giáo và phi tôn giáo - tất cả đều được dựng lên nhân danh tình huynh đệ và tình thương đại đồng - bao giờ cũng gây chia rẽ và gia tăng xung đột. Ví dụ, liệu trên phương diện chính trị học thực hành có cái gì gây tranh cãi nhiều hơn sự nghiệp xây dựng một xã hội dân chủ và phi giai cấp đích thực? Hơn nữa nguồn gốc lịch sử của những tư tưởng tương tự lại gắn với chủ nghĩa thần bí. Những tư tưởng này xuất phát từ thời Jesus và thánh Paul, cho tới thời Eckhart và Tauler, thời Anabaptists (giáo phái rửa tội lại), thời Levelers (những người chủ trương bình đẳng), và Brothers of the Free Spirit (Hội Ái hữu Tinh thần Tự do)^[57], và từ quan điểm kiên định của họ rằng mọi người đều bình đẳng trước Chúa Trời. Cứ như thế tồn tại đã ngụ ý xung đột, hay ít ra thì cũng nhằm phân biệt với những người khác hay với toàn thể phần còn lại của thế giới. Nếu vậy, thì kẻ nào không tham dự vào cuộc chiến là không tồn tại; kẻ nào không vị kỷ thì không có *bản ngã* của mình. Không có gì thống nhất một cộng đồng hữu hiệu bằng chính nghĩa

chung chống lại kẻ giặc từ bên ngoài, nhưng như vậy có nghĩa là, kẻ thù đó đồng thời trở thành chỗ dựa thiết yếu cho sự đoàn kết của cộng đồng. Nên các xã hội càng lớn càng cần có kẻ thù lớn hơn, và điều này theo đúng trình tự đã dẫn dắt tới tình thế hiểm nghèo của chúng ta hiện nay, khi thế giới thực sự chia thành hai phe lớn. Nhưng nếu các lãnh đạo cấp cao ở cả hai phe có chút thông minh, họ sẽ có một thỏa thuận ngầm để ngăn chặn xung đột: có thể chửi mắng nhau thậm tệ, nhưng phải kiềm chế ném bom. Hay, nếu họ cứ nhất quyết phải có đánh đấm đôi chút để giữ phong độ cho quân đội, họ sẽ giới hạn ở mức xung đột cục bộ tại những nước “không quan trọng”. Voltaire đáng ra phải nói rằng nếu Ma vương không tồn tại thì cần phải bịa ra nó.

Nhưng một khi hiểu rõ hơn rằng sống có nghĩa là xung đột với người khác và theo đuổi lợi ích của bản thân, thì ta càng buộc phải nhận ra ta cần có kẻ thù để ủng hộ mình. Cũng như vậy, ta càng cương quyết theo đuổi câu hỏi, “Tôi là ai hay cái gì?” - thì càng không thể tránh khỏi nhận ra ta chẳng là gì cả nếu không có mọi thứ *khác*. Hơn nữa, ta càng cố gắng đạt đến hoàn hảo hay chứng đắc nào đó - trong đạo đức, trong nghệ thuật hay tâm linh - ta sẽ càng thấy mình đang tiếp tục chơi trò chơi cũ là *bản ngã* dưới một hình thức tinh tế và tao nhã, và ta chỉ có thể đánh giá thành tựu đạt được khi so sánh mình với tất cả những người không đạt đến hoặc đã thất bại.

Thoạt đầu, nhận thức này sẽ gây bàng hoàng đến tê liệt. Ta cảm thấy mình mắc bẫy - trong tình thế cực kỳ tệ hại - khi đi về hướng nào cũng bị giằng kéo ngược lại. Quyết định là một Christ thì sẽ có một Judas phản lại, và một đám đông để đóng đinh lên thập giá. Quyết định làm quỷ dữ, người đời sẽ liên kết trong tình huynh đệ keo sơn nhất để chống lại. Phản ứng tức thì của ta có thể chỉ là thốt lên, “Quỷ tha ma bắt tất cả họ đi!” Dường như lối

thoát duy nhất cho tình thế này là quên đi mọi nỗ lực của bản thân, và lại mãi mê theo đuổi những việc vặt vãnh, hay rút khỏi cuộc chơi bằng cách tự sát hay mắc chứng rối loạn tâm thần, rồi sống phần đời còn lại trong một nhà thương điên để làm nhảm nhăng cuội.

Nhưng còn một cơ may khác. Thay vì rút lui, ta đặt câu hỏi, liệu trò chơi có nghĩa gì. Điều này ngụ ý gì, nếu ta thấy mình bị tê liệt, không thể ở trong trạng thái tiếp tục trò chơi mà trong đó mọi luật chơi mâu thuẫn, mọi hành động đều dẫn đến thất bại? Chắc chắn đây là một kinh nghiệm sâu sắc và dữ dội về chính cái thế tiến thoái lưỡng nan mà ta bị đẩy vào từ bé, bởi vì xã hội khuyên ta *phải* tự do, có trách nhiệm, biết yêu thương, đồng thời buộc ta vào vị thế là một nhân tố độc lập. Cảm giác bất lực không thoát được tình trạng này chính là tia chớp đầu tiên nhận thức được trò chơi này vô nghĩa, còn *bản ngã* độc lập của ta chỉ là *ảo tưởng*. *Ngã* của ta đơn giản là không tồn tại, nên nó không thể hành động độc lập cũng như chịu tác động của các điều kiện bên ngoài - nó không thể thay đổi những điều đang diễn ra hay khuất phục chúng. “Cái tôi” lẽ ra đồng nhất với toàn thể vũ trụ trải nghiệm của ta, lại bị chia tách và cô lập, như kẻ đứng bên ngoài quan sát vũ trụ. Trong chương trước, chúng ta đã kết luận rằng sự thống nhất giữa sinh vật và môi trường là một thực tế khách quan. Nhưng khi nhận thức sâu sắc rằng không tồn tại bản ngã riêng biệt, ta sẽ thực sự *cảm thấy* mình là toàn thể quá trình của sự sống và là toàn thể dạng thức của vũ trụ. Kinh nghiệm và kẻ trải nghiệm trở thành quá trình kinh nghiệm, cái được biết và kẻ biết trở thành quá trình biết.

Mỗi sinh vật lĩnh hội đời sống theo cách của mình, từ góc nhìn riêng của mình, vì mỗi sinh vật - đó là vũ trụ tự trải nghiệm chính nó trong vô vàn sinh linh đa dạng nhất. Bởi vậy, kẻ nhận thức được điều này không rơi vào cái bẫy mà kinh nghiệm này giăng ra cho những kẻ đã nhận thức được tính ảo

tưởng của *ngã*, nhưng vẫn tiếp tục tin vào một Thượng đế toàn năng ở bên ngoài. Bởi vì con người đó có thể đã bị cám dỗ muốn thấy “Ta là Thượng đế” theo nghĩa đó, và mong đợi mọi sinh vật khác phụng thờ và tuân theo mình.

Chủ yếu không bao giờ được quên rằng, những trải nghiệm thế này không thể đạt được nhờ nỗ lực của “ý chí” mang tính ảo tưởng của chúng ta. Nhưng không loại trừ khả năng các nỗ lực lặp đi lặp lại của chúng ta nhằm trở thành kẻ chiếm ưu thế trước vũ trụ cuối cùng đã bộc lộ tính phù phiếm. Đừng cố sức tiêu diệt cảm giác-bản ngã. Hãy tiếp nhận lấy nó, chừng nào nó còn, như một phần không thể tách rời hay là một chi tiết thú vị của toàn bộ quá trình - như một đám mây hay gợn sóng, như cảm giác ấm áp hay lạnh lẽo, hoặc như bất cứ thứ gì khác tự thân xảy ra không phụ thuộc vào chúng ta. Bởi vì loại trừ bản ngã là phương kế sau cùng của tính vị kỷ bất trị! Các nỗ lực này chỉ khẳng định và củng cố thêm tính thực hữu của cảm giác-bản ngã. Nhưng khi cảm giác về sự phân ly này bắt đầu được tìm hiểu và chấp nhận như bất cứ cảm giác nào khác, nó sẽ tan biến như ảo ảnh mà nó vốn là.

Đây là lý do tôi không mặn mà với nhiều loại “tu tập tinh thần” khác nhau trong thiền hay yoga mà một số người xem là thiết yếu để thoát khỏi bản ngã. Vì khi thực hành để “chứng đắc” một kiểu giác ngộ hay thức tỉnh tâm linh nào đó, các bài tập này sẽ củng cố cảm giác dối lừa rằng bản ngã có thể tự biến mất nhờ vào nỗ lực buông bỏ bản ngã. Nhưng chẳng có gì sai khi thiền chỉ để thiền, cũng như anh nghe nhạc chỉ vì nhạc. Nếu anh đi nghe hòa nhạc cho “có văn hóa” hay mở mang đầu óc, anh sẽ ngồi đó điếc lác như cái rằm cửa mà thôi.

Nếu bây giờ bạn lại hỏi tôi phải vượt qua cảm giác-bản ngã *như thế nào*, tôi sẽ hỏi bạn muốn vượt qua nó để làm gì. Nếu bạn trả lời tôi một cách trung

thực, rằng bản ngã của bạn sẽ cảm thấy khá hơn trong “cảnh giới tâm linh cao hơn” của tự siêu việt, thì bạn sẽ nhận ra bạn - với tư cách bản ngã - là một thứ giả hiệu. Bạn cảm thấy mình giống củ hành: hết lớp này đến lớp khác, hết vỏ bọc này đến vỏ bọc khác, bị lột dần đến tận cùng mà không có cái lõi nào ở chính giữa. Nhưng toàn bộ ý nghĩa nằm ở đây: nhận ra bản ngã kỳ thực là đồ giả - một bức tường phòng thủ bao quanh một bức tường phòng thủ... cuối cùng bao quanh trống không. Bạn không thể thậm chí là giải thoát khỏi nó, đừng nói gì đến chuyện mong muốn mình không muốn điều này.

Hiểu điều này, bạn sẽ thấy rằng bản ngã chính xác là cái mà nó giả vờ không phải. Nó còn lâu mới là trung tâm nhân cách tự quyết, chỉ là một cỗ máy tự động mà được quyền lực xã hội gắn vào ta từ nhỏ. Nó rất giống những cỗ máy tương tự khác, và có thể chỉ khác chúng bởi một chút ảnh hưởng không đáng kể của tính di truyền. Nếu bạn nhận thức sâu điều này, có thể bạn sẽ nhất thời cảm thấy mình dường như là zombie, hay một con rối nhảy nhót vô trách nhiệm trên những sợi dây dẫn đi tít tắp đến những thế lực không rõ. Trong tình huống này, bản ngã có thể sẽ tự khẳng định lại mình bằng trò ma mãnh “tôi chẳng thể làm gì được với bản thân mình”, trong đó bản ngã tự tách đôi rồi vờ là nạn nhân của chính nó. “Thấy chưa, tôi chỉ là một nhóm các phản xạ có điều kiện, nên các vị không được nổi điên với tôi vì tôi đã hành động tuân theo các phức cảm của tôi.” (Câu trả lời dành cho nó có thể là, “Thôi được, chúng tôi cũng chỉ là lũ zombie thôi, nên anh cũng không nên cảm râm nếu bọn tôi có nổi khùng.”)

Nhưng bây giờ chúng ta hãy đặt câu hỏi, ai là người *không* được nổi khùng lên hay *không* nên cảm râm, như thế trong chuyện này ai đó vẫn còn chút lựa chọn? Ở giai đoạn này, bản ngã vẫn tồn tại với tư cách cái “tôi” phải thụ động chịu đựng hành vi tự động của “chính tôi” và kẻ khác - một lần nữa,

lại như thế cái tôi nhân chứng vẫn có thể được chọn lựa một trong hai khả năng, hoặc chịu đựng mọi chuyện hoặc phản công dữ dội để thay đổi những gì đang diễn ra. Và chuyện gì đã xảy ra, bản ngã thất vọng rút lui vào pháo đài độc lập cuối cùng của nó, đóng vai người quan sát đơn thuần, hay kẻ chịu đựng mọi khó khăn của đời sống. Ở đây, nó có thể than thân trách phận hay an ủi mình như với một con rối của số phận.

Nhưng nếu vai này được xem như một lớp vỏ hành nữa, thì chúng ta đang đến gần đoạn kết. Giờ đây, một đường phân cách đã vạch ra giữa một bên là mọi thứ xảy ra với tôi, trong đó có cả những cảm nhận của chính tôi, và bên kia, là chính tôi như một nhân chứng có ý thức. Nhưng chẳng lẽ không rõ ràng, rằng đường ranh này chỉ tồn tại trong tưởng tượng? Rằng nó, và nhân chứng đằng sau nó, chỉ là phiên bản mới của ảo tưởng cũ mà con người đã lĩnh hội tự động trong thời thơ ấu? Nó chính là cái hố cũ ngăn cách kẻ biết và cái được biết - giữa cơ cấu phản hồi là cơ chế tự nhận thức của sinh vật, và là toàn bộ hệ thống sinh vật/môi trường? Nhưng nếu tôi không có quyền chọn lựa những cái xảy ra với tôi, ở một bên lẫn ranh, thì cũng không có quyền chọn lựa ở bên kia lẫn ranh, phía bên nhân chứng, nghĩa là tôi không quyết định chấp nhận điều xảy ra với tôi, hay cố gắng thay đổi nó. Tôi chấp nhận, tôi khước từ, tôi chứng kiến cũng tự động, như các sự kiện xảy ra không phụ thuộc vào ý chí của tôi. Tất cả diễn ra tự động, như cảm xúc của tôi phản ánh những quá trình sinh lý trong cơ thể tôi.

Và vào chính thời khắc khi ta có vẻ như sắp thành một zombie đích thực, thì trong thế giới chủ quan của ta bùng lên vụ nổ. Bất thành linh hình dung về số phận đánh mất ý nghĩa, vì hiển nhiên là không tồn tại kẻ có thể trở thành nạn nhân của sự tiền định. Không có bấy nếu không có kẻ mắc bấy. Thực tế, không ai có thể cảm thấy mình hành động vì bị ép buộc, nếu anh ta không có

hình dung về tự do lựa chọn, vì các hành động bởi cưỡng ép chỉ được biết trong thế đối lập với các hành động theo ý chí tự do. Do vậy, khi lẫn ranh giữa tôi và cái xảy ra với tôi mất đi, không còn thành lũy che chắn bản ngã, thậm chí với tư cách một nhân chứng thụ động nữa, tôi sẽ thấy mình sống không ở *trong* thế giới, mà *như* thế giới - trong đó không có gì cưỡng ép tôi, cũng không có gì tuân theo ý chí bướng bỉnh đồng đánh của tôi. Tất cả xảy ra không máy móc mà cũng chẳng tùy tiện: nó chỉ đơn giản là xảy ra, và mọi cái xảy ra đều phụ thuộc lẫn nhau theo một cách thức hài hòa đến khó tin. Mỗi cái này đi liền mỗi cái kia. Không có tha nhân thì cũng chẳng có tôi, và không ở đâu đó khác thì cũng không ở đây, và theo nghĩa này, tôi cũng là tha nhân và nơi đây cũng là nơi đó.

Khi nảy sinh cảm nhận mới mẻ này về cái tôi, bạn vừa cảm thấy hào hứng vừa có chút hẫng. Tình huống giống như khoảnh khắc bạn lần đầu tiên bơi được hay đi được xe đạp. Có cảm tưởng rằng bạn không tự làm điều đó, không hiểu sao nó tự xảy ra, và bạn băn khoăn chẳng biết bạn có đánh mất điều đó không - vì quả thực bạn có thể đánh mất nếu bạn cố níu giữ. Có thể nói, giờ đây bạn quả thực thụ động hơn trước kia, trong thế tương phản với cảm nhận cũ, như thể bạn là chiếc lá bị gió cuốn đi, cho đến khi bạn nhận ra mình vừa là lá cây vừa là gió. Thế giới ở ngoài da bạn cũng là bạn giống như thế giới bên trong bạn: cả hai song hành không tách rời, và thoát đầu bạn cảm thấy hơi mất kiểm soát vì thế giới bên ngoài rộng lớn hơn thế giới bên trong nhiều. Thế nhưng bạn sẽ sớm nhận ra rằng bạn có thể tiếp tục các sinh hoạt thường ngày - làm lụng và quyết định như mọi khi, mà lại thấy những chuyện đó bớt vô vị đi. Thân bạn không còn là zombie được bản ngã thổi sinh khí vào rồi kéo lê theo nữa. Có cảm giác như mặt đất nâng bạn lên, và đôi núi đỡ bước chân bạn. Không khí tự vào ra phổi bạn, và thay vì bạn nhìn

và nghe, ánh sáng và âm thanh tự đến với bạn. Mắt thấy và tai nghe như gió thổi và nước chảy. Toàn thể không gian trở thành tâm trí bạn. Thời gian đưa bạn đi như một dòng sông, nhưng không bao giờ trôi khỏi hiện tại: càng trôi đi thì càng ở lại, và bạn không còn phải chống chọi hay thủ tiêu nó nữa.

Bạn không hỏi ý nghĩa, hay mục đích, của cảm nhận này là gì. Hay vì sao mà có vũ trụ này? ứng dụng thực tiễn của cả triệu thiên hà là gì? Nhưng chính vì nó không có mục đích mà nó lại có mục đích - điều này có vẻ nghịch lý, nhưng đúng là thế. Ví dụ, mục đích của chơi nhạc là gì? Nếu bạn chơi để kiếm tiền, để tài ba hơn một nghệ sĩ nào khác, để là người có văn hóa, hay để mở mang đầu óc, thì bạn không thực sự chơi - vì đầu óc bạn không nằm ở nhạc. Bạn không bay bổng trong âm nhạc. Nếu phải nghĩ về điều này, thì rõ ràng chơi nhạc hay nghe nhạc chỉ là thứ xa xỉ, một chứng nghiện, một sự phí phạm thời gian và tiền bạc quý báu chẳng để làm gì ngoài việc tạo ra các hợp âm cầu kỳ. Thế nhưng làm sao có thể nghĩ đến một xã hội không có chỗ cho âm nhạc, không cho phép khiêu vũ, hay cho bất kỳ hoạt động nào không liên quan trực tiếp đến những vấn đề sinh tồn thiết thực? Rõ ràng, một xã hội như vậy sẽ sinh tồn theo kiểu vô đích - trừ phi bằng cách nào đó nó tạo ra thú vui trong những “nhiệm vụ cơ bản” là làm ruộng, xây cất, đi lính, sản xuất, hay nấu nướng. Nhưng trong khoảnh khắc ấy, mục tiêu sinh tồn đã bị lãng quên. Nhiệm vụ được thực hiện chỉ vì chính nó, và thế là các nông trại bắt đầu rực rỡ như những khu vườn, thay vì những nhà hộp tiện lợi nhưng tẻ nhạt bỗng mọc lên những mái nhà vui mắt và những đồ trang hoàng kỳ bí, vũ khí được khắc những hoa văn kỳ lạ, thợ mộc thông thả “hoàn thiện” tác phẩm của mình, còn đầu bếp trở thành những người sành ăn.

Một tác phẩm triết học Trung Hoa nhan đề “*Thái Ất Kim Hoa Tông Chi*”^[58] nói rằng “khi hữu đích được dùng để đạt đến vô đích, sự đã thấu tỏ.”

Vì xã hội sinh tồn vô đích là một xã hội không dự liệu những hành vi vô đích - tức là, những hành động không trực tiếp nhằm đến sinh tồn, mà chúng tự hoàn thành khi được thực hiện trong hiện tại và không nhất thiết phải hướng đến một tương trường tương lai nào đó. Nhưng một cách gián tiếp và vô tình, hành vi như vậy hữu ích đối với sinh tồn vì nó đem lại một lý do cho sinh tồn - tuy nhiên, sẽ không hữu ích khi vì lý do đó mà theo đuổi. Chơi để thư thái và tươi tỉnh lại mà làm việc thì không phải là chơi, không việc nào được làm tốt và hoàn hảo trừ phi nó cũng là một hình thức chơi.

Khi ta thấy được rằng, cuộc sống suy cho cùng là một cuộc chơi, ta được giải phóng khỏi tình thế lưỡng nan “*Mi phải sinh tồn*”. Cái khó khi hiểu điều này là ở chỗ, ý “chơi” có hai nghĩa riêng biệt thường bị lẫn lộn với nhau. Một mặt, làm cái gì đó *chỉ* hay *đơn thuần* để chơi, sẽ là tầm thường và không thành thực, và ở đây ta nên dùng từ “đùa giỡn” thay vì “chơi”. Nhưng nếu một cô nào đó nói với tôi, “Em yêu anh,” thì có đúng không nếu trả lời, “Cô có nói nghiêm túc không đấy, hay cô chỉ đang đùa giỡn với tôi?” Sau cùng, nếu mối quan hệ này đến lúc nảy nở, tôi rất hy vọng rằng cô nàng *không* nghiêm túc và rằng nàng sẽ đùa giỡn tôi. Không, câu hỏi hay hơn sẽ là, “Cô có chân thành không, hay cô chỉ đang đùa giỡn tôi?” Chân thành thì tốt hơn là nghiêm túc, vì ai lại muốn được yêu một cách nghiêm túc? Do vậy, ở mặt khác, có một hình thức chơi không hề tầm thường chút nào, như khi Segovia chơi ghi ta hay Laurence Olivier đóng vai Hamlet, hay, hiển nhiên như khi ai đó chơi organ trong nhà thờ. Theo nghĩa này của từ “chơi”, thánh Gregory Nazianzen có thể nói về Logos^[59] minh triết sáng tạo của Thượng đế như sau:

*Vì trên Thiên đường Logos chơi,
khuấy đảo cả vũ trụ, như ngài muốn,*

thành muôn hình vạn trạng.

Và, ở đâu kia trái đất, thiền sư Nhật Hakuin:

Trong múa hát có tiếng nói của Luật.

Cũng vậy, trong kinh Vệ Đà, toàn thể thế giới được xem là *lila* và *maya* của Ngã, từ đầu nghĩa là “trò chơi” còn từ sau có nghĩa phức tạp chỉ ảo giác (*illusion*, từ tiếng Latin *ludere*, chơi), ma thuật, sức sáng tạo, nghệ thuật, và đo lường - như khi ta nhảy hay vẽ một họa hình theo một thước đo nào đó. Từ cách nhìn này, vũ trụ nói chung và sự chơi đùa nói riêng, theo một nghĩa đặc biệt, là “vô nghĩa”: tức là, không giống như ngôn từ và biểu tượng, chúng không biểu thị hay chỉ một cái gì xa hơn chúng, cũng như một bản sonata của Mozart không chuyển tải thông điệp đạo đức hay xã hội và không cố gọi lên những âm thanh tự nhiên như gió, sấm, hay tiếng chim hót. Khi tôi phát âm từ “nước”, anh sẽ biết ý tôi là gì. Nhưng toàn bộ tình huống này có nghĩa thế nào - tôi tạo ra âm thanh và anh hiểu được nó? Ý nghĩa của một con bồ nông, một bông hướng dương, một con nhím biển, một viên đá có vân, hay một thiên hà là gì? Hay của $a + b = b + a$? Tất cả đều là những dạng, những mô thức ánh sáng và âm thanh nhảy nhót, nước và lửa, nhịp điệu và dao động, điện và không-thời gian, diễn ra như thế này:

Thrummular, thrummular thrilp,

Hum lipsible, lipsible lilp;

Dim thricken mithrummy,

Lumgumptulous hummy,

Stormgurgle umbumdular bilp^[60].

Hay, trong phát biểu nổi tiếng của ngài Arthur Eddington^[61] về bản chất của electron:

Ta thấy nguyên tử với những vành đai electron bắn ra tứ phía, va đập nhau rồi nảy lên. Các electron tự do bứt khỏi các vành đai vội vã phóng đi nhanh hơn gấp trăm lần, cua gấp quanh nguyên tử với những cú trượt sang bên và thoát đi trong đường tơ kẽ tóc... Cảnh tượng ngoạn mục đến độ có lẽ ta quên rằng từng có thời ta muốn được ai đó nói cho biết electron là gì. Câu hỏi chưa hề được trả lời... Cái gì đó chưa biết đang làm điều mà chúng ta chẳng biết là gì - lý thuyết của chúng ta chung quy là thế. Lý thuyết này có vẻ thực sự sáng rõ. Tôi đã đọc được ở đâu đó mấy dòng thế này:

The slithy toves

Did gyre and gimble in the wabe.^[62]

Có thể thấy, vẫn cùng một kiểu gợi ý về hoạt động, vẫn cùng một kiểu mập mờ về bản chất của hoạt động và bản chất của cái đang hành động^[63].

Vấn đề ở đây là “cuộc trình diễn quá đổi ngoạn mục”. Vì thế giới - đó là sự quyến rũ (tiếng Latin: *fascinum*), là sự hút hồn (kiểu chìm đắm trong bài thánh ca), là sự sửng sốt (như khi lạc lối trong mê cung), là thể uốn lượn của nhịp điệu kỳ lạ và một cốt truyện kích thích tò mò đến độ ta bị mạng lưới rối rắm của nó cuốn vào trạng thái nhập thân khiến ta quên mất nó chỉ là một trò chơi. Ta bị hút hồn đến mức khi hoan hô và la ó các diễn viên, chúng ta bắt đầu yêu và ghét họ. Chúng ta đồng nhất với vai của mình đến mức trở nên yêu đương và hận thù mãnh liệt, vui sướng và kinh hoàng, ngất ngây khoái cảm hay bồn chồn lo lắng. Tất thảy đều được tạo thành từ bật-và-tắt hay đen-

và-trắng, đập nhịp, lặp lại, ghép mảnh, đảo phách, biến đổi cao độ, xóc nảy, chơi điệu tăng gô, hát du dương qua mọi thang bậc và chiều kích có thể. Trò chơi này đồng thời là sự vô nghĩa thuần khiết nhất và là nghệ thuật tuyệt đích.

Hãy lắng nghe chăm chú một giọng hát không lời. Nó có thể hút hồn đến nỗi làm ta bật khóc, bắt ta nhảy lên vì vui sướng, khiến ta khiêu vũ đến ngã khuỵu hoặc giận dữ điên cuồng. Ta không thể biết âm nhạc dứt ở đâu và cảm xúc dâng trào khi nào, vì toàn thể là một thứ âm nhạc nào đó - giai điệu ấy chơi trên dây thần kinh của ta như hơi thở thổi vào ống sáo. Toàn bộ trải nghiệm chỉ là như thế, ngoại trừ tính nhạc của giọng hát có nhiều chiều kích hơn âm thanh. Nó dao động theo những chiều thị giác, xúc giác, vị giác, thính giác, và chiều kích trí tuệ là biểu tượng và ngôn từ - tất cả rủ nhau trình diễn và nô đùa. Nhưng thực chất - và đây là cách phủ định để khẳng định mạnh mẽ - nó chẳng qua chỉ là câu nói bí hiểm của cụ già ở Spithead, cụ mở cửa sổ ra và nói:

*Fill jomble, fill jumble,
Fill rumble-come-tumble^[64]*

Bach phát biểu điều ấy tao nhã hơn, nhưng cũng có ít nhiều nghĩa bên ngoài như thế:



Khi đã hiểu ra điều này, ta có thể quay về thế giới những chuyện thực tế với một tinh thần mới. Ta đã thấy rằng vũ trụ về bản chất là một ảo giác ma thuật và một trò chơi kỳ lạ, rằng không có cái “ta” tồn tại riêng lẻ để mà lấy được gì từ nó, như thế cuộc sống là một nhà băng để bị cướp. Cái “ta” đích thực duy nhất là cái đến rồi đi, liên tục tự hiện ra rồi biến đi như mọi loài sinh vật có ý thức. Vì “ta” là vũ trụ tự nhìn nó từ hàng tỉ góc nhìn, những điểm đến và đi thay đổi liên tục khiến nhãn quan lúc nào cũng mới. Những gì chúng ta nhìn thấy như cái chết, không gian trống rỗng, hay hư vô chỉ là phần hõm xuống giữa các đỉnh ngọn sóng trên đại dương nổi sóng bất tận này. Nó chính là cái ảo giác rằng dường như có cái gì đó cần phải đạt đến trong tương lai, rằng có một thứ cấp thiết mà chúng ta cứ phải theo đuổi mãi cho đến khi đuổi kịp nó. Nhưng không có thời gian nào ngoài thời gian hiện tại, không có ai ngoài cái toàn-thể-và-tất-cả, không bao giờ có bất kỳ thứ gì cần đạt tới - mặc dù cái thú của trò chơi lại là vờ như có mọi thứ đó.

Ai khoe khoang là đã hiểu điều này thì kẻ đó thực ra chưa hiểu, vì y chỉ dùng lý thuyết như trò gian lận để duy trì ảo tưởng phân ly của y, một mảnh lối trong trò chơi chiếm ưu thế tinh thần. Hơn nữa, sự khoắc lác như vậy là thực sự xúc phạm đến những ai chưa hiểu và những kẻ thật lòng tin mình là linh hồn cá thể, đơn độc trong một cuộc đấu tranh sinh tồn tuyệt vọng và thống khổ. Với tất cả những người đó, ta phải có tình thương sâu sắc, không trịch thượng, thậm chí phải cung kính và tôn trọng họ theo cách đặc biệt nào đó, vì suy cho cùng, trong họ, Ngã đang chơi trò mạo hiểm và lạ thường nhất - trò chơi đánh mất hẳn bản thân nó và có nguy cơ hứng chịu một thảm họa hoang tàn không thể cứu vãn. Đây là lý do người Ấn không bắt tay khi gặp nhau mà chấp tay lại cúi chào với một cử chỉ cung kính, vinh danh Thần tính ở người lạ.

Và đừng cho rằng hiểu biết này sẽ tức thì biến ta thành một tấm gương đức hạnh. Tôi chưa hề gặp một thánh nhân hay nhà hiền triết nào mà không có đôi ba nhược điểm của con người. Vì chừng nào ta còn khoác dạng người hay thú thì ta còn phải án bằng mạng sống kẻ khác và chấp nhận những giới hạn thể xác đặc thù của mình, cái thể xác vẫn sẽ bị lửa thiêu và vẫn sẽ tiết ra adrenaline khi gặp nguy hiểm. Quan trọng hơn cả, đạo lý đi liền với hiểu biết này là thẳng thắn công nhận rằng ta phụ thuộc vào kẻ thù, cấp dưới, người ngoài nhóm, và bất cứ hình thái sống nào khác. Dù ta có mắc mứu trong những xung đột và trò tranh đua của đời sống thực tế như thế nào chẳng nữa, ta cũng sẽ không bao giờ còn chìm trong mê muội rằng “kẻ tấn công kia” có lỗi hoàn toàn, và có thể hay nên bị diệt trừ. Điều này sẽ cho ta cái khả năng quý giá vô ngần là ngăn không để xung đột vượt ngoài tầm kiểm soát, sẵn lòng thỏa hiệp và thích nghi, có thể chơi, đúng vậy, nhưng chơi thật tỉnh. Điều này người ta gọi là “luật giang hồ”, vì những kẻ thực sự nguy hiểm là kẻ không nhận ra rằng mình là phường trộm cướp - những kẻ bất hạnh đóng vai “người tốt” với nỗi hăm dọa mù quáng đến mức họ không biết mình mang ơn “kẻ xấu” vì đã củng cố địa vị cho mình. Kinh *Phúc âm* diễn giải, “Hãy yêu thương đối thủ của các người, và cầu nguyện cho kẻ nào hạ thấp các người.” Ta sẽ chẳng ở đâu cả nếu không có họ.

Đạo lý cá nhân và chính trị ở phương Tây, nhất là ở Mỹ - vì thiếu ý thức này - bị tâm thần phân liệt hoàn toàn. Đó là sự kết hợp quái gở giữa chủ nghĩa lý tưởng không nhân nhượng và thói gangster vô lương tâm, do vậy mà thiếu đi sự hài hước và nhân ái để khiến những kẻ bất lương tự thú ngồi lại với nhau và thảo ra những thỏa thuận biết điều. Không ai có thể có đạo đức - nghĩa là, không ai có thể hài hòa các xung đột tiềm tàng - mà không đi đến một thỏa ước thường trực giữa thiên thần và ác quỷ trong hân, giữa hoa

hồng của y bên trên và phân bón của y bên dưới. Hai lực lượng hay hai chiều hướng phụ thuộc lẫn nhau, và trò chơi vẫn đang diễn tiến chừng nào thiên thần đang trên đà thắng, nhưng không giành chiến thắng, còn ác quỷ đang trên đà thua, nhưng không bị thua. (Trò chơi không diễn ra ngược lại, cũng như đại dương không hoạt động khi đầu sóng chúc xuống còn hõm sóng nhô lên.)

Điều quan trọng nhất là những ai quan tâm đến quyền công dân, hòa bình thế giới, và hạn chế vũ khí hạt nhân hiểu ra được điều này. Đó chắc chắn là những sự nghiệp cần được ủng hộ mạnh mẽ, nhưng không bao giờ trên tinh thần thiếu tôn trọng cái đối lập, hay xem nó là hoàn toàn ác hoặc điên rồ. Không phải vô cớ mà các luật lệ chính thức trong quyền Anh, judo, đấu kiếm, và cả đấu súng đòi hỏi người thi đấu phải chào nhau trước khi giao chiến. Trong bất kỳ tương lai nào có thể thấy trước cũng sẽ có hàng ngàn hàng vạn người căm ghét và ghê tởm người da đen, cộng sản, người Nga, người Hoa, người Do Thái, tín đồ Thiên Chúa giáo, dân hippy, người đồng tính, và những “con nghiện”. Những nỗi căm thù này sẽ không nguôi ngoai, mà chỉ bùng lên, bởi việc lăng mạ những ai cảm thông với họ, và những cái nhãn thóa mạ mà ta dán cho họ - những kẻ nệ cổ, phát xít, cánh tả, kẻ dốt nát - rất có thể sẽ trở thành phù hiệu và biểu tượng kiêu hãnh để họ tập hợp và đoàn kết.

Cũng chẳng ích gì khi công khai đối đầu với sự phản đối bằng các cuộc biểu tình ngồi, các cuộc biểu tình tuần hành bất bạo động và lịch sử, trong khi lại đi đề cao bản ngã tập thể của chúng ta bằng cách kín đáo lăng nhục họ. Nếu ta muốn công bằng cho các tộc người thiểu số và chiến tranh hòa hoãn với kẻ thù tự nhiên của ta, dù đó là con người hay không phải con người, trước hết ta phải thỏa hiệp với thiểu số và kẻ thù trong chính ta, trong

chính tâm ta, vì kẻ lưu manh có ở trong ta cũng như ở bất cứ đâu trong thế giới “bên ngoài” - nhất là khi ta nhận ra thế giới bên ngoài da ta cũng chính là ta như thế giới bên trong. Nếu không nhận thức được điều đó, không ai có thể hiểu chiến hơn một kẻ theo phong trào hòa bình khi anh ta nổi xung lên, hay một người dân tộc chủ nghĩa bạo lực hơn cả một kẻ phản đế.

Quả thực, bạn có thể lý sự rằng chuyện này đòi hỏi nhiều quá. Bạn có thể lấy cái cớ cũ rích rằng công việc “thay đổi bản tính người” quá nhọc nhằn và chậm chạp, rằng cái ta cần là hành động tức thời trên diện rộng. Rõ ràng, cần có quy tắc để tạo ra bất kỳ thay đổi tận gốc nào trong khuôn mẫu hành vi con người, mà liệu pháp tâm lý thì có thể kéo dài lê thê hàng năm trời. Nhưng đây không phải là điều tôi gợi ý. Có thật là tốn kém nhiều thời gian và công sức hay không để *hiểu* được ta phụ thuộc vào kẻ thù và người ngoài để tự định nghĩa mình, và rằng không có một đối nghịch nào đó thì ta sẽ không tồn tại? Thấy được điều này có nghĩa là, gần như tức thì, có được đức tính hài hước, mà hài hước và tự cho mình đúng là hai thứ loại trừ lẫn nhau. Hài hước là ánh long lanh trong mắt một quan tòa chính trực, biết rằng ông ta *cũng* là kẻ phạm trọng tội nơi vành móng ngựa. Làm sao ông có thể ngồi đó phán quyết đạo mạo, được thiên hạ bầm “Thưa quý tòa” hay “Thưa ngài chánh án”, mà không có những kẻ khốn khổ bất hạnh bị kéo lê trước mặt ông ngày này qua ngày khác? Công nhận điều này không làm suy yếu dần công việc và chức năng của ông ta. Ông đóng vai trò thẩm phán càng tốt hơn vì nhận ra rằng ở vòng quay tiếp theo của Bánh xe Số mệnh, biết đâu ông sẽ là bị cáo, và rằng nếu *toàn bộ* sự thật được phơi bày, thì giờ đây ông đã đứng trước tòa.

Nếu đây là lời chỉ trích, thì ít ra nó cũng là lời chỉ trích trù mến - một thái độ và một bầu không khí làm dịu những xung đột nhân sinh hiệu quả

hơn biết bao nhiêu sự bạo hành thể xác hay tinh thần. Vì nó nhận ra tính thiện đích thực trong bản chất con người là sự cân bằng kỳ lạ giữa yêu thương và vị kỷ, lý trí và đam mê, tinh thần và nhục dục, huyền bí và duy vật, ở đó cực dương vẫn luôn có lợi thế hơn cực âm một chút. (Nếu nó khác đi, và nếu cả hai cân bằng, sự sống sẽ đâm đầu vào ngõ cụt và bế tắc hoàn toàn.) Do vậy, khi hai cực tốt và xấu quên đi sự phụ thuộc tương hỗ giữa chúng mà cố xóa sổ phía kia, con người trở thành thứ dưới người - kiểu thập tự quân tàn nhẫn hay kẻ giết người máu lạnh bạo tàn. Con người là con người chứ không phải để thành thiên thần hay ác quỷ, và những thiên thần tương lai nên nhận ra rằng, khi tham vọng của họ đã thành công, họ sẽ khơi dậy những bầy ác quỷ để cân bằng. Đây là bài học của Luật Khô^[65] cũng như của mọi nỗ lực nhằm ép buộc hành vi phải tuyệt đối thánh thiện, hay nhằm nhổ bỏ gốc rễ và cành nhánh của cái ác.

Vậy chung quy là thế này: để “sống được”, đáng sống, hay đơn thuần là để thiết thực, đời sống phải được sống như một trò chơi - từ “phải” ở đây biểu thị một điều kiện, không phải một điều răn. Đời sống phải được sống trên tinh thần chơi chứ không phải làm, và những xung đột đi theo nó phải diễn ra với ý thức rằng không có loài nào, hay bên nào tham gia một trò chơi, có thể tồn tại mà không có kẻ đối kháng tự nhiên của nó, kẻ thù dẫu yêu của nó, đối thủ không thể thiếu của nó. Bởi “yêu thương kẻ thù của các người” có nghĩa yêu họ vì họ là kẻ thù; đó không nhất thiết là một quỷ kế khôn ngoan để thu phục họ về phe ta. Con sư tử nằm xuống bên con cừu trên Thiên đường, nhưng trên Trái đất thì không - “Thiên đường” là tầng hầm, là hậu trường sân khấu, nơi mọi phe xung đột nhận ra sự tương thuộc của mình, và, nhờ hiểu biết này, họ có thể giữ cho các xung đột trong chừng mực. Nhận thức này thực sự là tinh thần thượng võ chính hiệu khi nhất thiết định ra

những giới hạn bên trong cho mọi cuộc chiến tranh dù với kẻ thù là con người hay không phải con người, vì tinh thần thượng võ là tinh thần phóng khoáng của chàng hiệp sĩ “đùa với tính mạng của mình”, bởi anh ta biết rằng ngay cả cuộc chiến sinh tử cũng là một cuộc chơi mà thôi.

Một khi đã bị lừa mà tin rằng mình chẳng là gì ngoài cái bản ngã của mình, hay mình chẳng là gì ngoài cái cơ thể cá nhân của mình, thì không ai có thể trở nên hào hiệp được, chứ chưa nói đến việc trở thành thành viên văn minh, nhạy cảm và thông minh của vũ trụ.

Nhưng để sống theo cách này, trò chơi-cuộc đời phải gạt bỏ những luật lệ tự mâu thuẫn. Đây không phải là kiểu phấn đấu nỗ lực về đạo đức, mà là một phương cách để thoát khỏi trò lừa bịp về sự phân ly. Do vậy, khi một trò chơi đặt ra cho người chơi một nhiệm vụ không chỉ khó khăn mà còn bất khả thi, nó sẽ nhanh chóng đi đến chỗ không đáng để chơi nữa. Chẳng tài nào tuân thủ luật chơi định tình thế tiến thoái lưỡng nan - tức là, luật chơi có hai phần loại trừ lẫn nhau. Không thể thúc ép ai đó vừa phải hành xử tự do vừa phải hành động độc lập. Thế nhưng toàn thể các nền văn hóa và văn minh đã tự làm mình mù mẫm đi vì sự trái khoáy này, và, vì không thể nhận ra sự tự mâu thuẫn, các thành viên trong đó suốt đời bị ám ảnh bởi ý nghĩ rằng sự tồn tại của cá thể là có vấn đề và gây khó chịu - một hình thái tự nhiên phải chịu đựng thất vọng triền miên. Ý thức bản ngã thực chất là điều khó chịu và chán ngán, không gì cho thấy điều đó rõ ràng bằng những câu nói mỗi ngày như: “Tôi cần phải thoát khỏi chính mình” hay “Anh nên tìm cái gì để lôi mình ra khỏi chính mình đi” hay “Tôi đọc để quên lãng mình đi.” Thật lảm nhảm! Do vậy mới có những kiểu cuồng tín, những thứ độc hại - về tôn giáo, chính trị, và tình dục, Đảng Quốc xã, Đảng Klan, Hell’s Angels^[66], Circus Maximus^[67], sức hấp dẫn ảm đạm của màn hình ti vi, những vụ thiêu sống

người bị nghi là phù thủy, Mickey Spillane^[68] và James Bond^[69], máy đánh bạc, trạng thái chệnh choáng hơi men, các phong trào chấn hưng tôn giáo, báo lá cải, và các băng nhóm tội phạm vị thành niên -tất cả là những phao cứu sinh và thuốc giảm đau cần thiết cho con người mà chính sự tồn tại của y được định nghĩa bằng những thuật ngữ tự mâu thuẫn và tự thất bại.

Cuối cùng, ván cờ sinh tử như người phương Tây vẫn đang “chơi” trong thế kỷ qua cần bớt nhấn mạnh tính thực dụng, kết quả, tiến bộ, và tính gây hấn. Đây là lý do tôi đang bàn về *ảo tưởng*, và tránh xa chủ đề bào chữa cho ảo tưởng trên phương diện những ứng dụng thực tiễn và hệ quả của nó. Dù nó có đúng với người Hoa và người Ấn đi nữa, cũng đã đến lúc *chúng ta* nhận ra rằng tương lai là một ảo vọng ngày càng lùi xa, và đã đến lúc chuyển hóa sinh lực tràn trề và kỹ năng công nghệ của ta sang trầm tư thay vì hành động. Bây giờ dù ta có bất đồng ý kiến với phép logic và phép ẩn dụ của Aristotle đến mấy thì ông vẫn phải được tôn trọng vì đã nhắc chúng ta rằng mục đích của hành động luôn là trầm tư - biết và sống chứ không phải tìm kiếm và trở thành gì đó.

Và như thế, ta chỉ đang ngốn ngấu sự sống của ta - nuốt chửng những kinh nghiệm chưa tiêu hóa càng nhanh càng tốt theo sức ta nhồi nhét được - vì nhận thức về sự tồn tại của chính ta hơi hợt và nông cạn đến nỗi dường như chẳng có gì làm ta chán hơn là sự tồn tại giản dị. Nếu tôi hỏi bạn hôm qua đã làm, thấy, nghe, ngửi, sờ, nếm gì, rất có thể tôi sẽ chẳng biết được gì hơn vài nét sơ sài về một số thứ bạn đã để ý, và chỉ là những thứ bạn cho là đáng nhớ. Không đáng ngạc nhiên sao khi một tồn tại được trải nghiệm như vậy lại có vẻ trống rỗng và tro trọi đến mức nỗi thèm khát một tương lai bất định của nó không thể thỏa mãn được? Nhưng hãy giả sử bạn có thể trả lời, “Tôi mà kể anh nghe thì chắc mãi không hết, mà tôi thì quá hứng thú với cái

đang xảy ra lúc này.” Khi một loài có những thứ châu báu tinh nhạy như đôi mắt, những nhạc cụ cuốn hút như đôi tai, và những đường lượn thần kinh kỳ diệu như não, thì làm sao nó lại có thể tự trải nghiệm mình không phải là thứ gì khác ngoài một vị thần? Và, khi bạn thấy rằng cơ thể cực kỳ tinh tế này là bất khả phân ly với những kiểu dạng còn lạ kỳ hơn nữa trong môi trường của nó - từ những thiết kế điện tinh vi nhất đến cả quần thể thiên hà - làm sao có thể nghĩ rằng hiện thân của toàn thể sự vĩnh cửu này lại có thể chán ngấy tồn tại?

SÁU nó

Cũng như cái hài đích thực là cười cợt chính ta, nhân đạo đích thực là hiểu chính ta. Các sinh vật khác có thể yêu thương và cười, trò chuyện và nghĩ, nhưng dường như cái riêng đặc biệt của con người là suy ngẫm: họ nghĩ về suy nghĩ và biết rằng mình biết. Điều này, như các hệ thống phản hồi khác, có thể dẫn đến những vòng luẩn quẩn và hoang mang nếu điều khiển không đúng cách, nhưng tự nhận thức làm cho kinh nghiệm con người cộng hưởng. Nó truyền đạt “tiếng vọng” đồng thời đó đến mọi điều ta nghĩ và cảm thấy như thùng đàn vĩ cầm dội lại âm thanh của dây đàn. Nó đem chiều sâu và âm lượng vào âm thanh, nếu không âm thanh sẽ hời hợt và nhạt nhẽo.

Tự biết dẫn đến thắc mắc, thắc mắc dẫn đến tò mò và tìm hiểu, để rồi chẳng có gì khiến con người quan tâm hơn là con người, dù chỉ là chính con người y. Mọi cá nhân thông minh đều muốn biết cái gì thôi thúc y, vì vậy nên cùng lúc y vừa say mê vừa thất vọng bởi trong mọi thứ thì chính y là thứ khó mà hiểu được nhất. Vì cơ thể người quả là cơ thể phức tạp nhất trong mọi cơ thể, và trong khi ta có lợi thế biết cơ thể của chính ta rất tường tận - từ bên trong - thì cũng có cái bất lợi là ta gần nó đến nỗi chẳng bao giờ có thể hiểu thấu nó. Không có gì tránh né được sự kiểm soát của ý thức như chính bản thân ý thức. Chính vì vậy mà nguồn gốc của ý thức đã được gọi một cách ngược đời là vô thức.

Những người mà chúng ta hay chê là quê mùa và cục mịch thực ra chỉ là

người cảm thấy loài người chẳng có gì hấp dẫn; nhân tính của họ chưa hoàn thiện, và họ chưa bao giờ ngạc nhiên về điều đó. Cũng có gì đó chưa toàn vẹn ở những kẻ chẳng thấy sự *tồn tại* hấp dẫn gì cả. Có thể anh sẽ nói rằng đây là một thành kiến nghề nghiệp của triết gia, cho rằng kẻ bất toàn là những kẻ không có cảm thức siêu hình. Nhưng bất kỳ ai có suy nghĩ chắc hẳn đều phải là triết gia - một triết gia giỏi hay dở - vì không thể suy nghĩ mà không có những tiền đề, không có giả định cơ bản (và theo nghĩa này là siêu hình) về cái gì là hợp lý, cái gì là một đời sống tốt, cái gì là đẹp, và cái gì là vui thú. Có những giả định như thế, một cách hữu thức hay vô thức, là có suy nghĩ triết lý. Kẻ tự nhận là kiểu người thực tiễn ra điều xem thường triết học vì có lắm ý niệm ba hoa, thì bản thân cũng là kẻ thực dụng chủ nghĩa hay một nhà thực chứng, mà lại là nhà thực chứng tồi nữa, vì y chẳng nghĩ ngợi gì về vị thế của mình.

Nếu cơ thể người hấp dẫn, môi trường đi kèm nó cũng hấp dẫn như vậy - chứ không chỉ là một tập hợp những sự vật và hiện tượng cụ thể. Hóa học, sinh học, địa chất học, và thiên văn học đặc biệt say mê các tiểu tiết trong môi trường chúng ta, nhưng siêu hình học thì say mê cái toàn thể. Tôi hầu như không thể nào hình dung ra một người nhạy cảm mà lại thiếu thắc mắc siêu hình; một người không có cái thôi thúc phi thường lại hỏi một câu mà không thể trình bày rõ ràng được. Nếu, như ta đang tranh luận, nguyên tử đích thực duy nhất - như de Chardin diễn tả - là vũ trụ, và thứ có thực duy nhất là mọi thứ, thế thì nó là cái gì vậy?

Hơn nữa, khi tôi vừa hỏi câu này, tôi lại phải chất vấn câu hỏi. Câu hỏi như vậy có thể có kiểu câu trả lời nào? Thông thường, ta trả lời câu hỏi “Nó là cái gì vậy?” bằng cách xếp sự vật hay hiện tượng đã định rõ vào một nhóm - thú vật, rau, hay khoáng chất, chất đặc, lỏng, hay khí, chạy, nhảy hay đi.

Những nhóm nào sẽ khớp cho *mọi* thứ? Cái gì có thể nói về mọi thứ? Định nghĩa là giới hạn, phân định ranh giới, so sánh và đối chiếu, và vì lý do này mà vũ trụ, cái toàn thể, dường như bất chấp định nghĩa. Lúc này, trí tuệ vấp phải một giới hạn tuyệt đối, và do vậy người ta có thể phản bác rằng hỏi một câu như vậy là lạm dụng đầu óc. Giống như chẳng ai tỉnh táo lại đi kiểm tin tức buổi sáng trong tờ diễn, không ai lại đi dùng việc nói và nghĩ để mà hiểu cái không thể nói ra và nghĩ ra. Vậy thì theo logic, câu hỏi “Mọi thứ là gì?” không có nghĩa, dù nghe nó có vẻ thâm thúy. Như Wittgenstein chỉ ra, những người hỏi những câu như thế có lẽ bị rối loạn trí năng, chứng này có thể chữa bằng liệu pháp triết học. “Triết lý”, như ông nói, là nghĩ về suy nghĩ sao cho ta có thể phân biệt được suy nghĩ đích thực với suy nghĩ nhầm nhứ.

Nhưng logic sắc sảo này không đánh tan được nỗi thôi thúc muốn biết cái gì tự biểu thị bản thân nó - dù có vụng về thế nào - trong câu hỏi trên. Như tôi đã nói ban đầu, thật kỳ quặc đến mức không tin được rằng mọi thứ đang xảy ra. Thế nhưng làm sao tôi có thể diễn đạt cảm giác này dưới dạng một câu hỏi hợp lý và có thể có một câu trả lời thỏa đáng? Vấn đề là, có lẽ, tôi không tìm kiếm một câu trả lời bằng *ngôn từ*, cũng như khi tôi muốn một cái hôn, tôi không muốn một mảnh giấy có ghi “nụ hôn”. Đúng hơn, thắc mắc siêu hình tìm kiếm một kinh nghiệm, một nhãn quan, một khám phá sẽ giải thích mà không cần dùng ngôn từ về lý do tại sao lại có vũ trụ, và vũ trụ là gì - cũng như hành động yêu đương giải thích tại sao ta là nam là nữ.

Thế thì, có thể nói rằng câu trả lời hay nhất cho câu “Mọi thứ là gì?” là “Nhìn đi rồi thấy!” Nhưng câu hỏi trên gần như luôn hàm chỉ một cuộc tìm kiếm cái gì đó *cơ bản* cho mọi thứ, tìm kiếm một sự thống nhất nền tảng mà suy nghĩ và cảm nhận bình thường của ta không thấu hiểu được. Tư tưởng và cảm nhận có tính phân tích và chọn lọc, và do vậy nó trình bày thế giới chỉ là

vô số sự vật và hiện tượng. Con người, tuy vậy, có một “bản năng siêu hình” mà cái vô số đó rõ ràng không thỏa mãn được.

Cái gì bảo đảm là năm giác quan kết hợp với nhau bao trùm toàn bộ lãnh nghiệm khả hữu? Chứng chỉ bao trùm kinh nghiệm thực tế của ta, hiểu biết của loài người chúng ta về dữ kiện và sự kiện. Có kẽ hở giữa các ngón tay; có khoảng trống giữa các giác quan. Trong các khoảng trống này là bóng tối che đi mối liên hệ giữa các sự vật... Bóng tối ấy là căn nguyên những sợ hãi và lo lắng vu vơ của ta, nhưng cũng là nơi trú ngụ của thần linh. Chỉ có các vị thần mới thấy những mối liên hệ, sự liên quan toàn thể của mọi thứ xảy ra; cái mà giờ đây đến với ta dưới dạng từng miếng từng mảnh, những “ngẫu nhiên” tồn tại chỉ trong đầu ta, trong tri giác hạn hẹp của ta^[70].

Do vậy, con người nhờ trực giác biết chắc rằng cái vô số toàn thể của các sự vật và hiện tượng là ở “trên” hay “trong” cái gì đó như hình phản chiếu trên gương, âm thanh trên màng loa, ánh sáng và màu sắc trong viên kim cương, hay lời và nhạc bài hát trong ca sĩ. Sở dĩ như vậy là vì bản thân con người là một cơ thể thống nhất, và rằng nếu các sự vật và hiện tượng mà ở “trên” bất cứ gì thì có nghĩa chúng ở trên hệ thần kinh của y. Vậy nhưng rõ ràng là có nhiều hệ thần kinh, vậy thì tất cả mọi hệ thần kinh ở trên cái gì? Trên nhau?

Cái bí ẩn đó được gọi là Thượng đế, Tuyệt đối, Thiên nhiên, Thực thể, Năng lượng, Không gian, Ête, Tâm, Hiện hữu, Hư vô, Vô hạn - tên gọi và ý niệm mà tính phổ biến và khả kính dịch chuyển theo làn gió thời trang trí tuệ, làn gió xem vũ trụ là thông minh hoặc ngu dốt, siêu người hay dưới người, cụ thể hay mơ hồ. Tất cả chúng có thể bị gạt bỏ như những tiếng ồn vô nghĩa

nếu ý niệm về một Bản thể hay Hiện hữu nền tảng chẳng qua chỉ là sản phẩm của suy đoán trí tuệ. Nhưng những tên gọi này thường được dùng để chỉ rõ nội dung của kinh nghiệm sống động và rất cụ thể trong cảm thụ - một kinh nghiệm “thống nhất” về sự huyền bí, với những biến thể mà ta bắt gặp trong hầu hết mọi nền văn hóa ở mọi thời. Kinh nghiệm này là ý thức về bản ngã đã biến đổi mà tôi đã bàn đến ở chương trước, dù bằng thuật ngữ “tự nhiên chủ nghĩa”, đã lọc sạch mọi câu úm ba la về tâm, linh hồn, tinh thần, và các từ ngữ trí tuệ rườm rà khác.

Bất chấp tính phổ quát của cảm nghiệm này và sự xuất hiện thường xuyên thật ấn tượng luôn được miêu tả theo cách thức giống nhau^[71], những tuýp người đầu óc cứng rắn xem nó là chứng ảo giác tái hồi thông thường với các triệu chứng điển hình, kiểu như hoang tưởng, chẳng thêm gì vào kho thông tin của ta về vũ trụ vật chất. Họ biện hộ rằng, giống như ta chẳng thể nói gì về mọi thứ, người ta cũng không thể cảm thấy hay trải nghiệm về tất cả mọi thứ. Vì mọi giác quan của ta mang tính chọn lọc. Ta trải nghiệm bằng sự tương phản cũng như ta suy nghĩ bằng sự tương phản. Trải nghiệm cái gì đó ẩn dưới *mọi* kinh nghiệm do vậy sẽ giống như nhìn thấy chính sự nhìn, như cái gì đó chung cho mọi thứ được nhìn thấy. Dưới màu sắc nào, hình thù nào - không phải là mọi màu sắc và hình thù tương phản nhau - mà ta có thể nhìn thấy chính sự nhìn?

Vậy nhưng siêu hình học, như triết học nói chung, không phải là cái gì đó có thể đơn giản chữa trị hay bỏ đi, như thể nó là một căn bệnh *trí tuệ*. Các triết gia chống siêu hình học mạnh mẽ nhất, thực ra, có một siêu hình học ngầm của riêng họ, lẫn khuất phía sau sự khẳng định rằng mọi kinh nghiệm và mọi hiểu biết phải chia thành các nhóm, và có những tương phản và tương đồng giữa chúng. Nói một cách đơn giản nhất, chúng sẽ cho phép tôi biết và

nói một cách hợp lý về cái gì đó trắng, vì tôi biết trắng thông qua sự tương phản với đen, và thông qua so sánh với đỏ, cam, vàng, lục, lam, chàm và tím. Chúng sẽ cho phép những câu phát biểu có nghĩa về chó và mèo, vì chúng là hữu cơ khác với vô cơ, là loài có vú khác với loài có túi, và tuy có vẻ bông đùa, chúng đã vạch rõ ranh giới phân biệt chúng với toàn thể thế giới không phải chó và không phải mèo.

Nhưng giả định nền tảng cho rằng toàn bộ sự hiểu biết đều liên quan đến những tương phản, thì cũng siêu hình như bản thân giả định. Nói cách khác: “Toàn bộ tri thức là sự nhận biết những mối quan hệ hỗ tương giữa kinh nghiệm giác quan và/hoặc các sự vật - hiện tượng.” Điều này rất gần với một phát biểu ý nghĩa về mọi vật. “Mọi vật được biết nhờ những dị biệt và tương đồng giữa chúng.” Bị đẩy về luận điểm này, một kẻ chống siêu hình học có thể được đưa đến một tầng siêu hình học còn sâu hơn nữa, dù có la hét phản đối.

Phải thừa nhận rằng phát biểu “Mọi thứ đều là năng lượng” không chuyển tải nhiều thông tin hơn “Mọi thứ là mọi thứ”. Để mô tả năng lượng, ta phải phân biệt nó với thứ không phải năng lượng, hay với khối lượng, và do vậy nếu “mọi thứ” bao gồm cả thứ không phải năng lượng - như khối lượng, không gian, hay bất cứ gì - thì sẽ không chỉ thiếu thông tin mà còn vô nghĩa khi nói rằng mọi thứ là năng lượng. Vậy thì, nếu ta cứ khẳng khẳng rằng năng lượng chỉ có thể được biết và mô tả nhờ sự tương phản với thứ không phải năng lượng, thì điều này cũng na ná như nói rằng năng lượng (hay chuyển động) được thể hiện ra - hay nói đơn giản là tồn tại - chỉ bởi nó tương phản với cái gì đó khá trơ ỉ. Nhưng trong sự tình này, năng lượng phụ thuộc vào cái trơ để mà năng động, và cái trơ phụ thuộc vào cái năng động để mà trơ. Tính tương đối, hay sự tương thuộc này của hai thứ cũng gần với

sự thống nhất siêu hình làm nền tảng cho các dị biệt như mong muốn của bất cứ ai.

Nhiều lúc tôi nghĩ rằng mọi bất đồng triết học có thể rút gọn thành một cuộc tranh luận giữa những người ủng hộ “nhọn” và những người ủng hộ “nhão”. Phe nhọn có đầu óc cứng rắn, mạnh mẽ, chính xác, thích nhấn mạnh sự khác biệt và phân chia giữa các vật. Họ thích hạt hơn sóng, gián đoạn hơn liên tục. Phe nhão là những người lãng mạn chủ nghĩa, đầu óc nhu hòa, thích những khái quát hóa rộng và những tổng hợp lớn lao. Họ nhấn mạnh những sự thống nhất nền tảng, và thiên về thuyết phiếm thần và huyền bí. Với họ, sóng chứ không phải hạt, mới là những yếu tố căn bản cấu tạo nên vật chất, và sự gián đoạn làm họ nghiêng rằng treo treo như cái khoan khí nén. Các triết gia nhọn thấy đám triết gia nhão khá gớm ghiếc - những tay mơ mộng vô kỷ luật, mơ hồ trượt lên trên những sự thật rành rành như một chất sền sệt có trí năng đe dọa nuốt chửng cả vũ trụ vào một “thể liên lục thẩm mỹ vô định hình” (sự nhả nhận của giáo sư F.S.C. Northrop^[72]). Còn các triết gia nhão xem các đồng nghiệp nhọn là những bộ xương hoạt hình kêu lách cách lạch cách không có da thịt hay khí huyết gì cả, như đồng máy móc khô cằn và bị hút sạch chẳng còn tâm cảm. Bên nào cũng sẽ loay hoay tuyệt vọng nếu không có bên kia, vì sẽ chẳng còn gì để tranh cãi nữa, sẽ chẳng ai biết vị trí của mình là gì, và toàn thể diễn trình triết học sẽ đi đến hồi kết.

Như thực tế trong giới triết học kinh viện giờ đây cho thấy, phe nhọn đã trội hơn ở cả Anh và Mỹ trong vài năm. Với thiên hướng phân tích ngôn ngữ, logic toán học, và chủ nghĩa kinh nghiệm khoa học, họ xếp triết học ngang hàng với thuật thần bí của khoa học, bắt đầu biến thư viện hay chốn ẩn dật nơi núi rừng của triết gia thành cái gì đó gần hơn với phòng thí nghiệm, và, như William Earle^[73] nói, họ sẽ mặc áo choàng trắng đến làm việc nếu

họ nghĩ có thể làm vậy mà được yên thân. Tạp chí chuyên môn giờ cũng khó đọc như các chuyên luận về vật lý toán học, và các vấn đề đang tranh cãi cũng li ti như bất kỳ vi sinh vật nào dưới ánh hiển vi của nhà sinh học. Nhưng chiến thắng áp đảo của họ đối với phe nhào đã gần như thủ tiêu triết học với tư cách một môn học, vì ta sắp thấy cái ngày mà mọi khoa triết học sẽ đóng cửa văn phòng và chuyển những thành viên còn lại trong khoa đến các khoa toán học hay ngôn ngữ học.

Về mặt lịch sử, đây có lẽ là điểm dao động cao nhất của con lắc trí thức, thứ đã đưa Mô hình Tự động Hoàn toàn của vũ trụ, của thời đại phân tích và chuyên môn hóa lên thành một, khi ta không còn thấy vũ trụ dưới dạng một phức hợp đầy ắp chi tiết^[74]. Nhưng bằng một quá trình mà C. G. Jung gọi là “enantiodromia”,^[75] đạt đến cực điểm nào cũng là nơi nó bắt đầu biến thành cái đối lập với chính nó - một quá trình có thể âm ỉ và lặp đi lặp lại mà không nhận ra rằng các mặt đối lập là cực, và rằng các cực cần có nhau. Sẽ không có nhọn nếu không có nhão, không có nhão mà không có nhọn.

Trong triết học, để đi đến cái đích nào đó, mà không phải là đi tới đi lui, đi lòng vòng, ta phải có một tri giác nhạy bén về *cái nhìn tương quan*. Đây là một thuật ngữ kỹ thuật để chỉ sự hiểu biết thấu đáo Trò Chơi Đen Trắng, nhờ đó ta sẽ thấy mọi phe đối lập rành rành lại là những đồng minh ngầm - tương quan theo nghĩa là chúng “đi liền” và không thể tồn tại riêng lẻ. Điều này không phải là sự thâm thấu đầy ám khí những khác biệt vào một thể liên tục chất nhão căn bản, mà là sự thống nhất siêu hình làm nền tảng cho thế giới. Sự thống nhất này không đơn thuần là cái duy nhất đối lập với cái vô số, vì bản thân hai thuật ngữ này là cực. Do vậy, tính hợp nhất, hay bất khả phân, của một và nhiều được nói đến trong triết học Vệ Đà là “bất nhị” (*advaita*) để phân biệt nó với cái đồng nhất đơn giản. Đúng, thuật ngữ này có mặt đối

lập của nó, “nhị nguyên”, vì chừng nào mỗi thuật ngữ còn chỉ rõ một loại, một ngăn trí tuệ riêng, thì mỗi loại đều có một cái bên ngoài phân cực với cái bên trong của nó. Vì lý do đó, nói rằng ngôn ngữ có thể vượt lên trên nhị nguyên không khác gì nói bức tranh hay tấm ảnh trên một mặt phẳng có thể vượt quá không gian hai chiều. Thế nhưng bằng quy ước phối cảnh, một số đường hai chiều chạy xiên về một “điểm ảo” được dùng để biểu thị chiều thứ ba là chiều sâu. Cũng theo một cách tương tự, thuật ngữ nhị nguyên “bất nhị” được dùng để biểu thị “chiều” trong đó các khác biệt hiển nhiên có sự thống nhất tiềm ẩn.

Thoạt đầu chẳng dễ duy trì cái nhìn tương quan. *Upanishad* mô tả nó là con đường lưỡi dao cạo, một hành động thăng bằng trên lưỡi dao sắc nhất và mảnh nhất. Vì cái nhìn bình thường không thấy được gì “ở giữa” các nhóm và các mặt đối lập. Sự sống là một chuỗi những lựa chọn cấp bách đòi hỏi sự cam kết bền vững với cái này hay cái kia. Vật chất giống cái gì đó cũng như chính bản thân cái đó, còn không gian thì giống hư vô cũng như chính bản thân hư vô. Chiều chung nào giữa chúng xem ra cũng không thể hiểu được, trừ phi nó chính là ý thức hay tâm trí ta, cái này không nghi ngờ gì thuộc về phe vật chất - mãi mãi bị cái hư vô đe dọa. Thế nhưng, thay đổi góc nhìn chút xíu, chẳng có gì hiển nhiên bằng sự tương thuộc giữa các mặt đối lập. Nhưng ai có thể tin điều đó?

Có thể chẳng chính tôi, sự tồn tại của tôi, *chứa đựng* hiện hữu và hư vô đến nỗi cái chết chỉ là quãng “tắt” trong một dao động bật/tắt hẳn là vĩnh cửu - vì mọi sự luân phiên trong dao động này (ví dụ, sự vắng mặt) đồng thời cũng hàm ý sự có mặt? Vậy thì, liệu có thể quan niệm được rằng tôi về cơ bản là một tồn tại bất diệt mà trong một thời điểm nào đó, vì đã đánh đồng toàn thể mình với cái nửa này của mình, nên bị cái nửa kia làm cho khiếp sợ

một cách vô ích? Nếu phải chọn lựa hoặc trắng hoặc đen, liệu tôi có phải gán bó một lòng với bên trắng đến độ tôi không thể là một anh chàng dễ tính và chơi cho ra chơi Trò Đen Trắng, ngầm biết rằng chẳng bên nào có thể thắng? Hay là mọi thứ này đang tung hứng với những mối tương quan hình thức giữa từ và thuật ngữ mà không dính dáng gì đến hoàn cảnh thực tế của tôi?

Để trả lời khẳng định câu hỏi cuối này, lẽ ra tôi phải tin rằng logic của tư tưởng là hoàn toàn tùy tiện - rằng nó thực sự chỉ là một phát minh của con người mà không có cơ sở nào trong vũ trụ vật chất. Mặc dù như tôi đã chỉ ra, đúng là chúng ta phóng chiếu những khuôn mẫu hợp lý (lưới, đường kẻ ô, và cái loại phép tính khác) lên một thế giới vật chất lộn sòng - là điều có thể gây hoang mang nếu ta không nhận ra cái ta đang làm - nhưng những khuôn mẫu này không từ *bên ngoài* thế giới mà tới. Chúng có gì đó dính dáng tới kiểu dạng hệ thần kinh người, là thứ chắc chắn ở trong và thuộc về thế giới. Hơn nữa, tôi đã chỉ ra là lối suy nghĩ theo kiểu tương quan về mối liên hệ giữa sinh vật với môi trường tỏ ra phù hợp với các khoa học tự nhiên hơn là các ý niệm thịnh hành và cố lỗ của chúng ta về bản ngã như cái gì đó đối đầu với một thế giới tách biệt và xa lạ. Để cắt đứt những mối liên hệ giữa logic con người và vũ trụ vật chất, có lẽ tôi phải trở lại câu chuyện thần thoại bản ngã là một kẻ quan sát tách biệt và độc lập, mà với y, phần còn lại của thế giới hoàn toàn là ở bên ngoài và “khác”. Thần kinh học hay sinh vật học hay xã hội học đều không tán thành điều này.

Trái lại, nếu cái tôi và tha nhân, chủ thể và khách thể, sinh vật và môi trường là các cực của một quá trình duy nhất thì ĐÓ là tồn tại đích thực của tôi. Như *Upanishad* nói, “Đó là Ngã. Đó là thực hữu. Đó là người!” Nhưng tôi không thể nghĩ hay bàn gì về ĐÓ, hay, như tôi bây giờ sẽ gọi là NÓ, trừ phi tôi nhờ đến quy ước dùng ngôn ngữ nhị nguyên như những đường phối

cảnh được dùng để chỉ chiều sâu trên một mặt phẳng. Cái nằm ngoài các mặt đối lập, nếu có, phải được bàn theo các mặt đối lập, và điều này có nghĩa là phải dùng ngôn ngữ so sánh, ẩn dụ, và thần thoại.

Cái khó không chỉ là ngôn ngữ có tính nhị nguyên, chừng nào từ ngữ còn là những cái nhãn để chỉ các nhóm loại trừ lẫn nhau. Vấn đề ở chỗ NÓ là chính tôi nhiều hơn tôi tưởng, cốt yếu và cơ bản đối với sự tồn tại của tôi, đến độ tôi không thể biến nó thành khách thể. Chẳng làm sao mà đứng ngoài NÓ được, và, thực ra, không cần phải làm thế. Vì chừng nào tôi còn đang cố hiểu thấu NÓ tức là tôi còn đang ngụ ý rằng NÓ không thực sự là tôi. Nếu điều đó là có thể thì tôi đang đánh mất cảm thức về nó khi cố gắng tìm ra nó. Đây là lý do mà những ai thực sự biết mình là NÓ đều luôn nói rằng họ không hiểu nó, vì NÓ hiểu cái hiểu - không phải ngược lại. Người ta không thể, và không cần, đi sâu hơn cái sâu!

Nhưng không nên nhầm, như thường xảy ra, giữa thực tế là NÓ vượt ra ngoài mọi mô tả, với sự mô tả NÓ như những ý niệm trừu tượng hư ảo nhất trong mọi ý niệm trừu tượng, như một thể liên tục trong suốt theo nghĩa đen hay đông sương vũ trụ vô định hình. Hình ảnh cụ thể nhất của Chúa Cha, với chòm râu bạc và khoác kim bào, thì hay hơn thế. Nhưng các nhà nghiên cứu phương Tây nghiên cứu triết học và tôn giáo phương Đông cứ một hai buộc tội tín đồ Ấn giáo và Phật giáo là tin vào một Thượng đế sền sệt không đường nét, chỉ vì các tín đồ này cứ khẳng khẳng rằng mọi ý niệm hay hình ảnh khách quan về NÓ đều là hư vô. Nhưng thuật ngữ “hư vô” dùng cho mọi ý niệm như vậy, chứ không phải cho NÓ.

Thế nhưng khi nói và nghĩ về NÓ, chẳng có cách nào khác để khỏi phải sử dụng những ý niệm và hình ảnh, và chuyện đó cũng chẳng hại gì miễn là ta nhận ra cái mình đang làm. Tôn thờ thần tượng không phải là sử dụng hình

tượng, mà là nhằm nó với cái nó thể hiện, và về mặt này thì những hình ảnh trong đầu và những sự trừu tượng cao quý có thể còn xảo quyết hơn những thần tượng bằng đồng.

Anh có lẽ được nuôi dạy trong nền văn hóa mà hình ảnh ngự trị về NÓ hàng thế kỷ là Chúa Cha, đại từ nhân xưng là Ngài, vì NÓ thì có vẻ quá phi nhân cách còn Bà thì, tất nhiên, sẽ thấp kém hơn. Hình ảnh này liệu có còn hiệu lực không, như một thần thoại hữu ích có thể đem lại sự nhất trí nào đó về sự sống và ý nghĩa của sự sống cho mọi dân tộc và nền văn hóa đa dạng trên hành tinh này?

Nói thẳng ra, hình ảnh Chúa Cha đã trở nên lỗi bịch - tức là, trừ phi ta đọc thánh Thomas Aquinas, Martin Buber hay Paul Tillich, và nhận ra ta có thể là một tín đồ Do Thái giáo hay Cơ Đốc giáo sùng mộ mà không phải tin vào Cha Vũ trụ. Ngay cả khi ấy cũng khó mà không cảm thấy mãnh lực của hình ảnh, vì hình ảnh ảnh hưởng đến cảm xúc của ta sâu xa hơn khái niệm. Là một tín đồ Cơ Đốc giáo ngoan đạo, anh sẽ ngày ngày cầu nguyện câu này, “Lạy Cha chúng con ở trên trời,” và thế là cuối cùng nó sẽ thuyết phục được ta: trong tâm cảm ta gắn bó với NÓ như với một người cha lý tưởng - là đàn ông, đảm đảm yêu thương nhưng nghiêm nghị, và là một hiện hữu có nhân cách hoàn toàn không phải là ta. Rõ ràng, ta không phải Thượng đế chừng nào ta còn xem mình là một bản ngã tách biệt, nhưng khi ta nhận ra rằng hình thức nhân dạng này chẳng qua chỉ là một thiết chế xã hội, và đã không còn là một trò chơi-sự sống hữu dụng nữa, sự phân chia tách bạch bản thân ta với thực tại nền tảng sẽ không còn thích hợp.

Hơn nữa, những người trẻ trong xã hội chúng ta đã từng có thời gian nổi loạn chống lại uy quyền người cha và nhà nước phụ hệ. Vì một lý do, nhà ở trong xã hội công nghiệp chủ yếu là nơi để ngủ, và người cha không làm việc

nhà, kết quả là vợ con không góp phần gì trong sự nghiệp của ông. Ông chỉ là một nhân vật đem lại tiền bạc, và sau giờ làm thì cần phải quên công việc đi mà vui chơi. Tiểu thuyết, tạp chí, truyền hình, và phim hoạt hình đại chúng do vậy khắc họa “Cha” là một anh hề vụng về chẳng được việc gì. Và hình ảnh này cũng có phần đúng vì Cha đã bị mắc lừa bởi trò bịp rằng công việc chỉ là cái gì đó ta làm để kiếm tiền, và bằng tiền ta có thể mua được bất cứ gì ta muốn.

Chắc bởi lý do này mà ngày càng có nhiều sinh viên đại học chẳng mong dự phần vào thế giới của Cha, và sẽ làm bất cứ gì để tránh cuộc cạnh tranh khốc liệt của nhân viên bán hàng, người làm công ăn lương, thư ký, và giám đốc điều hành tập đoàn. Cả những chuyên gia nữa - kiến trúc sư, bác sĩ, luật sư, bộ trưởng, giáo sư - cũng có văn phòng xa nhà, và bởi nhu cầu của gia đình họ càng lúc càng tụ vào chuyện tiền bạc, nên ngay cả sự nghiệp chuyên môn, với họ, giờ đây cũng chỉ là cách kiếm tiền. Tất cả những chuyện này càng trở nên trầm trọng hơn bởi thực tế là cha mẹ không còn giáo dục con cái nữa. Do vậy, đứa trẻ lớn lên mà không hiểu biết hay mê say công việc của cha mình. Thay vì vậy, nó được cho đi học ở một trường thiếu thốn nhân viên, chủ yếu do phụ nữ điều hành, và trong hoàn cảnh ấy, chỉ có thể phân phát thứ giáo dục sản xuất hàng loạt, chuẩn bị cho trẻ mọi thứ nhưng thực ra chẳng có gì. Nó chẳng có mối liên hệ nào với nghề nghiệp của cha đứa trẻ.

Cùng với việc làm giảm giá trị người cha, chúng ta đang dần quen với ý niệm về vũ trụ huyền bí và ấn tượng đến mức ngay cả hình ảnh cha hay nhất cũng không còn đủ để giải thích về cái gì làm cho vũ trụ hoạt động. Nhưng bây giờ vấn đề sẽ là ta không thể nào quan niệm được một hình ảnh cao hơn hình ảnh con người. Ít ai trong chúng ta từng được gặp thiên thần, và nếu có gặp đi nữa thì có lẽ cũng không nhận ra, và hình ảnh ta nghĩ về một Thượng

để phi nhân cách hay siêu nhân cách thì thấp hơn con người đến mức tuyệt vọng – đông sương, ánh sáng không đường nét, không gian đồng chất, hay một cú sốc điện cực mạnh. Tuy nhiên, hình ảnh của ta về con người đang thay đổi khi chúng ta ngày càng nhận rõ, con người không đơn thuần và chỉ là cơ thể vật chất. Thân tôi còn là toàn thể môi trường của tôi, và cái này phải được đo lường bằng hàng tỉ năm ánh sáng.

Cho đến nay các thi sĩ và triết gia khoa học đã dùng khoảng thời gian bao la và sự trường tồn của vũ trụ làm cái cớ để ngẫm suy về sự nhỏ bé của con người, quên rằng con người với “cái bóng to lớn cuốn hút, bộ não” chính là cái đã chuyển hóa xung động điện bao la này thành ánh sáng và màu sắc, hình dạng và âm thanh, lớn và nhỏ, cứng và nặng, dài và ngắn. Khi nhận thức về thế giới mà ta nhân hóa nó, và cũng như khi ta phát hiện ra nó, nếu ta có sẵn sò trước quy mô và tính phức tạp của nó, ta cũng nên sẵn sò rằng ta có bộ não để nhận biết nó.

Tuy nhiên, cho đến nay chúng ta vẫn tiếp tục được dạy rằng ta không thực sự chịu trách nhiệm về bộ não của ta. Ta không biết (dưới dạng từ ngữ hay con số) não được làm nên như thế nào, và do vậy dường như não và cơ thể nói chung là một phương tiện tài tình “được trao” cho ta, hay một mê hồn trận kỳ lạ mà ta tạm thời mắc kẹt trong đó. Nói cách khác, chúng ta đã chấp nhận một định nghĩa về bản thân theo kiểu giam hãm cái tôi trong nguồn ý thức và những giới hạn của sự chú ý hữu thức. Định nghĩa này thiếu sót một cách thảm hại, vì thật ra ta biết cách nuôi não và mắt, tai và ngón tay, tim và xương, cũng giống hệt như cách ta biết đi và thở, nói và nghĩ - chỉ có điều ta không thể diễn đạt nó thành lời. Ngôn từ chậm chạp và vụng về quá không mô tả được những thứ như vậy, còn sự chú ý hữu thức thì hạn hẹp quá, không theo dõi được mọi chi tiết của chúng.

Vì vậy mới thường có chuyện khi anh khen một cô gái là cô nàng đẹp, nàng ta sẽ nói, “Này, đúng là đàn ông chỉ có mỗi thế! Đàn ông các anh chỉ biết có mỗi thân hình. OK, tôi đẹp, nhưng tôi có được tấm thân này từ cha mẹ tôi và đó chỉ là may mắn thôi. Tôi thích được ngưỡng mộ vì chính tôi hơn, không phải cái xác tôi.” Anh chàng bé bỏng tội nghiệp! Nàng chỉ đang muốn nói là nàng đã mất liên lạc với sự sáng suốt và tài tình kỳ lạ của nàng rồi, và muốn được trầm trồ vì vài mảnh khoe vụn vặt mà nàng có thể phô bày bằng hữu thức. Và chúng ta ai cũng ở trong tình cảnh như thế, đã tách ta ra khỏi thân mình và khỏi toàn bộ mạng lưới các nguồn mà từ đó thân thể có thể sinh ra và sống.

Thế nhưng ta vẫn có thể khơi dậy ý thức rằng tất cả những điều này cũng là cái tôi, nhưng là một cái tôi vượt xa hình ảnh về bản ngã, hay hình ảnh về thân người bị giới hạn trong lớp da. Bây giờ nhìn đâu ta cũng sẽ thấy Ngã, và hình ảnh của nó là vũ trụ trong ánh sáng của nó và trong bóng tối của nó, trong những thân thể của nó và trong những khoảng không của nó. Đây là hình ảnh mới về con người, nhưng nó vẫn là một hình ảnh. Vì những từ nhị nguyên như “sau”, “dưới”, “bao trùm”, và “trung tâm” vẫn còn được dùng cho toàn bộ cái NÓ không thể tưởng tượng ra được, nó tự phân cực trong những tương phản nhìn thấy được giữa sáng và hõm sáng, vật rắn và không gian. Nhưng điều kỳ quặc là NÓ này, dù không thể tưởng tượng ra được, cũng không phải là ý niệm trừu tượng nhạt nhẽo: nó rất đơn giản và đích thực là anh.

Theo lời của một thiền sư Trung Hoa, “Chẳng gì còn lại cho ta phút này ngoài một tiếng cười thật sáng khoái!” Như James Broughton^[76] diễn đạt:

Đây là Nó

và Tôi là Nó
và Anh là Nó
và vì vậy là Đó
và y là Nó
và Nàng là Nó
và Nó là Nó
và Đó là Đó.^[77]

Khả năng hài hước đích thực là biết cười cái Ngã của ta - cười *Thần khúc*, sự lừa mị tuyệt vời, nhờ đó mà ta bắt đầu hình dung rằng một sinh vật đang ở *trong* sự tồn tại cũng không có nghĩa là *thuộc về* tồn tại, rằng thứ con người là cũng không phải thứ mà mọi thứ là. Ta luôn “biết điều đó từ trong xương tủy” nhưng sự chú tâm hữu thức, do bị sao nhãng bởi những chi tiết và sai biệt, không thể phân biệt cái toàn thể với các bộ phận.

Mưu mẹo chủ yếu trong sự lừa mị này, dĩ nhiên, là cái chết. Hãy xem cái chết là kết thúc vĩnh viễn của ý thức, là nơi ta và tri thức của ta về vũ trụ đơn giản là dừng lại, và là nơi ta trở nên như thể chưa hề tồn tại. Hãy xem xét cái chết ở một tầm mức rộng lớn hơn nhiều - sự tận diệt của vũ trụ, lúc mà mọi năng lượng đều cạn, lúc mà theo một số nhà vũ trụ học, vụ nổ đã ném các thiên hà vào không gian vũ trụ, rồi nó mờ dần đi như pháo sáng. Sẽ như thế nó chưa hề xảy ra, điều này dĩ nhiên, là hiện trạng của mọi thứ trước khi nó xảy ra. Tương tự như vậy, khi ta chết, ta sẽ như ta trước khi được hoài thai. Nên - đã có một chớp lóe, một chớp lóe ý thức hay một chớp sáng thiên hà. Nó đã xảy ra. Ngay cả khi chẳng còn lại ai để mà nhớ.

Nhưng nếu, khi nó đã xảy ra rồi biến mất, mọi sự hết như trước khi nó bắt đầu (bao gồm khả năng là sẽ không có sự vật nữa), thì nó có thể xảy ra

lại. Tại sao không? Tuy nhiên, tôi có thể giả sử rằng sau khi nó xảy ra thì mọi sự không còn như trước nữa. Năng lượng có mặt trước vụ nổ, nhưng sau vụ nổ đã cạn dần, không còn năng lượng nữa. Vì mãi mãi năng lượng là tiềm tàng. Rồi nó nổ bùng, và thế là hết. Chắc có thể tưởng tượng rằng cái vẫn luôn tồn tại đâm chán bản thân nó rồi, nó nổ bùng lên, rồi dừng. Nhưng chuyện này làm tôi thấy khó hình dung hơn ý niệm rằng những ánh chớp này theo chu kỳ và có tiết tấu. Chúng có thể tiếp tục đi tới, hay đi lòng vòng: chuyện đó cũng chẳng khác gì mấy. Hơn nữa, nếu năng lượng tiềm tàng vẫn *luôn* tồn tại trước vụ nổ thì tôi thấy khó nghĩ ra được đến một lúc riêng biệt, cụ thể nào nó phải dừng. Cái gì có thể là phân nửa bất tận? Tức là, một quá trình không có sinh khởi thì có thể nào tận diệt không?

Thế nên, tôi giả định rằng bằng cái chết của chính mình, tôi sẽ quên mình đã là ai, cũng như sự chú tâm hữu thức của tôi không thể nhớ lại, nếu nó có từng biết, cách hình thành tế bào não và kiểu tĩnh mạch. Trí nhớ có ý thức góp phần rất nhỏ trong tồn tại sinh học của ta. Do vậy, giống như cảm nhận của tôi về “cái tôi”, về trạng thái đang sống, vốn đã từng thành hình mà không cần đến ký ức hay mục đích, nó cũng sẽ xuất hiện lặp đi lặp lại, như Ngã “trung tâm” - NÓ - xuất hiện như hoàn cảnh cái tôi/kẻ khác trong vô vàn kiểu dao động - luôn là một và luôn là mới, một cái ở đây ở giữa cái ở đó, một cái lúc này ở giữa lúc ấy, và một cái một ở giữa cái nhiều. Và nếu tôi quên mình đã ở đây biết bao lần rồi, và trong biết bao hình hài, cái quên này là quầng bóng tối cần thiết giữa mỗi dao động ánh sáng. Tôi trở lại trong mỗi đứa bé sinh ra.

Thực sự thì, chúng ta đã biết điều đó rồi. Khi người ta chết đi, trẻ em chào đời - và, trừ phi chúng là người máy, nếu không thì mỗi đứa trẻ, cũng như chúng ta đã từng, là cái kinh nghiệm “tôi” lần nữa ra đời. Các điều kiện

di truyền và môi trường khác đi, nhưng mỗi đứa bé ấy là hiện thân của cùng một kinh nghiệm - là trung tâm của một thế giới “khác”. Mỗi bé sơ sinh chào đời như tôi đã ra đời, không có ký ức nào về quá khứ. Do vậy, khi tôi đã ra đời thì không thể nào còn kinh nghiệm, hay không còn trải qua, trạng thái “đã từng” bất diệt. Chân không lại được lấp đầy và cảm giác về tôi lại xuất hiện như trước đây đã từng xuất hiện, dù cho cái quãng dừng là mười giây hay hàng tỉ năm cũng như nhau. Trong vô thức mọi thời gian đều là một khoảnh khắc ngắn ngủi.

Điều này rất hiển nhiên, nhưng thứ che mắt ta, khiến ta không thấy được nó là câu chuyện hoang đường đã ăn sâu và áp đặt rằng “tôi” bước vào thế giới này, hay bị ném ra khỏi nó, theo cách thức sao cho không có mối liên hệ cơ bản nào với thế giới. Do vậy, ta không dám tin vũ trụ lặp lại điều nó đã làm - tức là chính bản thân “tôi” hết lần này đến lần khác. Ta thấy vũ trụ như một sân khấu vĩnh cửu trong đó cá nhân chỉ là một người lạ tạm thời - một vị khách không phụ thuộc vào vũ trụ - vì tia ý thức hạn hẹp không chiếu được lên chính cội nguồn của nó. Khi nhìn ra thế giới, ta quên rằng thế giới đang tự nhìn nó - qua đôi mắt của ta và của NÓ.

Giờ thì anh đã biết - dù cần có chút thời gian thì anh mới có phản ứng và cảm nhận hết tác động. Có thể không dễ hồi tỉnh sau bao thế hệ ông bố vẫn đánh quỵ đàn con, như quân cờ domino, và nói rằng “Đừng cả gan có cái ý nghĩ đó! Mi chỉ là một thằng oắt hãnh tiến, chỉ là một sinh vật, mi nên biết thân biết phận đi thì hơn.” Ngược lại, anh là NÓ. Nhưng có lẽ các ông bố chỉ đang nói với con cái một cách không chủ tâm là NÓ đang diễn NÓ một cách điềm tĩnh. Anh không diễn (tức là, trên sân khấu) như NÓ được vì anh thực sự là NÓ, và mục đích của sân khấu là phô diễn, không phải phô bày. Lên

sân khấu như NÓ - đóng vai Thượng đế - là đóng Ngã như một vai, mà vai ấy không phải là nó. Khi NÓ đóng vai, nó đóng vai tất cả mọi thứ khác.

CHÚ THÍCH

[1] Nguyên gốc là “one-upmanship”, hành động theo hệ thống và có ý thức hòng khiến đối phương cảm thấy kém cỏi, để chủ thể hành động có được vị trí đứng trên. Thuật ngữ này bắt nguồn từ tác giả người Anh Stephen Potter.

[2] Ludwig Josef Johann Wittgenstein (1889-1951): triết gia người Áo, có đóng góp quan trọng trong triết học phân tích và logic ngôn ngữ.

[3] “Tôi không tin chúng ta có thể nhận được cái gì thực sự đáng giá từ cuộc thám hiểm đổng đất đá cấu thành bề mặt Mặt trăng... Không nên nghĩ rằng, ngân sách khổng lồ của NASA chứng tỏ rằng ngày nay thiên văn học đã được hỗ trợ đầy đủ.” Fred Hoyle, *Galaxies, Nuclei, and Quasars (Các thiên hà, hạt nhân và chuẩn tinh)*. Harper & Row, New York, 1965. (TG).

[4] Một tôn giáo có niềm tin dựa trên Thánh Kinh Cơ Đốc giáo, không công nhận giáo lý Chúa Ba Ngôi và chỉ thờ phụng một Đức Chúa Trời với danh xưng là Jehovah.

[5] Sigmund Freud (1856-1939): cha đẻ của phân tâm học cổ điển. Freud cho rằng cấu trúc nhân tính hay ngã tính của con người bao gồm Tự ngã, Bản ngã, Siêu ngã (Id, Ego, Super-ego).

[6] Tertullian (khoảng năm 160-220 Công nguyên): nhà biện giáo Cơ Đốc, được mệnh danh là người đặt nền móng cho thần học.

[7] T. George Harris là nhà báo người Mỹ, từng là tổng biên tập của các tạp chí như *Look*, *Psychology Today*, *American Health*.

[8] Benjamin McLane Spock (1903-1998): bác sĩ nhi khoa, nổi tiếng tại Mỹ với sách viết về chăm sóc trẻ nhỏ.

[9] Một khảo luận về các quan điểm của nhà thần học Paul Tillich trong *The Battle of the Bible, Look*, tập XIX, số 15,27 tháng Bảy 1965, tr. 19. (TG.)

[10] A. Guillaumont và những người khác (dịch), *The Gospel According to Thomas. Collins*, 1959,17-18,43. Một bản thảo tiếng Ai Cập cổ mới được phát hiện gần đây, có thể đã được dịch từ một bản tiếng Hy Lạp vào khoảng năm 140 Công nguyên.“Ta” ở đây rõ ràng muốn nói đến cái Ngã giả làm nhân loại. (TG.)

[11] Tôi dùng từ “chủ yếu” vì có biết đến một số ngoại lệ rất đặc biệt cả ở Mỹ lẫn ở Ấn Độ. (TG)

[12] *Tin mừng theo Thánh Luca. (7:34)*

[13] Nguyên bản: *If three joins them it can lick ‘em*. Tác giả vận dụng thành ngữ *If you can’t lick ‘em, join ‘em* có nghĩa là nếu không thắng được thì nhập hội.

[14] Norbert Wiener (1894-1964): là nhà toán học người Mỹ, người đặt nền móng cho điều khiển học với cuốn sách *Điều khiển học, hay điều khiển và giao tiếp trong động vật và máy móc*.

[15] “Ngắm thái dương lặn sau đồi hoa, lang thang nơi rừng lớn chẳng nghĩ chuyện quay về, đứng trên bờ dãi bóng thuyền khuất phía đảo xa, thưởng ngoạn cảnh đàn ngỗng trời lặn khuất giữa tầng mây.” (Zeami Motokiyo) Những lời trên đều mô tả cảm giác *u huyền*, nhưng chúng có điểm gì chung? (TG.)

[16] Tiếng Latin, nghĩa là “Ngợi ca Đức Chúa Trời”.

[17] *Sáng thế ký* (3:19).

[18] Ananda Coomaraswamy (1877-1947): nhà sử học, triết học, siêu hình học người Sri Lanka.

[19] George Ivanovich Gurdjieff (18667-1949): là người thuyết giảng những tư tưởng về tự nhận thức, ông cố ý xuất hiện trong bộ dạng lôi thôi để người khác phải nhìn nhận tư tưởng của ông theo đúng giá trị chứ không phải qua vẻ bề ngoài.

[20] Trong tiếng Anh là “negative entropy”. Entropy là đại lượng mô tả độ hỗn loạn của một hệ thống. Theo tiếng gốc Hy Lạp, “tropy” có nghĩa là thay đổi, chuyển hướng, còn “en” có nghĩa là “bên trong”. Vậy “entropy” có nghĩa là xáo trộn, hỗn độn. Schrodinger đã đưa ra khái niệm ngược lại là “negative entropy”, hay còn gọi là negentropy, tức “entropy âm” là đại lượng hướng tới trật tự và rời xa hỗn độn.

[21] *Bên kia tấm gương*: tác phẩm văn học thiếu nhi của Lewis Carroll, phần tiếp của *Alice lạc vào xứ thần tiên*. (ND.)

[22] Cedric Hardwicke (1893-1964): diễn viên người Anh nổi tiếng với các vở kịch và phim cổ điển.

[23] Nhân vật trong truyện *Bên kia tấm gương*.

[24] Hai nhân vật trong đồng dao tiếng Anh và trong truyện *Bên kia tấm gương*. Tweedledum và Tweedledee hàm ý về hai nhân vật có bề ngoài và hành động giống nhau như đúc.

[25] Nguyên gốc là “classicist”, từ chỉ học giả chuyên nghiên cứu về Hy Lạp và La Mã cổ đại.

[26] Ở đây tác giả chơi chữ Ceramic và Crackpot, hàm ý về điểm yếu của quan niệm Mô hình Đồ sứ về vũ trụ.

[27] Nguyên gốc tiếng Anh là “Problem of Evil” - còn được gọi là “Vấn đề về Cái ác” hay “Nghịch lý Epicurus” - nêu lên mâu thuẫn giữa sự tồn tại của cái ác với sự tồn tại của Chúa Trời. David Hume đã trích lời Epicurus dưới hình thức một chuỗi các câu hỏi: “*Chúa muốn ngăn chặn cái ác, nhưng không thể? Nếu thế thì ngài chẳng hề toàn năng. Chúa có thể, nhưng không muốn? Nếu thế thì ngài ác tâm. Chúa sẵn lòng ngăn chặn và thừa sức ngăn chặn cái ác? Vậy tại sao cái ác vẫn tồn tại? Hay chẳng Chúa không thể, cũng chẳng muốn ngăn cái ác? Vậy tại sao gọi ngài là Chúa Trời?*”

[28] Vương triều Chaldea trị vì Babylon vào khoảng thế kỷ 6 trước Công nguyên.

[29] Định lý khi vô hạn nói rằng nếu khi gõ loạn trên máy chữ trong thời gian không hạn định thì gần như chắc chắn sẽ gõ ra được một bản văn nhất định, chẳng hạn như tập kịch *Hamlet* của Shakespeare.

[30] “Cho đến giữa thế kỷ 17, các học thuyết khoa học Trung Hoa và Châu Âu gần như ngang hàng, chỉ về sau tư tưởng châu Âu mới bắt đầu tiến nhanh. Nhưng dù đi theo ngọn cờ thuyết cơ giới Descartes-Newton thì quan điểm đó cũng không thể thỏa mãn lâu bền các đòi hỏi của khoa học - đã đến lúc buộc phải xem vật lý học như ngành nghiên cứu các cơ thể nhỏ hơn, còn sinh học như ngành nghiên cứu các cơ thể lớn hơn. Khi ngày đó đến, châu Âu (hay đúng hơn là thế giới lúc ấy) có thể dựa vào một lối suy nghĩ rất cổ xưa, rất khôn ngoan, và không đặc thù châu Âu gì cả.” Needham, *Science and Civilisation in China (Khoa học và nền văn minh ở Trung Quốc)*. Cambridge University Press, 1956. Chương II, tr. 303. (TG.)

[31] Rotary Club (còn gọi là Rotary International) là một tổ chức phục vụ quốc tế có mục đích gắn kết các nhà lãnh đạo doanh nghiệp và các ngành nghề nhằm cung cấp các dịch vụ nhân đạo, khuyến khích các chuẩn mực đạo

lý trong tất cả các ngành nghề, góp phần xây dựng thiện chí và hòa bình trên thế giới. Tổ chức mở rộng cho mọi người, không phân biệt chủng tộc, màu da, tín ngưỡng, tôn giáo, giới, hay định hướng chính trị. (ND.)

[32] Từ *bark* trong tiếng Anh có nghĩa là vỏ cây, hoặc *tiếng chó sủa*.

[33] Một cái tên điển hình trong tiếng Anh, dùng đại diện cho các tên khác.

[34] Niccolò Machiavelli (1469-1527): là nhà ngoại giao, nhà triết học, nhà thơ, nhà soạn kịch Italia thời Phục hưng, ông là một trong những người đặt nền móng cho khoa học chính trị hiện đại. Tác phẩm nổi tiếng nhất của ông là *The Prince (Quân vương)*, bàn về nghệ thuật làm vua với những phương thức tàn nhẫn để có thể đoạt chính quyền, kiểm soát lãnh thổ.

[35] Một loại thuốc diệt côn trùng.

[36] Thomas Mann (1875-1955): nhà văn người Đức có tư tưởng nhân đạo dân chủ tư sản, chống phát xít.

[37] Không nên hiểu điều này là sự phản kháng đối với “nghệ thuật hiện đại” nói chung, mà chỉ với khía cạnh khá phổ biến trong nghệ thuật tuyên bố rằng nghệ sĩ nên đại diện cho thời đại mình. Và vì đây là thời đại kho phế liệu, bảng hiệu, và những khu ổ chuột đắt tiền, nhiều nghệ sĩ - nói cách khác là thiếu thốn tài năng - tạo tên tuổi bằng cách đóng khung “một cách thẩm mỹ” hay dựng lên bề những cái nghệ thuật nhặt được (*objets trouvés*) từ trong đồng rác thành phố. (TG.)

[38] Henry Miller (1891 -1980): tiểu thuyết gia, họa sĩ người Mỹ. ông đã có những tác phẩm được xem là thách thức giá trị Mỹ.

[39] Nguyên bản là “Gowith”, tác giả ghép hai từ “go with” lại.

[40] Lý thuyết Gestalt là một học thuyết tâm lý học của trường phái Berlin

về tư duy và trí não người. (ND.)

[41] Pierre Teilhard de Chardin (1881-1955): triết gia, nhà cổ sinh học, linh mục người Pháp.

[42] Douglas Edison Harding (1909-2007): nhà thần học, triết gia người Anh.

[43] Tôi xin cảm ơn Owen Barfield, *Saving the Appearances*, Faber & Faber, London, 1956, về minh họa này. (TG.)

[44] William Blake (1757-1827): nhà thơ lớn của nước Anh thế kỷ 18.

[45] David Bohm, *Quantum Theory*. Prentice-Hall, New Jersey, 1958, tr. 161-162. (TG.)

[46] Baruch Spinoza (1633-1677): nhà triết học duy lý người Hà Lan gốc Do Thái.

[47] Erwin Schrodinger, *My View of the World*. Cambridge University Press, 1964, tr. 21-22. (TG.)

[48] Cùng trang 22. (TG.)

[49] G.K.Chesterton, “Bài hát của kẻ khổ hạnh kỳ dị” (*Collected Poems*, Dodd, Mead, New York, 1932, tr. 199.)

[50] Nhân hiệu một loại chất kích thích.

[51] Từ “content” có nghĩa là hài lòng, toại nguyện, cũng có nghĩa là nội dung, cái chứa đựng bên trong.

[52] Chúng ta hãy đến thờ lạy [Người], một đoạn lời trong bài hát Giáng sinh phổ biến “Adeste Fideles” bằng tiếng Latin.

[53] Nhân vật chính trong truyện tranh dài kỳ Blondie của tác giả người Mỹ Chic Young, xuất hiện lần đầu trên báo vào năm 1930. Đồ nội thất trong nhà Dagwood được vẽ một cách đơn điệu.

[54] Một dòng của Do Thái giáo khởi nguồn ở Đông Âu vào thế kỷ 18.

[55] Martin Buber (1878-1965): triết gia gốc Do Thái, theo chủ nghĩa hiện sinh.

[56] Các chất gây ảo giác.

[57] Các phong trào chính trị, tôn giáo ở các nước châu Âu từ thế kỷ 13 đến 17.

[58] *Thái Ất Kim Hoa Tông Chỉ* là cuốn Đan kinh (nói về phép luyện đan) nổi tiếng ở Trung Quốc, đã được dịch ra nhiều thứ tiếng trên thế giới, tương truyền do Tổ Lã Động Tân truyền dạy.

[59] Logos: Chúa Con, ngôi thứ hai trong tam vị nhất thể; cũng có nghĩa là Lời, Chúa Con là Lời của Thiên Chúa, ngôi thứ nhất.

[60] Những từ ngữ lạ lùng và vô nghĩa do tác giả tạo ra.

[61] Arthur Stanley Eddington (1882-1944): nhà vật lý thiên văn người Anh.

[62] Những câu từ bài thơ “Jabberwocky” trong *Bên kia tấm gương* - một trong những bài thơ vô nghĩa tiếng Anh nổi tiếng nhất, gồm nhiều từ vô nghĩa và từ mới tạo, kỳ lạ và nhiều tính đùa giỡn.

[63] *The Nature of the Physical World (Bản chất của thế giới vật chất)*. J, M. Dent, London, 1935, tr. 280-81 (TG.)

[64] Những vần thơ trong một bài thơ vô nghĩa của nghệ sĩ, nhà thơ Anh Edward Lear (1812-1888).

[65] Luật cấm sản xuất, tiêu thụ, vận chuyển thức uống có cồn ở Mỹ thời kỳ 1920 -1933 khiến băng nhóm tội phạm có tổ chức bùng phát, đem lại những hậu quả xấu cho kinh tế, xã hội, và rượu vẫn được sản xuất lậu.

[66] Băng đảng chuyên đi mô tô phân khối lớn Harley-Davidson, được lập

ra ở Mỹ năm 1948 và hiện nay có mặt ở nhiều nơi trên thế giới. Các cơ quan an ninh xếp Hell's Angels vào loại băng đảng tội phạm có tổ chức.

[67] Đấu trường đua chiến xa của La Mã cổ đại.

[68] Mickey Spillane (1918-2006): nhà văn viết truyện trinh thám Mỹ.

[69] Nhân vật điệp viên nổi tiếng của nhà văn Anh Ian Fleming (1908-1964).

[70] Idris Parry, "Kafka, Rilke, and Rumpelstiltskin." *The Listener* (Người nghe). British Broadcasting Corporation, London 2/12/1965, tr. 895. (TG.)

[71] Về điều này, độc giả hãy tìm các tác phẩm theo thư mục như *Cosmic Consciousness* của Bucke, *Varieties of Religious Experience* của James, và *Watcher on the Hills* của Johnson. (TG.)

[72] Filmer Stuart Cuckow Northrop (1893-1992): triết gia Mỹ, đóng góp trong lĩnh vực nhận thức luận.

[73] William A. Earle (1919-1988): triết gia Mỹ, theo thuyết hiện sinh và hiện tượng luận.

[74] Triết học kinh viện đã lỡ mất cơ hội ngàn vàng vào năm 1921, khi Ludwig Wittgenstein lần đầu tiên xuất bản cuốn *Tractatus Logico-Philosophicus*, kết bằng đoạn sau: "Phương pháp triết học đúng sẽ là thế này. Không nói gì ngoài cái có thể nói, tức là các mệnh đề của khoa học tự nhiên, tức là cái gì đó không liên quan gì đến triết học: và rồi luôn luôn, khi ai khác muốn nói cái gì đó siêu hình, thì giải thích cho y là điều đó không có hiệu quả đối với những mệnh đề của y. Phương pháp này có thể không làm hài lòng người khác - y sẽ không cảm thấy rằng chúng ta đang dạy y triết học - nhưng nó sẽ là phương pháp chính xác tuyệt đối duy nhất. Các mệnh đề của tôi được giải thích theo cách này: kẻ nào hiểu tôi cuối cùng sẽ nhận ra y không có giác quan, khi y đã trèo ra qua các giác quan, trên giác quan, qua

giác quan. (Ấy là nói y phải ném cái thang đi, sau khi đã leo lên.) Y phải vượt qua những mệnh đề này; sau đó y sẽ thấy thế giới đúng. Biết thì thừa thốt, không biết thì dựa cột mà nghe.” Đây là thời điểm then chốt cho mọi triết gia kinh viện duy trì sự tỉnh lặng và đưa môn học lên tầng mức trầm tư thuần túy tương tự như kiểu hành thiền trong Thiền tông. Nhưng ngay cả Wittgenstein cũng phải tiếp tục nói và viết, vì một triết gia còn làm sao khác được để chứng tỏ mình đang làm việc mà không phải chỉ trốn việc? (Đoạn trên trích từ bản dịch tiếng Anh của *Tractatus*, Routledge & Kegan Paul xuất bản tại London, năm 1929. Các tiết đoạn 6.53, 6.54, và 7, tr. 187-89). (TG.)

[75] Cấu tạo từ tiếng Hy Lạp *enantios* (đối lập) và *dromos* (quá trình liên tục), một nguyên lý của Carl Gustav Jung (1875-1961), nhà tâm lý học người Thụy Sĩ. Theo nguyên lý này, sự phát triển bùng nổ của bất cứ lực lượng nào chắc chắn cũng sẽ làm nảy sinh lực lượng đối lập với nó.

[76] James Broughton (1913-1999): nhà thơ Mỹ.

[77] Trong *The Bard and the Harper*, James Broughton và Joel Andrews ghi lại. Đĩa than-1013, Musical Engineering Associates, Sausalito, California, sản xuất năm 1965. (TG.)

MỤC LỤC

LỜI TỰA

MỘT

HAI

BA

BỐN

NĂM

SÁU

CHÚ THÍCH